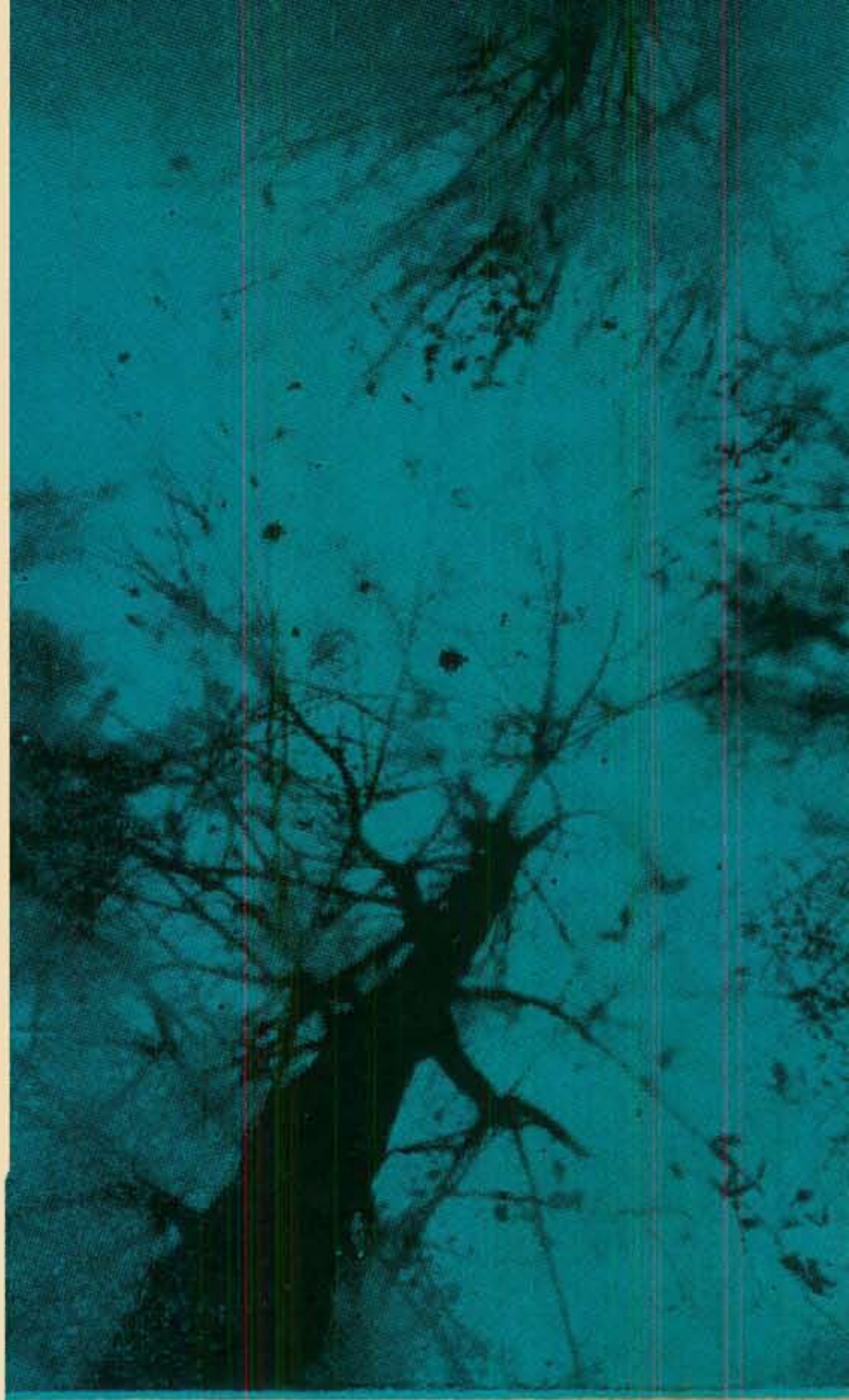




DOÃN QUỐC SỸ *
ĐOÀN NHẬT TẤN *
TRẦN NGỌC NINH *
DOHAMIDE * TỪ
MINH * MINH ĐỨC
HOÀI TRINH * HỒ
HỮU TƯỜNG * VŨ
HOÀNG CHƯƠNG *
TƯỜNG LINH *
HOÀNG NGỌC TUẤN
* TRÀNG THIÊN *
THU THỦY * B.T.C.



BACH KHOA

GIẢI PHẨM

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

1.400đ.

MỘT NĂM

2.800đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 500đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 195đ
— Ai lao	: 40đ.	— Pháp	: 220đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 55đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu :	245đ
— Nhật-bản, Đại-hàn.		— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 270đ
Ấn-độ, Hồi-quốc	: 120đ.		

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	8000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
		000		
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

— Giấy phép số 438/PTUDV/KSAL/
GP ngày 6-8-1973

● Phát hành ngày 8-8-1973

— Số lượng : 3.000 cuốn

BÁCH KHOA

P :

DOÃN QUỐC SỸ hướng về ngành Sư phạm Tiểu học	05
ĐOÀN NHẬT TẤN dịch thuật	15
TRẦN NGỌC NINH ngữ lí học và cơ cấu Việt ngữ	21
TRẦN NGỌC NINH Đức Phật trước các hệ thống tư tưởng đương thời (Sống với ý-thức-hệ)	29
DOHAMIDE những gương mặt sấu chai đá của châu Mỹ la-tinh	35
TỪ MINH độc tài về già : Francisco Franco	44
BÁCH KHOA đàm thoại với Nguyễn văn Hầu, tác giả cuốn « Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang ».	53
MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH lá thư nước ngoài	61
VŨ HOÀNG CHƯƠNG ba kiếp lang thang (thơ)	66
TƯỜNG LINH trăm tư (thơ)	67
HOÀNG NGỌC TUẤN tự truyện giữa mùa hè (truyện)	69
SINH HOẠT	
HỒ HỮU TƯỜNG nhưn một bài thơ	77
B.T.C. lễ kỷ niệm Tuyên Trưng Hầu Nguyễn Văn Tuyên tại Mỹ- An-Hung Sa-Đéc	79
TỪ MINH thời sự thế giới	81
TRÀNG THIÊN — THU THỦY thời sự văn nghệ	85
Họa sĩ VĂN-THANH trình bày bìa	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 120\$ Công sở : 240\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 15\$ mỗi số

Sách mới

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Nhà giáo họ Khổng của Nguyễn Hến Lê, do Cảo Thơm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 134 trang, tác giả chỉ tìm hiểu khía cạnh nhà giáo của vị vận thế sư biểu, « công của ông đối với nền giáo dục cổ Trung-hoa, các cách-mạng của ông về giáo dục, mục đích ông dạy học, cách ông dạy, tình ông đối với môn đồ, ảnh hưởng của ông ra sao tới hậu thế ». Phụ lục : Các bài trong Luận-ngữ nói về việc học. In và trình bày đẹp. Bản đặc biệt.

— Tính tình học của Bs Hồ Văn Minh do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 210 trang gồm 4 phần. Tính tình - học ông quát, Tính - tình - khoa chuyên biệt (Các loại người duy cảm, đa tình, hiếu hoạt, nhiệt tâm v.v...) Tính tình của một số tác giả và nhân vật (Nguyễn Dú, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Hạnh của Khái Hưng). Phụ lục các bảng tóm lược tính tình trẻ em và thiếu niên, Bảng trắc nghiệm tính tình cho trẻ em, thiếu niên và Bảng cho người lớn. Bản đặc biệt.

— Các nhà văn nữ Việt-nam 1900-1970 của Uyên Giao do Nhân Chủ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 400 trang gồm 3 phần : 1) Lược ghi về văn-nghệ nữ giới V.N. 2) Các nhà văn nữ tiêu biểu từ 1900-1970 : Thụy An, Mộng Sơn, Nguyễn Thị Vinh, Linh Bảo, Nhã Ca, Túy Hồng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn

Thị Hoàng, Trùng Dương. 3) Tác giả và tác phẩm (hình ảnh, tiểu sử và tác phẩm tiêu biểu). Giá 720đ.

— Từ ý thức đến chân lý của Hoàng Ngọc Dũng do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 154 trang gồm nhiều chương đề cập đến các vấn đề : ý thức, ngôn ngữ, triết lý, tình yêu, đau khổ v.v... Giá 295đ.

— Kinh Ruột Tuệ Giác Siêu Việt (Kinh Bát Nhã : Prajnaparamita Hrdaya) bản cổ phạn do Thế Tịnh sao chép, T.T. Trí Quang giới thiệu đại ý, bản Hán dịch năm «Bát-nhã Ba la Mat-đa Tâm kinh» của ngài Huyền Trang, bản dịch Việt ngữ và chú giải của Thi Vũ (phần chú giải có dẫn về xuất xứ, về các từ ngữ, về đặc điểm, về yếu nghĩa của Kinh Ruột Tuệ giác Siêu việt). Sách dày 90 trang, khổ 9,5 × 18,5, do dịch giả gửi tặng. Rừng Trúc (Paris) xuất bản, in trên giấy tằm, trình bày và ấn loát rất đẹp.

— Về R Toàn bộ tập truyện của Kim Nhật — tác giả «Bóng tối đi qua» — do Hoa Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 560 trang gồm 4 phần : những ngày đầu của Nguyễn Hữu Thọ ; R ; Chiến tranh từ đó ; Khung trời một góc riêng. Lê Lợi tổng phát hành.

Sau giờ ra chơi tiểu thuyết của Nguyễn Đình Toàn do Giao Điểm xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 300 trang, tranh bìa của Nguyễn Trung, in đẹp. Giá 500đ.

Tỳ vết tâm linh truyện dài mới nhất của Bình Nguyên Lộc, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 328 trang khổ 14,5 × 20,5, nội dung rất sống và lời cuốn, bìa do Văn Thana trình bày. Giá 180đ.

Hướng về ngành Sư-phạm Tiểu-học

Tôi biết có một số bằng hữu khi chấm những bài thi ở Đại-học bết quá bao giờ cũng thốt lời than chí lý: «Phải làm lại từ cấp Trung học mới được». Đã phục vụ lâu trong ngành sư phạm nên tôi thấy rằng thật đúng lý ra phải nhắc đến lời nói cửa miệng của cha ông chúng ta: «*Đạy con từ thuở còn thơ*». Đích thực phải làm lại từ cấp Tiểu học!

Chúng tôi, những người đã suy nghĩ nhiều về ngành sư phạm, thường vẫn nhận thấy quan niệm sai lầm của một số người không ít ỏi chút nào, là *đạy tiểu học thì ai đạy mà chẳng được*. Nhiều khi chúng tôi cứ phải lấy một tỉ dụ thật dễ hiểu sau này để chứng minh cho người đối thoại biết là họ đã lầm khi nghĩ như vậy. Cùng là bác sĩ chuyên khoa cả, người thì chuyên về tai mũi họng, người thì chuyên về bệnh ngoài da, người thì chuyên về thần kinh, người thì chuyên về *nhi khoa*, không ai nỡ nghĩ rằng ngành *nhi khoa*, vì chuyên chữa cho trẻ con, nên không cần học nhiều.

Các vị học giả ưu thời mãn thế các vị đồng nghiệp khả kính của tôi đã trình bày nhiều trên công luận những ý kiến xác đáng và xây dựng về giáo dục, về quốc học nói chung, ở đây tôi chỉ xin đề đạt ý kiến riêng tổng quát về ngành sư phạm Tiểu học mà thôi.

Ông Thầy lý tưởng của ngành Sư phạm Tiểu học

Ông thầy lý tưởng phụ trách giảng dạy tại các trường sư phạm đào tạo nhà giáo ngành Tiểu học nên đã từng dạy ở Tiểu học. Không một Đại học nào, trong nước hay ngoài nước, có thể thay thế được những kinh nghiệm sống quý báu đó khi dạy và hướng dẫn về hai phần sư phạm lý thuyết và sư phạm thực hành. Trường Sư Phạm Saigon ngày nay có một số giáo sư đã dày kinh nghiệm ở Tiểu học, lại có một số giáo sư trẻ, sau một thời gian dạy ở Tiểu học, được học bổng ngoại quốc (phần nhiều đi Mỹ) theo học từ hai đến bốn năm lấy bằng Cử nhân sư phạm — B.A. — hay lấy bằng Cao-học — M.A. — thành tài về nước, trở lại nhiệm sở cũ lại thành phần ban giảng huấn. Với kinh nghiệm bản thân đã dạy ở Tiểu học nước nhà, với căn bản đích thực về lý thuyết đã thụ huấn được trong thời gian du học, quý vị giáo sư này hội được điều kiện đầy đủ nhất. Dĩ nhiên tôi không quên phần quan trọng của nghệ thuật thấu thá và cập nhật hoá những tiến bộ của ngành giáo dục Tiểu học nước ngoài rồi thích ứng với hoàn cảnh nước nhà. Đây là nghệ thuật giảng dạy riêng tư của từng giáo sư. Dĩ nhiên tôi cũng không quên nhấn mạnh điều kiện từng có kinh nghiệm dạy ở Tiểu học chỉ là điều cần nhưng không đủ, nếu vị giáo sư đó chưa hội được thêm phần kiến thức chuyên môn già dặn. Đó là một số trường hợp gượng ép đã xảy ra tại các trường

sư phạm địa phương thiếu trường sở, thiếu giáo sư.

Việc đào tạo nhà giáo ngành Tiểu học.

Về thể xác thì bác sĩ ngành nhi khoa là người đầu tiên gìn giữ sức khoẻ cho các em vào những thuở ban đầu, về linh hồn thì ông thầy Tiểu học là người đầu tiên uốn nắn các em. Thật ra không làm gì có ranh giới cách biệt rõ rệt giữa thể xác và linh hồn, nhưng nhìn đại thể thì không ai chối cãi được điều đó. Cái thuở ban đầu, cái thuở *dạy con từ thuở còn thơ* ấy, cũng không ai phủ nhận được giá trị của nó. Giáo dục căn bản chính là giáo dục tự căn bản, tự bậc Tiểu học. Nhưng nói và nghĩ một đằng (để tắc trách lương tâm), nhưng chúng ta hầu như vẫn làm một nẻo. Nếu quả thật chúng ta muốn làm để thực hiện đúng quan niệm coi giáo dục Tiểu học là căn bản thì chúng ta phải thực hiện những gì đây? Xin thưa ngay, phải huấn luyện ông thầy. Ông thầy là cái gốc của giáo dục, là linh hồn của giáo dục. Bởi "thầy là hình mà trò là bóng, hình ngay thì bóng thẳng". Đây là một trong những khẩu hiệu quý giá và gợi hình gợi cảm nhất mà các giáo sinh trường Sư Phạm Saigon đã dùng để trang trí lớp.

Đào tạo thầy — bất kỳ ngành nào, nhưng đây chú trọng vào ngành căn bản Tiểu học — muốn cho sự đào tạo đó có giá trị căn bản, tất nhiên phải chú trọng đến trình độ lúc nhận vô học, kể đó là thời gian huấn luyện.

Xin nói ngay để chúng ta sẵn có một mốc so sánh: các nước tiền tiến như Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Nhật... bất kỳ ai muốn phục vụ ngành thầy, Tiểu học hay Trung học, đều phải học xong mười hai năm Tiểu và Trung học, cộng thêm bốn năm Đại học nữa. Khi ra trường không có *giai cấp* phân chia giáo viên Tiểu học với giáo sư Trung học. Giá trị văn bằng như nhau, đồng lương ngang nhau. Ai yếu trẻ nhỏ thì chuyển sang ngành Tiểu học, ai ưa trẻ lớn thì chuyển sang ngành Trung học. Thế thôi. Tóm lại thời gian huấn luyện như nhau, giá trị văn bằng như nhau, sự đãi ngộ như nhau. Không một gợn nhỏ mặc cảm giữa Tiểu học với Trung học.

Thử kiểm điểm lại và so sánh quá trình giáo dục của ta từ xưa tới nay

Thời Hán học, trường của các thầy đồ, thầy khóa tại các làng phụ trách giai đoạn vỡ lòng — Tiểu học. Dời các trường làng, học trò tới thụ huấn các bậc khoa cử, hay tại những trường các quan giáo huấn hàng huyện, hay các quan đốc học hàng tỉnh, đây là tương đương với bậc Trung học ngày nay. Học hết nơi đây, các khóa sinh qua kỳ thi sát hạch tỉnh để đi thi Hương. Trong hương thí đồ tiểu khoa là tú tài, trung khoa là cử nhân.

Có được trung khoa (cử nhân) mới thi Hội, thi Đình. Ngày xưa sự phân công như vậy hợp lý với hoàn cảnh và cái học thuở đó. Số thí sinh ít, tinh thần cái học huấn hồ tiên học lễ hậu học văn, giấy rách

giữ lấy lẽ, bằng bạc thuần nhất từ các trường làng, qua các trường hàng huyện, hàng tỉnh, từ khi còn là thầy khóa đến khi thành ông tú, ông cử, trạng nguyên, tiến sĩ.

Từ ngày gặp gỡ Tây phương, cái học mới có nhiều phức tạp, cả về nội dung lẫn hình thức, nhưng sự phân công dường như vẫn thuần đã theo nếp cũ. Chính quyền thực dân Pháp thuở đó cũng chẳng muốn gì hơn. Kể đến giai đoạn giành được độc lập, Bình dân Học vụ phải thanh toán gấp nạn mù chữ, thì việc tổ chức học lớp tối, việc người biết chữ hằng tâm hằng sản dạy gấp cách đọc cách viết theo tinh thần lá lành đùm lá rách, con chị công con em, là lẽ đương nhiên của một thời. Cái lầm là chúng ta đã giữ nguyên cái lẽ đương nhiên của một thời thành cái lẽ đương nhiên của muôn thuở. Do đó mà ra thành kiến sai lầm cho là dạy Tiểu học, nghĩa là dạy các em mới tập đọc tập viết thì «ai dạy chẳng được». Do đó có hố ngăn cách giai cấp Tiểu học với Trung học, cái nhìn bình thường dành cho giới này, cái nhìn ưu ái với giới kia. Rồi tới thuở giáo viên Tiểu học phải có Trung học đệ nhất cấp, thụ huấn sư phạm thêm một năm, đã là cách mạng lắm; rồi đến khi giáo viên Tiểu học phải có tú tài một, và thụ huấn sư phạm hai năm, lại càng là một cách mạng táo bạo. Đến nay, kể từ niên khóa tới — 1973-74 — nhà giáo Tiểu học phải có Tú tài toàn phần và thụ huấn sư phạm hai năm, nhiều người cho rằng cách mạng giáo dục Tiểu học đến như thế là quá đủ rồi. Không! Kể viết bài này

không nghĩ thế. Cho đến nay công cuộc đào tạo nhà giáo Tiểu học chúng ta mới ỉ ạch tới đây là quá muộn. Phải thanh toán nốt con đường nhỏ còn lại, nghĩa là nhà giáo Tiểu học phải có đủ mười hai năm Tiểu Trung học (xong tú tài toàn phần), cộng thêm bốn năm Đại học. Giai đoạn hai năm Đại học ngày nay chỉ là giai đoạn chuyển tiếp càng ngăn chướng nào càng hay chướng ấy. Đó là điều tôi muốn thiết tha nhấn mạnh với quý vị có thẩm quyền và có uy quyền giáo dục của nước nhà trong giai đoạn hiện tại.

Từ lời nói đến việc làm — Con đường thực hiện

Ngành Tiểu học ngày nay tôi vẫn mệnh danh một cách khôi hài là sự trạng Tiểu học, mất máu. Các trung tâm huấn luyện lớn, có thực lực như các trường Sư phạm Sài Gòn, Qui-nhơn, Vĩnh-long cứ việc hì hục đào tạo cán bộ Tiểu học, nhưng sau khi thành tài, những nhà giáo đó luôn luôn cựa mình bằng cách học thêm hoặc ở Đại học Văn khoa, hoặc ở Đại học Sư phạm trong những khóa đặc biệt, để chuyển ngạch thành giáo sư Trung học. Sự kiện mất máu đó là lẽ đương nhiên, bởi vì với quan niệm sai lầm cố hữu thì những người phục vụ ngành Tiểu học chịu thua thiệt đủ trăm đường ngàn nôi, cả về vật chất lẫn tinh thần, nói cho cụ thể hơn, cả về quyền lợi, lẫn uy tín. Chỉ xin đơn cử một vài nét vấn đề chính như sau.

Nét tổng quát nhất là trong số

50.000 nhà giáo Tiểu học ngày nay thì có tới 30.000 là giáo viên ấp, được huấn luyện cực kỳ sơ sài theo tinh thần cấp tốc. Nay chỉ xin kể tới số nhà giáo Tiểu học bắt buộc có tú tài I và được thụ huấn sư phạm hai năm tại các trường sư phạm lớn.

Về quyền lợi vật chất thì lương "giáo học cấp bổ túc" theo chỉ-số 350 so với lương giáo sư Trung học đệ nhất cấp chỉ số là 370.

Về uy tín tinh thần thì tinh thần nhất tư vi sư bán tư vi sư thực tình vẫn còn nồng đượm giữa thầy và trò, giữa thầy và các phụ huynh học sinh. Càng ở những chốn xa xôi hẻo lánh tình sư đệ càng thấm thiết, đúng với tinh thần của cha ông ta xưa. Nhưng trong những mối giao thiệp với các giới chức chính quyền từ cấp quận trở lên, rõ ràng nhà giáo Tiểu học bị nhìn và bị đối xử một cách oan uổng theo thành kiến sai lầm trên nấc thang giá trị xã hội.

Tôi không dám nói tới những vị quyền bính có cái nhìn khoáng đạt, sâu sắc, tương thân tương ái, nhưng chúng ta không thể chối rằng nhiều trường hợp, nếu là giáo sư Trung học thì được ông quận niêm nở vồn vã tiếp đón, mời ngồi trong quận đường, giáo viên Tiểu học (dù đã học xong Cử nhân nhưng chưa có dịp thuận tiện để chuyển ngạch lên Trung học) thì bị miệt thị, lơ là. Sự miệt thị đó được đẩy tới mức bị hải kích, người của giới hành chánh coi nhà giáo Tiểu học như một công cụ phụ thuộc đương nhiên cho mình,

điển hình nhất là trong những vụ bầu cử lớn nhỏ. Đánh máy danh sách cử tri, kiểm soát danh sách cử tri, coi và kiểm thùng phiếu... toàn là những công tác phụ trội không hề có trong chương trình huấn luyện tại bất kỳ trường sư phạm danh tiếng nào ở bốn quân khu.

Tôi không hề có ý phân biệt trọng khinh giữa hai công tác dạy học với công tác coi thùng phiếu, tôi chỉ thấy đó là một thái độ lạm dụng tinh thần dĩ hòa vi quý của nhà giáo. Nhà giáo đã có trách nhiệm giáo huấn của họ với con em đồng bào, kể cả, dĩ nhiên, con em các vị trong guồng máy hành chánh; việc điều khiển tổ chức cuộc tuyển cử hoàn toàn thuộc quý vị bên Bộ Nội-vụ, không dính líu một chút nào với bên Giáo-dục. Tôi không rõ vì một ý nghĩ nào, thành kiến nào, lại có thể đưa đến tệ trạng như ngày nay, coi việc trưng dụng giáo chức Tiểu học phụ vào các việc tổ chức và điều khiển các cuộc tuyển cử lớn nhỏ như một lẽ đương nhiên. Tôi viết những dòng phản đối này chính là phản đối tinh thần không tốt đẹp chút nào đó với người thầy. Và tôi cần nói thêm tinh thần đó hoàn toàn đi ngược tinh thần coi trọng nghĩa sư đệ của dân tộc hiếu học nước nhà. Tôi xin thành thật đặt câu hỏi: Lạm dụng và coi rẻ người mang trọng trách uốn nắn con em mình từ thuở trứng nước như vậy nào có khác gì muốn ăn quả mà lại đào gốc? Tôi lại xin kể hầu quý vị một trong muôn ngàn trường hợp điển hình của tình sư đệ chân thành

và cảm động đó. Thoạt đến nhận nhiệm sở ở một làng hẻo lánh trong một quận hẻo lánh, cô giáo nhớ nhà, nhớ cha mẹ, anh chị em trong gia đình, khóc hết nước mắt. Ba tháng sau, sống hòa đồng với các em nhỏ, hòa đồng với nếp sống nghèo nhưng chân thật miền quê đất nước, tình sư đệ thấm thiết đến nỗi vào dịp lễ Giáng-sinh cô giáo cũng bịn rịn không muốn về phép sớm. Thầy nhớ trò, trò nhớ thầy. Quả thực trong cuộc chiến không trận tuyến suốt bao nhiêu năm qua trên xứ sở rách nát này, hình ảnh người thầy Tiểu học là hình ảnh hiền hòa nhất của chính thể cộng hòa, có mặt thấu khắp các hang cùng ngõ hẻm. Vun bón chặt chiu những hình ảnh cao quý trong đơn giản đó là bổn phận của tất cả chúng ta.

Nhìn vào một tương lai để tin tưởng

Không phải là nhìn mà thực ra là xây dựng. Chúng ta xây dựng ra sao đây một tương lai đầy tin tưởng và xứng đáng cho ngành giáo dục căn bản đó ?

Ngày nay ngành sư phạm Tiểu học đã đến mức thi tuyển những người có Tú tài toàn phần để sửa soạn thụ huấn sư phạm hai năm, thế là thêm một bước tiến nữa, một bước tiến áp chót. Trong khi chờ đợi ngày chúng ta hoàn tất nốt bước tiến cuối cùng : huấn luyện sư phạm bốn năm Đại học cho ngành giáo Tiểu học, hiện nay chúng ta đã thực sự đãi ngộ những nhà giáo tốt nghiệp đó theo đúng với giá trị hai năm Đại học của họ, chỉ số lương bổng năm tới đương nhiên ngang với chỉ số của

giáo sư Trung học đệ nhất cấp. Mai đây, tôi mong rằng ngày đó sẽ rất gần, khi những người đó học đủ bốn năm Đại học thì chỉ số lương bổng đương nhiên như chỉ số của giáo sư Trung học đệ nhị cấp. Thời gian huấn luyện như nhau, giá trị văn bằng như nhau, quyền lợi như nhau. Hồ chia rẽ giai cấp Trung, Tiểu học được san bằng, chỉ còn vấn đề chọn lựa ngành giáo huấn theo năng khiếu của mình. Cũng chấm dứt luôn tình trạng Tiểu học mất máu.

Đề hỗ trợ cho những bước tiến quan trọng và vững chắc đó, chúng tôi tha thiết mong :

— Quý vị có thẩm quyền từ cấp Bộ đến cấp Ty luôn luôn nhận rõ sự phân biệt nhiệm vụ giữa hai Bộ Nội vụ và Giáo dục, tuyệt đối tránh sự lạm dụng quyền thế với nhà giáo ;

— Quý vị các cấp chính quyền có cái nhìn khoáng đạt và sâu sắc, hãy tô đậm bằng hành động tinh thần, kính trọng người thầy của truyền thống ông cha. *Không thầy đố mày làm nên. Muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.*

Sự thực đã cùng chung sống trong một cộng đồng, chúng ta không thể không ý thức : Kính người là tự kính mình, khinh rẻ người là tự khinh rẻ mình. Đặc biệt lạm dụng quyền thế của mình, lạm dụng tinh thần hiếu hoà của nhà giáo — nhất là nhà giáo Tiểu học, những người chiến sĩ văn hoá hiền hậu hiện diện tới các hang cùng ngõ hẻm — là phá hoại ngay từ gốc văn hoá của đất nước. Phục hồi giá trị và truyền thống học đường là thế.

DOÃN QUỐC SỸ

NHÀ XUẤT BẢN **SÔNG-KIÊN** giới thiệu Bộ sách Tài liệu Lịch sử giá trị về **HITLER** và Trận Đệ II Thế-Chiến do hai Dịch giả **NGƯỜI SÔNG-KIÊN** và **LÊ-THỊ-DUYÊN** đã trên 10 năm sưu-tầm, nghiên-cứu và dịch-thuật.

NHỮNG TRẬN ĐÁNH LỊCH SỬ CỦA HITLER
(In lần thứ II)

HITLER VÀ SỨ MẠNG BÍ MẬT CỦA SKORZENY

HITLER, NGƯỜI PHÁT ĐỘNG THẾ CHIẾN THỨ II

HITLER VÀ LÒ THIÊU SỐNG DÂN DO THÁI

HITLER VÀ CÁC DANH TƯỚNG ĐỨC QUỐC XÃ

HITLER VÀ CÁC VŨ KHÍ BÍ MẬT

HỒI KÝ CỦA HITLER

HITLER VÀ TRẠI TẬP TRUNG PHỤ NỮ DO THÁI

HITLER VÀ TRẠI TẬP DIỆT TRẺ CON DO THÁI

HITLER VÀ CUỘC MƯU SÁT CÁC LÃNH TỰ ĐỒNG MINH

HITLER ĐỀN TỘI (VỤ ÁN QUỐC TẾ NUREMBERG)

NGÀY TÀN CỦA HITLER

Một bộ sách gối đầu giường dành cho các chiến lược gia — Các nhà Quân sự, và của trên một triệu chiến sĩ V.N.C.H. — Một bộ cẩm nang vô giá của các Chuyên viên An ninh Tình báo — của các Sinh viên, Học sinh muốn tìm hiểu chính xác về Hitler, về tài thao lược và cá tính của các danh Tướng Đức Quốc Xã và Đồng-minh với những mưu chước xuất quỷ nhập thần, càng đọc càng say mê, cuốn hút con người vào trận đồ do Hitler dàn ra và đã thiêu rụi trên 50 triệu người trong Trận Thế chiến Đệ II.

XIN QUÝ ĐỘC GIẢ LƯU Ý: Khi đọc **HITLER** là quý vị phải tìm cho được tác phẩm do Nhà **SÔNG-KIÊN** ấn hành **NGƯỜI SÔNG-KIÊN** và **LÊ-THỊ-DUYÊN** dịch thuật.

Các bạn đã đọc chưa ?

truyện dài **THÁNG NGÀY MỖI MỆT**

của 3 tác giả : **VŨ-BÀNG — KIM-THU — TỪ-TỐC**

Dịch-thuat

Gần đây đã có chuyện một cuộc mật đàm nghị hòa mà ngôn ngữ bất đồng, tiếng người nước này hiểu với nghĩa này, người nước khác hiểu theo nghĩa khác, lúc đầu tưởng như tương tri tương đắc và « hòa-bình đã đến trong tầm tay », nhưng hỏi lại mới ngã ngửa ra là đã có chuyện chơi nhau về sự phiên dịch cái nghĩa của một hội-đồng hòa-giải, đến nỗi sau đó phải trả giá hàng ngàn sinh mạng làm trì hoãn việc kết thúc một cuộc chiến kéo dài hơn một phần tư thế-kỷ trên một dân-tộc không quá bốn chục triệu người. Cơ trời đã khiến vậy chăng? Bởi vì trong Thánh-kinh đã có chuyện loài người ngày xưa vốn cùng chung một tiếng nói, sau đó họ nảy ra ý-đồ « phát-triển cộng-đồng » đề dựng lên cái tháp Babel cao đến tận trời. Điều này làm phật ý Trời nên Ngài đã phạt và khiến cho loài người đây đó có nhiều tiếng nói khác nhau không còn hiểu được nhau đề mưu-đồ « chơi ngụy » như trước nữa.

Câu chuyện ẩn-dụ này của Thánh-kinh có lẽ nên hiểu theo một nghĩa rất ngụ-ngôn: Tháp Babel nên được coi như biểu-tượng cho một tham-vọng vô bờ bến của con người, và đối với một lòng tham không đáy mà cũng không chớp—vì tháp thì phải nói chớp—Trời có phạt cũng là phải lẽ vậy. Còn cái việc bất đồng ngôn-ngữ mà coi như là một trừng-phạt thì cũng không sai vì nó bất tiện vô cùng.

Nhưng, ơn Trời, đó cũng không phải là một trừng-phạt quyết-liệt lắm vì Trời còn phú cho người cái khả-năng phiên-dịch từ tiếng này qua tiếng khác. Có lẽ cũng chính là vì Trời muốn như vậy bởi khả năng này đã làm lợi cho Trời trước nhất: hiện nay Thánh-kinh là quyển sách xưa nhất đã được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất trên hoàn-cầu; nếu không có việc dịch đó thì Trời chẳng hơn vì tôi với bạn vì dù có tuyên bố gì đi nữa thì các Vị Thánh và cả con Trời là Đức Jêsus cũng chỉ là những chức-sắc nói chuyện với dân làng, không có ai ở nơi khác nước khác hiểu được họ và ngày nay không còn ai biết đến họ nữa. Không có phiên dịch thì từ xưa làm gì có anh chàng « Ulysse sung sướng vì được du-lịch xa xôi » và ngày nay cũng đã không có chuyện một lãnh tụ thượng đỉnh của khối này công du sang khối kia để làm hòa-dịu một thế-giới đang có mùi nghệt thở. Xã-hội người đã nhờ sự dịch tiếng, dịch văn mà tiến-bộ không ngừng; các kinh-kệ, giáo-thuyết, tư-tưởng, chủ-nghĩa, dù có chấp-nhận hay phủ-nhận ơn Trời, cũng được dịch ra nhiều thứ tiếng mà phổ-biến khắp trong nhân-loại. Dù họ có chống nhau thì sớm muộn rồi cũng đi đến chỗ hiểu nhau và hiểu nhau là đầu mối để thương nhau, hợp-tác với nhau mà

tiến bộ hơn nữa, miễn là đừng có chuyện xây cái tháp Babel để lên thế giới Trời không-chế đồng-loại, làm bá-chủ thế-gian.

Ngày nay, người ta ước-lượng đang có từ 30 đến 40 % số sách sản-xuất trên hoàn-cầu là sách dịch, ảnh-hưởng vào nếp sống các dân-tộc không phải là nhỏ. Nhờ có phiên-dịch, nhân-loại đã thêm hòa-đồng; những nước cam sống trong cô-lập, không liên-lạc được với thế-giới bên ngoài sẽ không tránh khỏi lạc-hậu suy-vong, một qui-luật mà bây giờ quốc-gia nào trên thế giới như cũng đã nhận chân được; những bức tường ô-nhục đã bị chọc thủng, để tự nó sẽ sụp đổ và san bằng trong khắp các lĩnh-vực từ văn-hóa, khoa-học đến chính-trị. Mà nhân-loại hòa-đồng là nhân-loại tiến-bộ, thù-hằn chỉ là thú-tính, ai còn khai-thác hận-thù, người đó còn tự giam mình trong kiếp sống sài lang. Phiên-dịch đang đóng một vai trò quyết định trong nhu-cầu tiến-hóa nhân-loại.

Không phải là chuyện để nước hậu-tiến tiếp nhận dễ-dàng tinh-hoa của những nước tiền-tiến; bởi vì thật khó mà định-nghĩa thế nào là tiền-tiến mà không khỏi nhìn hẹp-hòi ở một mặt. Cho nên việc phiên-dịch không phải chỉ có lợi một chiều, mỗi nước đều trao đổi những tinh-hoa cho nhau để chan-hòa những sắc thái dị-biệt: ở các nước nguyên tác thì chỉ những tác-phẩm có giá trị mới được nước khác phiên-dịch nên nhờ đó mà có sự gạn

lọc các áng văn bất hủ để nền văn-hóa được cao đẹp hơn; các nước phiên dịch thì chẳng những thu được tinh-hoa mới mà còn nhận nhiều ảnh-hưởng phong-phú về tinh-cảm và tinh-thần qua tác-phẩm được dịch, khả năng biểu-tượng của ngôn-ngữ văn-tự thêm điều-luyện, nâng cao cho bằng ngôn-ngữ nguyên-tác; nhiều chữ mới được tạo ra, nhiều danh-từ trước kia có nghĩa mơ-hồ nhờ đó trở nên xác-định và sáng-sủa. Trong ngôn-ngữ ta, từ ngày có phiên-dịch, đã có biết bao nhiêu từ-ngữ, ý-niệm mới-mẻ được tạo ra từ chữ Hán, (nhiều đến nỗi đã có người lầm tưởng rằng trong tiếng ta thì danh-từ nào cũng phát xuất từ Hán-tự, thậm chí chữ *miệng*, *mồm*... cũng được coi như mượn từ tiếng Tàu « mạnh hầu », tiếng *vú* như hậu thân của tiếng « nhũ »; làm như trước khi tiếp-xúc với người Tàu ta không có tiếng gì để nói cái miệng, cái vú... vậy: một « tính chất cần » quá rộng rãi thường bị người ta hiểu lầm là một « điều-kiện đủ »). Trong chữ nôm trước đây cũng đã có chữ *kinh-tế* nhưng với nghĩa *kinh bang tế thế*, ngày nay nó còn có thêm cái nghĩa mà người Nhật đã dùng để dịch chữ *économie* của Tây-phương và đưa sang Đông-phương một ý-niệm chưa hề có trước đó. Có khi người ta phải phiên-âm vì không có chữ tương-đương để mà phiên dịch: trước đây năm, bảy mươi năm, những tiếng như *xà-phòng*, *ký-ninh*, *xoong*, *xi-măng*... còn có vẻ ngoại-lai lắm. Nhìn lại ta có thể nói không ngoa rằng lịch-sử ngôn-ngữ, văn-hóa Việt

đã tiến-triển song-hành với lịch-sử dịch-thuật từ những ngôn-ngữ các nước có bang-giao với chúng ta. Đó cũng là một hiện-tượng chung trong quá-trình văn-minh các nước.

Ngày nay, người ta mới nói đến lỗi làm việc tập-thề để nghiên-cứu và trước-tác, thực ra chuyện ấy không xa lạ gì từ xưa đối với những công-trình nghiên-cứu hay sáng-tác trong học-thuật và văn-chương, bởi vì người ta đã có thể sử-dụng biết bao nhiêu tài-liệu trực-tiếp hay gián-tiếp dịch ra từ các thứ tiếng, từ các văn-liệu tích-lũy xưa nay trong nhân-loại mà riêng mình không tài nào rờ tận tay thấy tận mắt để hiểu hết được nếu không có dịch-thuật mà vai trò chẳng khác một đường dây viễn liên tập hợp tư - tưởng con người qua cả thời-gian.

Đối-tượng của phiên-dịch

Vào cuối thế-kỷ trước, có những cố-gắng phát-minh ra một ngôn-ngữ thống-nhất cho hoàn-cầu, năm 1879 Scheleyer đã nghĩ ra chữ volapuk, năm 1887 Zamenof sáng-kiến chữ esperanto, nhưng những công-trình như vậy đã không được hưởng-ứng, không phải vì loài người không muốn có một phương-tiện giao-thiệp và thông-cảm với nhau, nhưng có lẽ vì nó đã bị trào-lưu phiên-dịch đánh-bại; bởi lẽ người ta tuy muốn hiểu tiếng nói của nhau, nhưng cũng vẫn còn cần giữ lại tiếng mẹ đẻ của mình, một bảo-vật đã truyền lại cho mình từ bao đời cha ông, đã bám quá sâu vào tiềm-thức dân-tộc, mỗi

người đã sinh ra, lớn lên và sống trong tiếng ấy với cả thề-xác lẫn tâm hồn. Bởi đó mà muốn phiên-dịch được hoàn-hảo, người dịch phải cảm hiểu và gần như phải sống trong cả hai ngôn-ngữ vì phiên-dịch là đổi thay ngôn-ngữ từ nguyên-tác nhưng phải thật trung thành với nguyên-tác; tất cả khó khăn là ở đó: Vấn-đề là trung-thành với ai? với gì? với tác-phẩm hay tác-giả? Và cũng còn có chuyện trung-thành với đối-tượng nghĩa là dịch cho ai, để làm gì nữa.

Tất cả những câu hỏi ấy đã được đưa ra bàn cãi ở một *Hội-thảo Quốc-tế* qui tụ trên năm mươi dịch-giả từ nhiều nước trên hoàn-cầu họp (1) tại Nice (Pháp) vào tháng 5 năm 1972. Theo những tài-liệu phổ-biến sau đó thì ít ra người ta cũng đã đồng ý với nhau về một định-nghĩa rằng: « Bản dịch lý-tưởng là bản dịch có thể tạo lại được trong ngôn-ngữ, sau tất cả những hiệu-lực của nguyên-tác trong ngôn-ngữ trước, không phải chỉ trong nghĩa câu, mà trong nhạc điệu, màu sắc, hình ảnh, giọng văn và cả những âm vang liên tưởng (échos associatifs) mà nó gợi ra nữa ». Bởi vậy nên phiên dịch cho hay tức là sáng tác lại (« Bien traduire, c'est recréer »).

Một lý tưởng như vậy thực không dễ gì đạt được bởi vì nó còn khó hơn là sáng tác nữa. Người xưa có chuyện một anh thợ vẽ, được hỏi đã đáp rằng vẽ ma qui thì dễ còn vẽ chó vẽ ngựa thì rất khó, bởi vì chó, ngựa thì phải vẽ cho giống, còn

(1) Nhân Năm quốc tế về Sách 1972.

ma quý thì tha hồ mà bịa đặt ra; đó cũng là tâm-trạng của một người dịch đúng và một người vừa dịch vừa vẽ vời thêm vào. Vậy nên nói là sáng-tác lại như trên thì không phải là có chuyện vẽ-vời thêm vào nữa. Từ Chinh-phụ-ngâm-khúc của Đặng-Trần-Côn đến Chinh-phụ-ngâm-khúc của Đoàn-thị-Điễm đã có sự sáng-tác-lại rất rõ-ràng. Còn từ Kim-Vân-Kiều-truyện của Tàu đến Truyện Kiều của Nguyễn Du, tuy có đại-cương tình-tiết giống nhau nhưng không ai cho là dịch được vì phần sáng-tạo độc-đáo quan-trọng đã quyết-định giá-trị của tác-phẩm.

Đúng lý ra, chúng ta nên dựa vào cái dụng ý của người viết sau mà phê phán họ: Nếu Đoàn-thị-Điễm viết Chinh-phụ-ngâm cốt đề sáng-tác một cái gì hơn nguyên-tác, tuy dựa vào một đề-tài cũ, chứ không cốt đề độc-giả tìm hiểu văn-tài và tư-tưởng của Đặng-Trần-Côn thì Chinh-phụ-ngâm của nữ-văn-sĩ này không phải là một bản dịch nữa. Ngược lại nếu coi Nguyễn Du như chỉ dịch Kim-Vân-Kiều-truyện cốt đề trình bày cho người Việt một tác-phẩm Tàu như ngày nay người ta thường dịch các văn-phẩm nước ngoài thì hẳn đã có nhiều xuyên-tạc trong việc dịch này bởi vì những chỗ sáng-tạo độc-đáo biết đâu chẳng qua đã chỉ là một lối tránh trút may mắn cho một kẻ không có tài phiên-dịch?

Nhưng một lối phê phán quá nặng tính-chất đạo-lý như vậy không thể đem áp-dụng vào nghệ-thuật,

bởi vì văn-nghệ-phẩm đã là sáng-tạo thì nhiều khi vượt ra ngoài tâm ý-thức của tác-giả và chúng ta chỉ có thể nhìn vào thể-hiện của thiên-tài mà phê-phán nhận-định mà thôi. Nhiều bậc thiên-tài đã cảm thấy mình không nên nói về cái mục-đích tác-phẩm của mình bởi nó có thể đến mà không ai ngờ, kể cả tác-giả: Nghệ-thuật là tình-cảm, mà tình-cảm thì ngoại-lý (1).

Nhưng điều trên đây cũng không có nghĩa là phải dịch cho thật đúng nguyên-văn từng câu từng chữ, mà cũng không phải dùng tiếng này để cắt nghĩa thứ tiếng kia. Cho nên dịch là dịch tình, dịch ý chứ không phải dịch chữ dịch câu, mà tình ý đã tùy theo nếp sống nếp nghĩ trong mỗi quốc-gia thì người dịch cũng theo đó mà tùy nghi dùng chữ. Ta có thể nhắc lại đây một hình ảnh mà Ferdinand de Saussure đã dùng để nói về ngôn-ngữ: «Người ta có thể thay thế những con cò ngà bằng những con cò gỗ mà không làm thay đổi gì ở thế cò miễn là giữ được số con cò và cách sắp xếp» (2). Nhiều trường-hợp thật là khó giải-quyết: Như trong văn ta khi tả một người mặc tang-phục thì nói người ấy mặc đồ trắng, nhưng bên Tây-phương thì tang-phục lại

(1) Vậy chẳng hóa ra rằng: Vẽ thì cứ vẽ, còn ra hình chó ngựa hay ma quỷ thì sẽ nói sau chẳng?—Xin thưa: Đã là ngoại-lý thì xin đừng hỏi lý.

(2) Cours de Linguistique Générale. Ferdinand de Saussure. Payot, Paris 1955, trang 43.

màu đen, nay nếu dịch-giả cứ nói người ấy mặc đồ trắng khi dịch sang tiếng Pháp chẳng hạn thì làm sao gọi được cho độc-giả Pháp cái cảnh-tượng u-buồn «tang-gia bối rối» như bên ta? Tất phải có chuyện «đổi trắng thay đen» vậy. Người ở nước Phật-giáo không hiểu danh-từ *hoa-sen* theo nghĩa của người Công-giáo, chữ *chồng* ở một dân-tộc mẫu-hệ không có nghĩa giống như chữ *chồng* ở một xứ phụ-hệ, người đời nay không quan-niệm mặt trăng như người đời xưa; làm sao dịch cho đúng ý, đúng nghĩa? Còn dịch mà phải giảng giải thêm thì sao gọi là dịch? Roger Caillois, ở Hác-lâm-viện Pháp, trong bài tham-luận đọc tại Cuộc Hội-thảo Nice nói trên, có nhắc đến chuyện các nhà truyền-giáo dịch Kinh-thánh sang tiếng Esquimaux: nếu nói là «con rắn» trong chuyện «ăn trái cấm» thì không ai hiểu được vì ở miền gần địa-cực không có loài rắn, người ta phải dịch là con «hải-cầu» (phoque), nhưng điều này đã làm phật lòng người bản-xứ vì hải-cầu đối với họ là một giống vật hiền lành, không có nọc độc, rất dễ thương! Bởi vậy, dịch cho ai? một đối-tượng thường rất khó thỏa-mãn. Văn-chương ta không tránh khỏi những cái nhỏ ấy, như khi đọc đến lời của Thúc-sinh trấn an Nàng Kiều: «Đường xa chớ ngại Ngô Lào» thì người đọc nên quên, đừng nhớ đây là truyện của năm Gia-Tĩnh triều Minh bên Tàu, bởi vì tác-giả muốn viết lại chuyện này cho người Việt đọc chứ không phải

cho người Tàu.

Vì những khó-khăn này mà khi hai dân-tộc ở vào hoàn-cảnh phải gần-gũi nhau để truyền cho nhau cả tâm-tư cốt-cách của mình thì người dịch không ngần ngại dùng nguyên từ-ngữ của nguyên-tác: Từ thời Pháp-thuộc tiếng ta đã có thêm một số từ-ngữ thông-dụng đến ngày nay: *cà-phê*, *đường rầy*, *cái tách*,... Ngược lại, thời đó, các «tác-giả Đông-dương» (auteurs indochinois) cũng không ngại dùng trong văn-chương họ *le cái áo* «*le nước mắt*»... bởi vì những tiếng này không có từ-ngữ tương-đương nào trong tiếng Pháp để đem lại cho người Pháp những hình ảnh, mùi vị đúng như trong tiếng Việt; thậm chí đã có chữ «*con gái*» (con gái) (3) được nhập Pháp-tịch đường-hoàng và vẫn còn có mặt trong tự-điền Nouveau Petit Larousse hiện nay. Lại cũng có khi người Pháp không chịu nhượng bộ như vậy mà dùng nguyên tiếng Pháp để dịch như chữ «*cái phàn*» của ta, họ dùng chữ «*lit de camp*» một danh từ đúng ra chỉ có nghĩa là cái giường bằng ván dùng riêng cho các trại lính Pháp.

Đến dịch cho được âm điệu thì còn rắc rối hơn nữa; ta hãy xem người ta làm thế nào: Từ xưa bên Đông cũng như Tây, lời nói được coi như có một mãnh-lực huyền-bí (Một lời là một vận vào khó nghe), những câu sấm truyền bên ta cũng thiêng-liêng như những lời tiên-tri (oracles)

(3) Một danh-từ phải là hấp-dẫn lắm mới được mẫu-quốc chiếu cố đến như vậy.

bên Tây, văn điệu trong lời ở đâu cũng được coi như định-mệnh: không phải vô có mà « chữ tài liền với chữ tài một văn ». Cho nên nguyên-văn có văn thì lời dịch cũng phải có văn mới lột được hết ý, như tục-ngữ latin: « Traduttore, traditore » mà dịch ra được « Traduire, c'est trahir » thì còn vớt vát được phần nào nguyên ý, nhưng trong tiếng ta mà cố gắng tìm ra « Phiên dịch là phản - nghịch » thì đã mất ý vị đi nhiều. Khi có chơi chữ, còn khó tìm ra tương-đương hơn nữa; nhất là trong tiếng ta có lối nói một chữ hai nghĩa. Tôi không có tài liệu để xem lại quí ông

Nguyễn-văn-Vinh và René Crayssac đã dịch câu Kiều: « Phận sao phận bạc như vôi » như thế nào: Nếu dịch theo nghĩa *bạc là mỏng*, thì nghe sao được với *vôi*, nếu dịch *bạc là trắng* thì không hợp với *phận*, người ta cũng không nói « phận trắng ». Còn dùng chữ *malheureux* (destin) hay *cruel* (fate) thì chỉ là cắt nghĩa vì đã làm mất cả hình ảnh độc đáo của nguyên-tác rồi.

ĐOÀN NHẬT TẤN

Kỳ tới: Phiên dịch bằng máy và sáng tác trong phiên dịch

thuốc ho viên

Pectal
FORT



trị các chứng **HO**



ho gà, ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm, suyễn
sưng cuống phổi

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

PECTAL
FORT

trị các chứng **HO**

ho gà ho khan

ho từng cơn

ho ra đàm

cảm suyễn

sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.

Ngữ - lí - học và Cơ - cấu Việt - ngữ

L.T.S. Như Bách Khoa đã loan tin trong mục «Thời sự văn nghệ» số 385 (G) ngày 15-2-73, Giáo sư Trần Ngọc Ninh — một cây bút quen thuộc của bạn đọc Bách-Khoa từ mấy năm nay — sắp cho xuất bản cuốn Cơ cấu Việt ngữ do nhà Lửa Thiêng ấn hành. Đây mới là Quyển I nói về «Sự phát triển ngôn-ngữ ở trẻ con và cơ-cấu cú-pháp sơ-giải». Cuốn sách có thể ra mắt bạn đọc sớm hơn, nhưng trước khi cho sắp chữ, Nhà xuất bản Lửa Thiêng đã phải đặt đức thêm rất nhiều dấu hiệu và sự sắp chữ cũng như sự sắp thành trang nhiều khi cũng gặp khó khăn nên mãi tới nay cuốn sách mới làm xong và có thể ra mắt bạn đọc vào cuối tháng này được.

Chúng tôi đã xin phép tác giả và nhà xuất bản để giới thiệu trước với bạn đọc phần sau đây trích trong «Lời mở đầu» của «CƠ-CẤU VIỆT-NGỮ» Quyển I.

NGŨ-LÍ-HỌC

Tình-cách kinh-nghiệm và thực-nghiệm của ngữ-lí-học

Việt ngữ, cũng như tất cả các ngôn-ngữ khác dùng trong thế giới loài người, có thể khảo sát được theo phương-pháp của khoa học kinh-nghiệm và thực-nghiệm.

Khoa học kinh nghiệm cho phép tả ngôn-ngữ. Công việc miêu - tả này bắt buộc phải bằng vào một khối lời có giới hạn. Dầu là lấy tất cả những lời nói đã thực sự được nói và được viết ra cho tới ngày nay bởi tất cả các người Việt Nam mà khảo sát, thì cũng vẫn là một khối lời giới-hạn. Ngược lại, tính-cách của một ngôn ngữ thực dụng là vô biên: ngôn ngữ có thể biến cải và tạo tác để đáp ứng với tất cả các nhu cầu

hiện tại và vị lai của sự thông giao ở bất cứ một lãnh vực nào.

Đi từ một số tài liệu bắt buộc giới hạn để tìm hiểu một hiện tượng không có giới hạn là một công việc khoa-học. Cái tin tưởng nằm dưới những công việc ấy là có những định luật chi phối và có những tương quan ràng buộc những định luật ấy với nhau trong hiện tượng được khảo sát.

Phương pháp kinh nghiệm, theo cái nghĩa cận đại của nó, không những công nhận vai trò chính yếu và khởi động của sự nhận xét, còn đòi hỏi sự phụ thuộc của những xây dựng quinạp đối với phương pháp suy luận (Hjelm-slev). Sự phân tích và định loại là hai công việc căn bản của suy luận. Sự phân tích phải đi đến chỗ cùng kì lí. Khi

ngôn ngữ đã được đập ra thành những thành phần càng lúc càng nhỏ cho tới chỗ không thể phân thêm được nữa, thì những tương quan giữa các thành phần sẽ được minh định, các định luật được thiết lập, và có thể dựng nên một lí-hóa-học hay một toán-học của ngôn ngữ.

Khoa học thực nghiệm lấy những kết luận của sự khảo - sát miêu tả ấy mà vượt lên trên và tạo ra những hiện tượng mới, trước nhất là để thử thách những xây dựng của trí thức tìm hiểu, và sau nữa để tác dụng vào tự nhiên. Tính-cách đặc-sắc của thực nghiệm là khả - năng biến đổi và tạo tác, và khả năng vượt lên trên cái đối tượng sơ khởi của sự khảo sát mà dựng những khoa học mới bao quát hơn. Khoa học bao trùm ngữ-lí-học (linguistique) là hiệu-lí-học (sémiotique hay sémiologie).

Lịch-sử ngữ-lí-học.

Ngữ-lí-học bắt đầu là một khoa-học với F. de Saussure (1). Ông phân biệt một tình-trạng ngôn-ngữ với sự biến-chuyển của ngôn-ngữ trong thời-gian, và dùng hai danh-từ để định lập hai sự-kiện ấy: sự *đồng-thời* (syn-chronie) và sự *xuyên-thời* (diachro-nie). Trong tình trạng đồng-thời của một ngôn-ngữ, ông lại tách rời ngôn và ngữ: *ngôn* hay *lời* (parole) là những thực-biện của cá-nhân, thuộc về tâm-lí và sinh-lí, có tính-cách tự-do, bất-khả-tiền-định; *ngữ* (langue) là một định-chế xã-hội, có những qui-luật vững-vàng bó-buộc.

Ông nói rằng một ngữ là một hệ-thống (système) trong đó các thành-phần được liên kết với nhau thành một toàn-khối. Ông dựng nên nguyên-lí căn-bản của ngữ-lí-học mới và nói rằng «ngữ là một hình-thức chứ không phải là một chất-liệu» (2). Tất cả các nhà ngữ-học sau ông đều công nhận nguyên-lí ấy. Hjelmslev chẳng hạn viết rằng: «*Đằng sau mỗi sử-trình, phải tìm thấy được một hệ-thống*» (3) khả dĩ phân tích và mô tả bằng một số nguyên-lí giới-hạn. Hệ-thống, hay cơ-cấu (structure) được định nghĩa là «*một quan-thê tự-trị làm thành bởi những liên-hệ nội-bộ*» (4) hay «*một hệ-thống thứ-tự tương-liên*» (4). Hjelmslev còn đòi hỏi rằng «*sự miêu-tả phải không tự phản ngôn, phải đầy đủ và phải giản dị đến hết mức. Đòi*

(1) Ferdinand de Saussure. *Cours de Linguistique Générale*, Lausanne-Paris 1916.

Sự khẳng-định này không phủ nhận rằng có những tiền-bối của F. de Saussure. Đặc biệt là ở Đông-phương, những triết-gia thuộc Mặc-phái, và các biện-thuyết-gia như Công Tôn Long, Tuân-tử, đã xét đến vấn-đề danh trong ngôn-ngữ. Ở Ấn-độ, Pānini (~ Thế-kì IV) là một vĩ-nhân trong ngôn-ngữ-học, với sự khảo-sát về ngữ-pháp Sanskrit của ông.

(2) «*La langue est une forme et non une substance*» — F. de Saussure. Sđd.

(3) «*Derrière tout procès, on peut faire correspondre un système*» — L. Hjelmslev: *F olégomènes à une Théorie du Langage*, 1943, Copenhaven (Đan-mạch).

(4) «*une entité autonome de dépendances internes*» — «*une hiérarchie corrélationnelle*».

hỏi không tự phân ngôn quan trọng hơn sự phải đầy đủ, và đòi hỏi phải đầy đủ quan trọng hơn sự phải giản dị (1).

Những vị-trí căn-bản của các tiên-bói nay đã bị vượt qua mặc dầu vẫn còn giữ một giá-trị thiết-yếu trong ngữ-lí-học.

Chính các môn-đồ của Saussure đã có những khuynh hướng khác nhau. Ở Pháp, Meillet nghiêng về xã-hội-học (*Linguistique sociologique*), còn Grammont nghiêng về sinh-lí-học với phát-âm-học (*Phonétique*). Ở Thụy-sĩ, Bally và Schehaye có những khuynh-hướng tâm-lí-học và luận-lí-học. Ngược lại, sự nổi bật của ba môn-phái hiện-đại, Prage, Cobenhaven và Mi, theo đúng những đường lối ngữ-lí-học của Saussure, đã đặt lại cơ-cấu-pháp lên một địa-vị tối-cao trong ngữ-lí-học.

Trường Prage (2) chú trọng đặc-biệt đến âm-vị-học (*Phonologie*) với Troubetzkoi và R. Jakobson. Jakobson nay ở Mi đã mở rộng ngữ-lí-học từ sự khảo-cứu ngữ-âm đến sự phân-tích cơ-cấu thi-ca.

Trường Cobenhaven (3), với Hjelmslev, đã đặc-biệt chú trọng đến sự phân-tích hình-thức và sự phê-phán những nguyên-lí của sự khảo-cứu ngôn-ngữ.

Trường Mi, với ba môn-phái khởi đầu theo Boas, Sapir và Bloomfield, đã được tiếp tục với Jakobson và phát triển hoàn-toàn theo khuynh-hướng cơ-cấu. N. Chomski với ngữ-pháp biến cải (*grammaire transformationnelle*) và ngữ-pháp tạo-tác (*gram-*

maire générative) đã đưa ngữ-lí-học lên địa-vị một khoa-học giảng-giải. Ngoài ra, bên lề của những khảo-cứu ấy, hai khoa-học mới là lí-thuyết thông-giao (*théorie de la communication*) và lí-thuyết thông-tin (*théorie de l'information*) đã thúc đẩy một sự phát-triển vượt bậc của ngữ-lí-học, đem khoa này đến những áp-dụng toán-học và sự xử-dụng toán-cơ để thông dịch.

Những vấn-đề chưa khai phá.

Tuy nhiên, nhiều khu-vực trong ngữ-lí-học vẫn còn tối-tăm mù-mịt. Ý-nghĩa-học (*sémantique*) chỉ mới được quan niệm mà chưa đáng được gọi là phôi thai. Những khảo-sát mẫu-định-học (*typologique*) về các ngôn-ngữ và ngữ-lí-học lịch-sử chỉ mới hé dạng.

Hơn nữa, người ta tự hỏi không biết lúc nào thì sự tìm hiểu bản-thể của ngôn-ngữ như Heidegger (4) đang cố gắng làm có thể nối kết được với ngữ-lí-học. Đã đành rằng đây là phạm-vi triết: Heidegger dùng ngôn-ngữ để đi tìm bản-thể của chính ngôn-ngữ. Nhưng cơ-cấu-luận đã và đang đặt những vấn-đề căn-bản cho con người, và bất cứ đường lối nào, nếu có thể

(1) *La description doit être non-contradictoire, exhaustive et aussi simple que possible**

(2) Pháp-ngữ: *Cercle Linguistique de Prage* (ở Tiệp-khắc)

(3) Pháp-ngữ: *Cercle Linguistique de Copenhagen* (ở Đan-mạch)

(4) Heidegger: *Unterwegs zur Sprache* (Con đường đi tới ngôn-ngữ).

đi đến một sự phê-phán quan-niệm cơ-cấu, thì sự hiểu biết của ta về con người cũng sẽ tiến hơn những bước lớn.

Ngôn-ngữ không những là một cơ-cấu theo cái nghĩa mà các nhà ngữ-học đã định, mà còn mang theo những hậu-quả của tất cả các cơ-cấu định-chế trong xã-hội loài người. Ngôn-ngữ che mắt ta để ta không thể còn có một cái nhìn trong-trắng và uyên-nguyên về vũ-trụ và nhân-sinh. Toàn thể ngôn-ngữ được dựng nên với những sự đối (opposition) và sự nghịch (contraste) : cái quan-niệm làm nền cho ngôn-ngữ là sự nhị-nguyên. Tất cả triết-học và tôn-giáo, ngược lại, là sự đi tìm cái nhất quán nguyên-thủy. Vì sự nghịch-lí căn-bản đó giữa ngôn-ngữ và triết-học, nên đã bao nhiêu triết-gia như

Bergson, Husserl muốn phá vỡ cái màn tối của ngôn-ngữ để thấy cái thực. Ở Đông-phương, đây là một vấn-đề cốt-tủy, đã được đặt ra từ rất lâu. Đồng thời với Khổng-tử và thuyết chính-danh, Lão-tử đã viết ở ngay đầu Kinh Đạo-Đức :

Đạo khả đạo phi thường đạo

Danh khả danh phi thường danh

dịch là (1) :

Đạo mà theo được không là đạo thường-tại

Danh mà gọi được không là danh thường-tại

Và Phật Như-Lai thì giảng về những chấp-mê của ngôn-từ, mà bát chính-đạo phải phá để đi tới được Chân Như (Như Thật). Sự nhập môn vào Thiên-đạo bắt đầu với sự dùng ngôn-ngữ để phá chấp ngôn.

CƠ-CẤU-PHÁP

Cơ-cấu-pháp áp dụng ngữ-lý-học có một khía cạnh triết-lí rõ-ràng. Ngôn-ngữ làm thành bởi những dấu hiệu

(1) Hai câu này đã được hiểu theo nhiều cách khác nhau :

S.J. Wieger : Cái nguyên-lí có thể diễn ra được không phải là cái nguyên-lí thường-hữu, Đức Chúa Trời mà có thể gọi tên được không phải là Đức Chúa thường-hằng.

S. Julien : Con đường có thể diễn ra được không phải là Đạo vĩnh-cửu ; cái tên có thể gọi ra được không phải là tên vĩnh-cửu.

P. Salet : Đạo mà là một con đường thì không phải là Đạo vĩnh-cửu. Đạo mà

(signe). Dấu-hiệu nằm trong cái hệ-thống đóng của ngôn-ngữ và được định-nghĩa bởi những liên-hệ đối-

gọi ra được bằng tên không phải là Danh vĩnh-cửu

Huang Kia-tcheng và P. Leyris : Con đường có thể diễn ra được không phải là Đạo cho mãi mãi. Cái tên có thể dùng để gọi con đường ấy không phải là cái tên cho mãi mãi.

Duyvendak : Đạo thực là Đạo khác con đường bất-biến. Danh thực là Danh khác những danh bất biến (Cách hiểu này được GS. Demiéville cho là đúng, nhưng bị GS. Derk Bodde chỉ trích mạnh-mẽ và cho là sai lầm).

ngịch với những dấu-hiệu đồng-trị. Sự định-nghĩa này hoàn toàn hình-thức. *Dấu-hiệu*, như được định-nghĩa có hai mặt ; một là cái *dấu-đề-chỉ* và hai là *cái-được-chỉ-bằng-dấu*. Sự phân biệt giữa *cái-chỉ* và *cái-được-chỉ* là một phân-biệt chính-yếu trong ngữ-lí-học và lí-thuyết thông-giao. Saussure gọi là *signifiant* và *signifié*. Sau đó, Hjelmslev gọi là *biểu-hiện* và *nội-dung* (*expression et contenu*). Xưa, Mặc-tử và Trang-tử đã phân biệt *danh* và *thực*. Thời Trung-Cồ, Thánh Augustin cũng đã dùng những danh-từ *signans* và *signatum* trong luận-lí-học. Ảnh đèn của ngữ-lí-học hiện đang chiếu vào *cái-chỉ*, *danh*, *signans*, *signifiant*, hay *expression* để tìm hiểu *cái-được-chỉ*, *thực*, *signatum*, *signifié* hay *contenu*. Dĩ nhiên, *cái-được-chỉ* đây mới là cái khía-cạnh thấy được bằng giác quan. *Cái-chỉ* và *cái-được-chỉ* là hai mặt thấy được của cái thế-giới hiểu biết được của ta. *Cái-chỉ* phát biểu bằng âm-thanh trong ngôn-ngữ, còn *cái-được-chỉ* là ý nghĩa của sự phát-biểu mà ngôn-

Liou Kia-hway : Đạo mà người ta muốn hiểu không phải chính Đạo ; cái tên mà người ta muốn dùng để gọi nó không phải là chính tên nó.

Nghiêm Toản : Đạo có thể nói được không phải đạo thường ; tên có thể gọi được không phải tên thường.

Nguyễn Duy Căn : Đạo (mà ta) có thể gọi được không (còn) phải là Đạo «thường» Danh (mà ta) có thể gọi được, không (còn) phải là Danh «thường»

Nhưng cách hiểu khác này có thể vừa là một sự khai tâm vào Ngữ-lí-học và Ngữ-pháp trung-hoa, vừa là một đề-tài cho sự suy-tư triết-lí.

ngữ qui-định cho. Cũng như ban đêm, nghe thấy nổ súng, ta biết là có đánh nhau ; đi đường nhìn thấy đèn đỏ, ta biết là phải ngừng lại cho tới khi đèn xanh. Nhưng tiếng súng khác với chiến tranh, đèn đỏ khác với sự ngừng lại, cũng như (kô) khác một cô gái, biểu-hiệu hay hình-thức khác với nội-dung, *cái-chỉ* khác với *cái-được-chỉ*.

Cái-chỉ và *cái-được-chỉ* khác nhau nhưng được *nhu-hệ-hoá* trong sự thông-giao giữa một xã-hội ngôn-ngữ. Sự *nhu-hệ-hoá* này đã được kiện toàn trong những cơ-chế của óc đến nỗi rằng chúng ta không còn nhận thấy *tính-cách chấp-định* (*arbitraire*) của ngôn-ngữ. Tại sao [có] khác [chó] và cả hai khác [số] ? Âm-vị [k] được gán cho [có] một cách chấp định đề đối và biệt với âm-vị [c] gán cho [chó] và [s] gán cho [số]. Tại sao *đi chơi* khác với *chơi đi*, tại sao *tôi tánh* khác với *đánh tôi* ? Lolo-ngữ nói *tôi hoa hái* khi người Việt ngày nay nói *tôi hái hoa* (1), chỉ là vị qui-ước trong ngôn-ngữ lolo và ngôn-ngữ việt bắt phải thế đề trong xã-hội lolo và xã-hội việt, những người ùng nói một thứ tiếng hiểu được nhau. Nào ra không có một lí-do gì khác nữa. Chúng ta nói *trời xanh* cũng chẳng hợp lí hơn, hay

(1) Việt-ngữ, cũng có khi nói như lolo. Chẳng hạn :

* Ý hân thầy văn dốt vũ dất
(Trần Tế Xương)

Chúng tôi của ít lòng nhiều...

Nếu theo ngữ-pháp hiện-đại thì chắc phải nói : *dốt văn dất vũ, ít của nhiều lòng*. Nhưng ta vẫn nói ngược, theo một thói quen truyền lại từ ngàn xưa. Phải chăng đây là một di-tích của thời Lạc (Lo) ?

chẳng hay hơn người Trung-Hoa nói *thanh thiên* (xanh trời), người Pháp nói *le ciel bleu* (trời xanh), hay người Anh nói *the blue sky* (xanh trời) chút nào cả. Đây chỉ là một qui-ước về chức vụ ngữ-pháp và tương-quan vị-trí. Qui-ước ấy cũng không nhất định cho một dân-tộc : người Pháp thời Trung-cổ thường nói *bleu ciel* và ngày nay nói *ciel bleu*; người Việt thời Nguyễn Trãi nói *nào hoa* ở những câu mà ta ngày nay nói *hoa nào*. Tính-cách chấp-tĩnh của ngôn-ngữ có nghĩa là qui-ước không có lí-do. Ngay cả những tiếng hài-thanh, dùng để bắt chước tiếng kêu của các giống vật chẳng hạn, cũng là qui-ước phi-lí và chấp-định ta dùng những âm-vị trong ngôn-ngữ của ta để bắt chước

chứ không dùng những âm-vị mà ta không quen nghe thấy và nói tới. Tiếng mèo kêu trong việt-ngữ là [meo] với nhị-trùng âm [ew], còn người Tây-phương kêu [miau] với tam-trùng-âm [jaw]. Con gà Việt-nam kêu [cúc-cù-cu-cu], con gà Pháp kêu *cocorico* [kôkôrikô], con gà anh kêu *cookle-doodle-doo* [kukôđudôndu], chỉ vì những âm-vị khác-biệt được dùng trong mỗi ngôn-ngữ làm cho ta nghe thấy khác và phát âm ra khác (1). Những tiếng hài-thanh này khác nhau một cách phi-lí. Nhưng ngay cả trong những tiếng hài-thanh đó, người mỗi nước đã nhồi vào cả cái nhân-sinh-quan của dân-tộc : con gà pháp thì kêu-hùng (*cocorico*), con gà anh thì thân-mật (*cookle-doodle-doo*) và con gà việt thì dục-dã (*cúc-cù-cu-cu*) !

KHẢO-SÁT VIỆT-NGỮ THEO NGỮ-LÍ-HỌC.

Sự khảo-sát tiếng việt theo những phương-pháp khoa-học là một công-việc rất khó, nên mặc dầu đã có những công-trình quan-trọng như cuốn Ngữ-pháp của hai ông Trương Văn Chính và Nguyễn Hiến Lê, và nhất là hai cuốn sách nhỏ của ông Nguyễn Bạt Tụy và ông Lê Văn Lý, tôi đã gặp nhiều sự nan-giải.

Sự khó nhất đối với tôi không phải ở chỗ tôi đã bước chân vào ngữ-học Việt nam mà không được hướng dẫn. Tôi xuất thân trong khoa-học và đã nhìn vào ngôn ngữ như một nhà tự-nhiên-học nhìn vào thiên-nhiên hay một nhà hóa-học nhìn vào một hỗn-hợp để phân-tích. Những quan-

niệm của ngữ-lí-học hiện-đại gắn với khoa-học đến nỗi rằng tôi không thấy sự khác-biệt giữa một công-thức hóa học với một công-thức câu, giữa những liên-hệ ngữ-pháp và những hóa-trị hay những lực hóa-hợp, giữa những quan-niệm về *dạng-vị* (*morphème*), *âm-vị* (*phonème*) và những

(1) Con gà đức kêu *kikeriki*, con gà đan-mạch kêu *kykeliky*, con gà Thụy-điền kêu *kukeliku*, v.v... Chúng ta có thể thêm rằng tiếng chó cắn được người Anh phiên âm là *bow wow*, người Ý là *bau bau*, người Đức là *wau wau*, người Pháp là *gnaf gnaf*, và người Việt là *gâu gâu*. Cho tới tiếng chuông cũng khác với mỗi ngôn-ngữ (anh : *ding đông*, đức : *bim bam*, y-pha-nho : *đin đân*, pháp : *ding danh đông* và việt : *coong coong*, hay *boong boong*).

quan-niệm về vi-thể (*corpuscule*) và vi-phần (*particule*). Hơn nữa, như tôi đã trình bày ở trên, sự phân-biệt cái chỉ và cái được chỉ trong dấu-hiệu là một sự phân-biệt rất tự-nhiên trong khoa-học. Trong y-khoa, các y-sĩ làm việc với những triệu-chứng và dấu-hiệu: người thầy thuốc đi tìm những cái-chỉ để định cái: được: chỉ là gì mà hành động theo đó để chữa cho bệnh-nhân. Y-thuật cũng là một hệ-thống nằm dưới cái hiệ-u-lí-học (*sémiologie*) mà các sinh-viên thường gọi là triệu-chứng-học (*éméiologie*).

Trong mỗi khoa-học, sự phân-tích dựng nên một số quan-niệm mà danh từ triết-học gọi là *entité*, ta thường dịch là thực-thể nhưng tôi gọi ở đây là *quan-thể* vì những *entité* không có thực tuy chúng có danh (1). Khi một cái gì có danh thì ta hay nghĩ rằng cái đó có thực, và đó là một sự sai-lầm dẫn dắt bởi tính-cách của ngôn-ngữ. Thực ra không có cái gì gọi là thể đặc (*état solide*), thể lỏng (*état liquide*), không có gì là năng-lượng (*énergie*), không có cái gì là acit, là baz, là ester. không có cái gì là bệnh sưng ruột dư (*appendicite*), bệnh dịch hạch (*peste*), và không có cái gì gọi là danh-từ (*nom*), đại-danh-từ (*pronom*), động-từ (*verbe*) v.v... cả. Tất cả đều là những quan-niệm tạo ra do sự trừu-tượng-hoá và lí-tưởng-hoá một cái thực-tế rất phức-tạp mà rất thuần-nhất. Điều quan-trọng trong khoa-học là ta có thể dùng những quan-niệm đó mà làm cho cái phức-tạp thành giản-dị, cái vô-cơ-cấu thành có-cơ-cấu rồi xây

dựng được những hệ-thống với những tương-quan nội-bộ nương tựa lẫn nhau. Nhưng những xây-dựng này chỉ là sự siêu-hóa thực-tế và ta đừng lằm đến nỗi nghĩ rằng thực có những từ A, B, C, Đ, ... L, M, ... S, T, như trong sách này sẽ chứng minh. Những từ này cũng như những quan-niệm *kim*, *á-kim*, *acit*, *baz*, *oz*, *lipid* trong hóa-học, những quan-niệm *thương-hàn*, *cảm phong*, *thấp* trong y-học, là những phạm-trù do trí-thức phân-tích đặt ra, với những định-nghĩa minh-bạch cho mỗi phạm-trù.

Cái khó không ở phương-diện chủ-quan, mà ở tính-cách đặc-sắc của Việt-ngữ, so với các ngôn-ngữ đã được phân-tích bởi các nhà ngữ-học đương-thời. Phân-tích Việt-ngữ theo cơ-cấu-pháp là một việc gần như không có tiền-lệ, và cũng không có một công-trình tương-tự nào để hướng dẫn.

Chữ nôm và chữ quốc-ngữ mà ta dùng để viết đã làm cho ta tưởng rằng tiếng Việt là ngôn ngữ hoàn toàn độc-vận giống như hoa-ngữ. Tiên kiến này là một trở-lực tâm-lí lớn mà tôi do dự lắm mới dám vượt qua. Những nhận-xét của tôi đi đến kết-luận rằng Việt-ngữ xưa là một ngôn-ngữ đa-vận, có tiếng nhánh (*mots dérivés*), có uyển-thể (*formes flexionnelles*) và có chức thể (*cas*), nhưng phần lớn những tính cách này đã bị mất đi hay bị biến thể sau sự xâm-nhập của hoa-ngữ.

(1) Danh-từ triết-học thường để dùng dịch *entité* là thực-thể.

Những phạm-trù ngữ-pháp được thể hiện trong việt-ngữ bằng những hình-thức khác hẳn với những ngôn-ngữ khác. Có thể nói rằng những thứ-tự ưu-tiên không giống nhau. Sự đối-lập linh-động/ không-linh-động chẳng hạn, được phát-biểu trước hết trong hệ-thống danh-từ, rồi sau nữa trong hệ-thống diễn-thuật-từ, nhưng ở những ngôn-ngữ Tây-phương thì sự đối-lập này được phát-biểu trong hệ-thống đại-danh-từ (*pronom*) và động-từ (*verbe*) nhiều hơn trong hệ-thống danh-từ (*nom*). Phạm-trù phương hướng được phát-biểu một cách rất yếu-ớt trong hệ-thống tiền-vị-từ (*preposition*) của các ngôn-ngữ Âu-Tây, nhưng còn khá mạnh-mẽ trong hệ-thống diễn-thuật-từ của việt-ngữ với các diễn-thuật-từ hướng-dích. Ngược lại, tính-cách đối-xứng và lưỡng-thê của các diễn-thuật-từ miêu-tả trong việt-ngữ rất phổ-thông, trong khi các động-từ âu-ngữ rất ít khi lưỡng-thê, vì đều tiềm ẩn một hướng-tính. Tất cả các ngôn ngữ đều chứa đựng rất nhiều tính-cách chủ-quan, nhưng trong việt-ngữ không những sự chủ-quan, nghĩa là cái ý-kiến riêng của người phát ngôn, được biểu-lộ ra qua ý-nghĩa-học và văn-pháp, mà lại còn xâm nhập cả vào ngữ-pháp.

Các dấu-hiệu ngữ-lí chỉ những phạm-trù căn-bản của vật-thê trong các danh-từ và của sử-trình trong

các diễn-thuật-từ được phân-phối lên trước từ chính, chứ không ở sau từ chính như các ngôn-ngữ ấn-âu. Còn các liên-hệ phụ-thuộc thì thường đi từ trái qua phải trong việt-ngữ. Một loại dấu-hiệu rất đặc-biệt trong cơ-cấu Việt-ngữ là những từ chấm câu hay đoạn-từ, chưa bao giờ được các nhà ngữ-học Tây-Phương khảo-sát tới. Hệ-thống những từ thay-thế cũng là một phần rất đặc-biệt trong việt-ngữ, chưa được phân tích cho đến nay.

Đó là những trở-lực chính mà tôi đã gặp phải. Các quan-niệm mới phải dựng lên quá nhiều, đến nỗi rằng sự khảo-sát đã luôn luôn ở bờ của sự phiêu-lưu tư-tưởng. Nhưng đồng thời tôi cũng sung sướng mà nhận thấy rằng trong căn-bản, ngôn-ngữ của chúng ta cũng không ra ngoài cái mẫu chung của các ngôn-ngữ (1) được dùng trong loài người, mà cơ-cấu-pháp đã làm sáng tỏ. Những nhận-định trong sách này còn cần được xác nhận và đào sâu bởi các nhà khảo-cứu khác. Vì thế tôi rất mong rằng sẽ có một sự đối-chiếu kết-quả công-trình khảo-sát trong tương-lai, để tôi có thể học hỏi được thêm.

TRẦN NGỌC NINH

(1) Có và khoảng hơn 3000 ngôn-ngữ tự-nhiên được nói trên mặt trái đất. Sự sắp-xếp các ngôn-ngữ theo tộc (họ) và theo mẫu không được đặt ra trong sách này, và sẽ được đề cập tới trong một cuốn sách khác (*NGUỒN-GỐC VIỆT-NGỮ*)



Sống với ý-thức-hệ

II. ĐỨC PHẬT TRƯỚC CÁC HỆ THỐNG ĐƯƠNG THỜI

Một huyền-thoại về Đức Phật nói rằng, khi mới hạ sinh, Ngài bước chân đi bảy bước, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, và nói : « *Thiên thượng địa hạ, duy Ngã độc tôn* ».

Huyền thoại là những chuyện mà người đời xưa đặt ra và truyền lại để nói một cái gì được coi là chân-lí bí-truyền cho những người lớp sau. Có những huyền-thoại thâm kín về ý-nghĩa và phải đi sâu vào trong cơ-cấu tư-tưởng của cái lúc và cái nơi đã phát sinh ra huyền-thoại mới hi-vọng có thể tìm thấy được lời nói ẩn ở bên trong. Nhưng cũng có những huyền thoại bộc-lộ hơn, mà ý-nghĩa có thể thấy được với một chút suy-tư.

Huyền-thoại về bảy bước chân và tám tiếng nói của Đức Phật khi mới đản sinh có một ý-nghĩa rõ ràng, mà câu chuyện kì-diệu chỉ là cái xe để chở đi.

Ngài bước bảy bước, là vì con số bảy là con số tối-linh của văn-hóa Ấn-độ. Con số tối-linh ấy được đặt ở dưới chân của Ngài. Ngài nói lên tám tiếng, vì số tám ứng vào với bát chính-đạo mà Ngài sẽ giảng dạy sau này để cứu vớt chúng sinh. Tám tiếng ấy là ở miệng Ngài mà ra.

Lời nói đầu tiên của Đức Phật theo huyền-thoại thường được hiểu là : « Trên trời dưới đất, duy Ta là nhất », và cái nghĩa ấy là cái nghĩa

mà người thường vẫn nhận.

Đó là một điều lạ-lùng đối với những ai tôn kính Đức Phật. Vì không thể nào chúng ta lại có thể nghĩ rằng Đức Thế-tôn lại tự tôn như thế.

Câu nói mà huyền thoại kể, theo thiên-ý, phải được hiểu là : trong trời đất đâu đâu người ta cũng chỉ tôn thờ có cái *Ngã* mà thôi.

Đó là cái tình trạng của tư-tưởng tôn-giáo và không tôn-giáo trong thời Đức Phật. Cái tình-trạng đó, ngày nay chúng ta cũng vẫn chưa ra khỏi ở Tây-phương cũng như ở Đông-phương, trong suốt cả gầm trời này.

Ý-nghĩa của lời nói đầu-tiên của Đức Phật theo huyền-thoại phải được hiểu trong tinh thần của giáo-lí. Giáo-lí mà Đức Phật truyền dạy coi sự diệt-ngã là một điểm căn bản. Khi Ngài ra đời, thì đã có bao nhiêu là hệ phái, bao nhiêu là truyền thống, và tất cả đều chìm đắm trong sự đi tìm cái Đại-Ngã hay một hình-bóng của Đại-Ngã ; và các bậc trí-giả trong nước, nhắm mắt trước cái thực tại đau khổ của con người, cũng chỉ nghĩ đến sự thực hiện cái ngã bé nhỏ của mình.

Các hệ-thống thi nhau mọc ra ; hệ này vừa có thì, dựa vào một điểm đối nghịch, có ngay một hệ-khác xuất hiện.

Số của các hệ tăng lên dần, nhưng tư-tưởng thì đã tới chỗ hoàn toàn bế tắc, và con người vẫn sống vô-vọng trong thực-tế và trong tinh-thần. Sau khi Đức Phật thành đạo, nhìn lại về phía những người cùng thời, Ngài đã dự định truyền bá Giáo pháp, vì e rằng chúng sinh còn mang nặng lòng tham ái và sân hận sẽ không hiểu được Giáo-pháp sâu kín, thâm-diệu và tế-nhị của Ngài. Nhưng vị Phạm-thiền Sahampati đã xin Đức Phật giảng dạy và dẫn độ cho chúng sinh. Một lí-do được nói ra là tình-trạng hỗn tạp về tôn-giáo và tư-tưởng ở Magadha trong thời ấy :

« *Tại Magadha, đã khởi lên những giáo-pháp không tinh-thuần do người phạm tục đặt ra... Cầu xin cho mọi người được nghe Giáo-pháp cao cả mà Đấng Toàn-giác Thuần thành Thanh-tịnh đã chứng ngộ* ». (Kinh Tứ Diệu Đế).

Trong bốn mươi lăm năm sau đó, Đức Phật đã trở về với những người đang sống trong sự mê-muội và lầm than. Ngài đã an ủi, hướng dẫn, giảng dạy, giác ngộ, và đem lại sự tốt lành, sự chân-hạnh cho nhiều người. Gót chân của Ngài được cung nghinh, lời nói của Ngài được tôn kính bởi một quần chúng tin tưởng. Nhưng không phải luôn luôn như thế. Vì giáo pháp của Phật đã thực sự lay chuyển đến tận gốc rễ cái xã-hội đương thời của Ấn-độ, làm rung động cả đến trái tim sắt đá của các vua chúa và nhà giàu, và làm cho thế lực của các tu-sĩ chính-thống bị lung lay. Ở

nhiều nơi có những âm-muru đề thóa mạ và ám hại Đức Phật. Bà-la-môn và Sa-môn cấu kết với nhau đề ngăn cản, chống đối và nói xấu Ngài. Một vài người tuyên bố rằng « nếu Sa-môn Gotama (tức là Đức Phật Như-Lai) mà đến đây, chỉ một câu nói của chúng tôi là có thể chặn đứng được ông ta ngay ; chúng tôi sẽ lăn tròn ông ta như lăn một cái thùng rỗng không » (*Udumbarika — Sihadasuttanta* : Kinh Ưu-đàm-bà-la Sư-tử hống trong *Digha Nikàya*).

Đức Phật tất nhiên đã không tránh được những đòi hỏi tranh luận và đối thoại công khai về giáo-pháp và về những vấn-đề lí-thuyết với các Bà-la-môn và Sa-môn khác. Ngài không ngần ngại đi thẳng vào điểm cốt-tủy của một hệ-phái nào đó, với mục-tiêu là chứng minh tính-cách nguy-biến của tư-tưởng đối lập, để có thể dẫn dắt được những người lầm đường về với chính đạo. Và với các đệ-tử của Ngài, Đức Phật đã giảng về những sở-kiến của các Bà-la-môn và Sa-môn đương thời.

Kinh *Brahmajàla sutta* (*Phạm-võng*) đã nói về các lí-thuyết đương thời này một cách rất cô đặc nhưng rất rõ-ràng.

Theo cách trình bày trong Kinh, tôi hồ nghi rằng mỗi lí-thuyết này không phải là một giáo lí, mà chỉ là một điểm, mà Đức Phật coi là điểm then-chốt, trong một giáo-lí. Là giáo-lí thực có lẽ chỉ có lí-thuyết thứ 16, tức là nguy-biến-luận thứ tư mà ngày nay, ta biết là chủ-nghĩa hoài-nghi của Sanjaya Belatthiputa. Các thuyết

khác là những khẳng định về những nguyên-lí bất-khả-tư-nghị mà các hệ phái chủ trương. Một hệ-phái có thể được xây dựng trên một nguyên-lí, coi là điểm sai biệt cốt tủy với một hệ-phái khác. Nhưng cũng có thể có một số hệ phái chấp nhận hai hay ba nguyên lí được nói tới trong Kinh. Bởi thế, mỗi nguyên-lí chỉ là một lí-thuyết và chưa chắc đã hẳn là một hệ tư tưởng.

Các lí thuyết này được phân ra làm hai nhóm lớn. Cách phân loại trong Kinh *Phạm Võng* khác cách phân loại của giới Ba-la-môn chính thống được trình bày ở trên.

Nhóm thứ nhất bao gồm những lí-thuyết luận về « *quá-khứ tối-sơ* », nghĩa là về nguyên-nhân, hình-thái và sự lưu-chuyển của cái Đại-ngã làm thành vũ-trụ. Nói theo đời nay, thì những thuyết này là những thuyết về bản thể.

Nhóm thứ hai là những lí-thuyết về « *tương-lai tối-hậu* » của bản ngã con người và các vật hữu tình. Đây là những luận thuyết về sinh-mệnh và về sự còn-hết sau khi chết.

Theo Kinh, thì có 18 lí-thuyết thuộc nhóm đầu, và 44 lí thuyết thuộc nhóm sau sắp xếp như trong bảng dưới đây :

Lí-thuyết về quá-khứ : 18

- 8 Thường-trú/Vô-thường-trú
- 4 Hữu-biên/Vô-biên
- 4 Ngụy-biến
- 2 Vô-nhân-sinh

Lí-thuyết về tương lai : 44

- 32 Hữu-tướng/Vô-tướng
- 7 Đoạn-diệt
- 5 Hiện-tại Niết-bàn

Mỗi lí-thuyết dựng lên một nguyên-lí và nguyên-lí ấy trái nghịch với Giáo-lí của Đức Phật, ngăn trở sự tu tập viên mãn của những người đã được biết đến Giáo-lí của Đức Phật, và làm cho mọi người bị vẩn xoay mãi mãi trong những ngọn gió lốc của tư-tướng không-tướng.

Chính vì lí-do ấy mà Đức Phật đã giảng về các lí-thuyết mà Ngài gọi là những « *chấp-kiến và chấp-luận của các Bà-la-môn và Sa-môn* ». Ngài nói rằng tất cả các chấp-kiến và chấp-luận này được chủ trương « *là do kinh-nghiệm cá-nhân, do sự không biết, không thấy, do sự cảm thụ, do sự kích-thích, giao-động, xuyên-tạc của những người còn bị tham ái chi phối* ».

Chúng ta hãy thử xét lại nguồn-gốc, căn-nguyên và ý-nghĩa của các lí-thuyết này, và đối chiếu chúng với tư-tướng của Đức Phật, để tìm hiểu sự phán xử ấy.

**Dòng tư-tướng Cổ Ấn :
Veda - Brahmana và Upanishad**

Tư tưởng Ấn-độ cổ-diễn, trước và trong thời kỳ Đức Phật, bị chi phối bởi vấn-đề Bản-ngã (*Atman*) hay Phạm Thiên (*Brahman*). (1)

(1) Trong đoạn sau đây, *atman* và *Brahman* (in chữ ngã) là những danh từ để chỉ những thực thể *atman* và *Brahman* được quan niệm bởi những nền triết-lí Cổ Ấn.

Trong những kinh *Veda* cổ nhất, tức là *Rg-Veda*, *atman* có nghĩa là sinh khí trong con người. Nhưng trong những đoạn nói về cái chất liệu do đó thế giới đã sinh ra, thì *atman* được dùng để chỉ cái Ngã của thế-giới.

« Ai đã thấy cái Nguyên-sinh được sinh ra, từ cái không-xương mà thành cái có-xương ? (: từ cái vô-hình và vô-cơ-cấu thành cái có-hình và có cơ-cấu ?) Đâu là cái sinh-khí, cái máu huyết, cái Ngã (*atman*) của thế-giới » (*Rg-Veda*). Vì rằng *Brahman* được coi là cái chất-liệu làm ra thế-giới :

« *Brahman* là gỗ, *Brahman* là cây, do đó trời đất đã được cấu thành » (*Brahmana*) nên *atman* đã thành ra đồng nghĩa với *Brahman*. *Brahman* hay *Atman* là cái Thực-ngã, cái Đại-ngã, cái tối-hậu tinh-chất của thế-giới và con người.

Trong các sách *Upanisads*, *Brahman* thường được dùng để nói về cái Đại-*Ngã* của thế giới, còn *Atman* thì chỉ cái tinh-túy thâm-sâu của con người, nhưng hai cái vẫn chỉ là một. Nói rộng ra cho vũ-trụ, cho tinh-tú, cho mặt trời, mặt trăng, cho mây, cho nước, cho lửa, cho cây-cối, cho đá-đất, thì là *Brahman*, nhưng *atman* của người cũng không khác gì cả. Chủ-trương này là cái tư-tưởng nhất nguyên đưa lên đến chỗ cùng cực. Tất cả triết-lí khi đó chỉ là sự đi tìm *Brahman*, tức là sự thực hiện cái *atman*, cái bản-ngã, của người : Khi đạt được tới cái trạng-thái tối-hậu

đó, thì là đã vĩnh-viễn và thường-tại sống trong sự cực-lạc.

Quan-niệm về sự hiện-hữu của một cái làm thành toàn thể thế-giới và bao trùm tất cả thế-giới, thuần nhất trong tinh-túy nhưng vô cùng tạp biệt trong hiện-tượng, được gọi là *Brahman* hay *Atman*, là quan-niệm cốt-tủy của tôn-giáo *Veda*, tiếp nối bởi đạo Bà-la-môn, suốt trong một thời gian dài từ lúc người Arian chiếm hữu lục-địa Ấn cho đến khoảng thế-kỉ thứ 7. Trong khoảng hai ngàn năm đó, nội-dung của quan-niệm này đã giàu thêm tất cả những xây dựng có tính cách thiên-khải và tuyệt-đối của các giáo-sĩ Bà-la-môn. Người ta nói rằng Đại-ngã tự sinh và vô nhân sinh ; nó có là có, chứ không do một cái gì hay do một nguyên nhân gì mà có, và không có một cái gì trước nó cả. Nó bao trùm vũ-trụ và ở trong vũ-trụ, nhưng nó không phải là vũ-trụ, vì vũ-trụ chỉ là cái hiện-thể của nó. Nó ở khắp nơi, nhưng không ai thấy được nó ; nó giải ra trong khắp không-gian vô-cùng và vô-biên, và nó chính là cái vô-biên và vô-cùng. Nó không có thể nhưng nó làm ra và ở trong tất cả các thể tạp-biệt đã-có, đang-có và sẽ có trong vũ-trụ. Nó thường tại và thường tồn, không bao giờ biết đến sự hủy hoại và sự chết.

Khi mà quyền-thế của giới tu-sĩ Bà-la-môn và sức mạnh vật-chất của giới chiến sĩ Sát-đế-lị (*Shastri*) vẫn còn vững chắc trên đầu đám nô-dân, thì không một ai dám thách thức sự tuyệt đối của những giáo-điều này.

Nhưng rồi thời thế đổi thay, các ngài vàng bắt đầu sụp đổ, các đàn lễ mất hiệu quả, giáo-lí chính-thống cũng bị lung lay. Sự xuất-hiện của các sách *Brahmana* đề qui định các lễ-nghi đã báo hiệu sự suy-tàn nhóm khởi của chế-độ thống-trị Aryan. Và các sách *Upanishad*, ra đời vào khoảng năm — 700, đã là những chứng tích đích thực của cuộc khủng hoảng trong nền tư tưởng Cổ-Ấn trước khi Đức Phật truyền bá Đạo pháp của Ngài.

Không-khí tinh-thần chung của các *Brahmana* và *Upanishad* là sự chán-nản, sự lo sợ, và sự hoang-mang. Đây là tiền-thân của cái phi-lí, cái tru-lự và cái buồn nôn mà thời-đại chúng ta đang mắc phải, như một cái bệnh của thế-kì.

Những lời than về sự khổ của kiếp sống bắt đầu được thấy. Một người kêu lên, trong sách *Upanishad*,

« Cái thế-xác này của ta tràn đầy sự tham, sự giận, sự sợ, sự buồn, do tương, ghen-tị, bất mãn vì phải biệt li với những cái mà ta thêm muốn và phải kết hợp với những cái mà ta ghét bỏ, đói-khát, già-lão, chết-chóc, bệnh-hoạn, đau-đớn, và bao nhiêu cái khổ khác ».

Sự giới-hạn của khả-năng con người và sự tuyệt vọng bản-thể cũng bắt đầu được thấy :

« Trong cái thế-giới sa-bà này, ta cũng chỉ như một con ếch nằm trong giếng cạn ».

(*Upanishad*)

Sự đi tìm Brahman hay Atman, cái tinh thuần tối-sơ và tối-hậu của thế-giới, chỉ đem lại những thất bại. Brahman không phải là thời-gian, không phải là không-gian (*ākāśa*), không phải là mặt trời (*āditya*), không phải là lửa (*agni*), không phải là gió (*vata*), không phải là linh-hồn (*mana*), không là cái có, không là cái không. Có người hỏi Bahva, và Bahva nói :

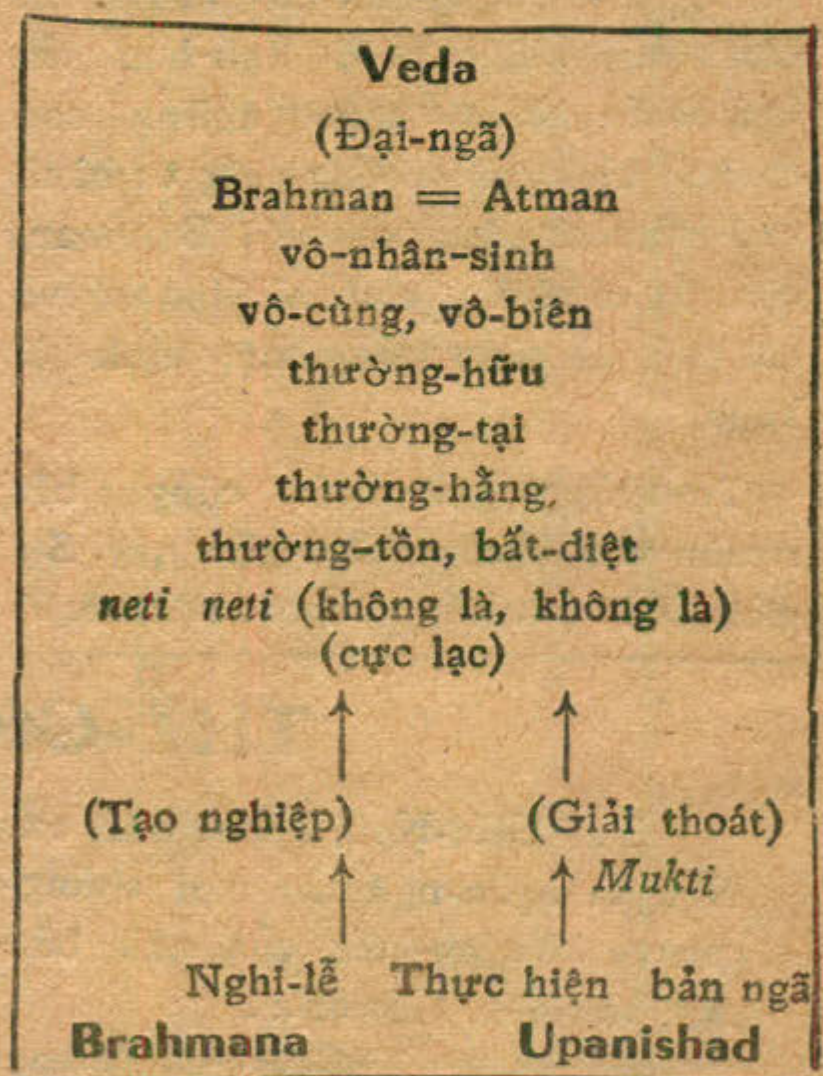
« Ta giảng cho người, nhưng người sẽ không hiểu :

Atman là im-lặng »

(kể bởi Cankara : *Brahmasutra*)

Còn Yājñavalkya thì nói rằng :

« *Atman không là cái này, không là cái này (neti neti)* » (kể bởi Deussen : *Philosophy of the Upanishad*)



Brahman — Atman
và con đường đi tới Brahman - Atman
theo đạo Bà-la-môn

Bởi thế nên từ một thời nào đó, tôn-giáo đã hướng về những nghi-lễ và coi rằng nghi-lễ là con đường độc nhất có thể làm cho các nguyện-vọng của người ta được viên thành. Các sách *Brahmana* gọi nghi-thức dâng lễ là sự tạo nghiệp (*karma*). Tiếng *nghiệp*, mà sau này Đức Phật sẽ cho một ý-nghĩa đạo-đức trong tinh thần giáo-lí, lúc đầu chỉ là thế. Người ta tạo nghiệp bằng cách dâng lễ đúng phép, hoặc không dâng lễ hay dâng lễ không đúng phép.

Trong các sách *Upanishad*, sự tạo-nghiệp được phát triển thành thuyết siêu-sinh hay thác-sinh. Tùy theo những hành-động của một người lúc còn sống, khi chết đi linh-hồn của người ấy sẽ đi theo những con đường khác nhau. Các bậc tu hành khổ-hạnh sẽ nhập vào với Brahman, còn tất cả chúng sinh sẽ phải trở về cõi thế để sống trong một hình-hài khác.

Tư-tưởng giải-thoát cũng bắt nguồn vào khoảng thời-gian này. Sự giải-thoát (*mukti*) có nghĩa là thoát li

hoàn toàn và vĩnh viễn ra khỏi cái thân-phận con người tối-tăm đau khổ và bấp bênh một cách vô-vọng trong thế-giới này. Nói theo cách nói của Cồ-Ấn-độ, thì là sự chấm-dứt tất cả các ràng-buộc với thế-gian để hòa mình vào với cái Đại-ngã. Con đường giải thoát theo sách *Upanishad*, là ở trong sự biết cái bản-chất của cái ngã của mình. Đó là sự biết cao-cả nhất; sự biết cái ngã của mình quét sạch tất cả các sự biết sai lầm và đem lại sự thường hằng bất diệt cho người đã thực hiện được sự biết ấy.

Từ các Kinh *Veda*, nền triết-lí tôn-giáo của Cồ-Ấn-độ đã bắt đầu với những tin-tưởng thiên-khải và dựng lên cả một hệ-thống siêu-hình với những công-thức có tính-chất ma-thuật trong các sách *Brahmana*, và những xây-dựng đạo-lí trong các sách *Upanishads*.

TRẦN NGỌC NINH

Kỳ tới : Các hệ phái sa-môn và bà-la-môn qua lăng kính của Phật giáo.

THẾ-GIỚI-NGỮ

Thế-Giới-Ngữ không phải tiếng nói của một nước nào. Thế-Giới-Ngữ là ngôn-ngữ của mọi chủng-tộc, là mộng-ước của triết-gia Descartes, là sáng-kiến của nhà bác-học Zamenhof, là cơn thống-khoái của văn-hào Tolstoi...!

Học-Khóa Thế-Giới-Ngữ học từ 4 giờ mỗi chiều chúa-nhật tại 386/43 Trương-minh-Giảng, Sài-Gòn-3. Sau một khóa học ba tháng, Quý-Vị có thể hiểu rành ngôn-ngữ duy-lý đó, rất phổ-biến ở ngoại-quốc. Nhận học-viên mới mỗi tuần; ghi-danh ngay trước giờ học. Có dạy hàm-thụ cho người ở xa.

Những gương mặt sào chài đá của Châu Mỹ la-tinh

Vào cuối năm 1972, nhà báo nổi danh Pháp Raymond Cartier có làm một bài phóng sự về công trường thiết lập một xa lộ vĩ đại nhất thế giới tại Brazil, băng ngang khu rừng già dày đặc, dự định dành cho khoảng 500 ngàn dân định cư.

Điều mà người ta chú ý nhiều nhất, không phải là những nguồn tài nguyên thiên nhiên khám phá được do việc thiết lập xa lộ kể trên. Chi tiết nổi bật lại là những hình ảnh bên lề : một đôi thanh niên nam nữ tay vịn chiếc ná gỗ lặng lẽ nhìn giòng sông xuôi chảy và gần đó, một số thiếu nữ không mảnh vải che thân đang vô tư đùa giỡn với sóng nước.

Những thanh niên thiếu nữ kể trên, xã hội văn minh gọi là «*người sơ khai*» do cuộc sống gần với thiên nhiên hoang dã, hay là người *thổ dân* đã được gọi nhầm là người Ấn (Indian) vì lầm lẫn từ buổi đầu, xem giải đất Mỹ châu mới được tìm thấy là đất Ấn. Nhưng cho đến nay, cũng như đối với các nhóm *thổ dân* Bắc Mỹ, người ta vẫn gọi họ là «*Indians*».

Việc tìm ra Mỹ châu đã làm nảy sinh một phong trào di dân từ châu Âu sang. Nhưng nếu miền Bắc Mỹ, sau mấy thế kỷ phát triển, được vững vàng với các định chế chánh trị, kinh tế và xã hội, liệt vào hàng dẫn đạo tiền tiến, do đa số người Anglo

saxon đóng vai chủ động, thì ở Nam bán cầu, châu Mỹ la-tinh là vùng di dân, đa số trội yếu là người Y-pha-nho và người Bồ-đào-nha, mặc dầu cũng như ở Bắc Mỹ, sau thời kỳ thuộc địa, đã ly khai khỏi mẫu quốc, biến thành một số quốc-gia độc-lập, phần lớn hãy còn khiếm khai, nội tình chánh trị, kinh tế thường do những quyền lợi tư bản phát xuất từ bên ngoài. Một Argentina với 24 triệu rưỡi dân số, cánh tả, cánh hữu đang xâu xé nhau, đã dọn đường cho cuộc trở về của cựu độc-tài Juan Domingo Peron sau 18 năm lưu vong tại Madrid. Một Chile với 10 triệu rưỡi dân số, đang khốn khổ vì nạn lạm phát với ông Tổng Thống Salvador Allende, áp dụng lý thuyết mác-xít, nhưng ngại phản ứng mãnh liệt của các giới chánh trị và quân sự, chưa dám nhận sự tiếp trợ ồ ạt của khối sô-viết.

Brazil dân số 100 triệu, Peru 13 triệu, Ecuador 6 triệu, đều là môi trường của những cuộc đảo chánh, đầy bất trắc.

Venezuela, xứ dầu hỏa, cũng như khắp các nước khác của châu Mỹ la-tinh, đang có nạn bắt cóc các nhân vật ngoại giao, nhân viên cao cấp các Công-ty tư-bản lớn để chuộc tiền.

Nói chung, tất cả những xáo trộn đang quay cuồng với đa số người da

trắng mới đến lập nghiệp mấy trăm năm nay và nay đã xem châu Mỹ la-tinh là quê hương họ thì lại không dính dấp gì đến «thờ dân», tức người da đỏ đã có mặt tại chỗ trước người da trắng từ lâu.

Trước những làn sóng định cư ồ ạt, chiếm ngự, dựa vào sức mạnh, của người Bồ-đào-nha, người Y-pha-nho, người *thờ dân* da đỏ hoặc đã gục ngã tại chỗ, hoặc đã phải bồng bế nhau rút sâu vào rừng núi để tiếp tục cuộc sống an lành. Kết quả là ngày nay, tiếp theo những cuộc khai quang vào nội địa, thành phố, đô thị lẫn hồi mọc lên, thì lẫn hời người ta cũng không còn thấy bóng dáng người *thờ dân* đâu cả : họ càng rút sâu thêm nữa vào rừng.

Những cuộc khai quật của các nhà khảo-cò đã tìm ra dấu vết của một nền văn minh cò của Vương-quốc *Inca* đã hiện có từ 2500 năm trước kỷ-nguyên bao trùm lãnh địa ngày nay của Peru, Bolivia, Ecuador, Colombia, Chile và Argentina. Từ vùng Mexico chạy dài xuống Guatemala và Honduras, một nền văn minh khác của người *Maya* với một hệ-thống phân chia ngày giờ dựa vào toán số rất đặc biệt (1), chứng tỏ một trình độ tiến bộ khá cao, chớ không phải chỉ có bề ngoài man rợ như người ta thường lầm tưởng. Những bức tranh, những đồ sành của họ cũng dồi dào màu sắc, chứa đựng những ý-nghĩa triết-lý sâu sắc và phức tạp.

Nhưng bỗng nhiên, sau một thời gian va chạm với người mới định cư từ châu Âu, thì tất cả những huy

hoàng sáng chói kể trên sụp đổ.

Theo nhà văn người Peru, Manuel Scorza, (2) khi người Y-pha-nho đặt chân lên Peru, Vương quốc *Inca* dân số 15 triệu. 50 năm sau, chỉ còn lại 2 triệu người, những sự tàn sát, tiêu diệt, bệnh truyền nhiễm, bệnh trái giống, đã giết chết hàng triệu người *thờ dân* da đỏ. Nhưng bên cạnh còn có những cuộc tự sát tập-thể bằng cách rủ nhau từng nhóm gieo mình xuống các vực thẳm, do tin tưởng ở sự phán xét cuối cùng do những thần linh nổi giận.

Người *Maya* có một quan niệm về chu-kỳ thời gian. Họ tin rằng cứ 52 năm thì thế-giới phải chết. Để tránh sự chết chóc này của vũ-trụ, người *Aztec* trong Vương quốc *Maya* đã chấp nhận vai trò của dân-tộc được chọn cử phải dùng máu người để duy trì linh hồn của vũ-trụ.

Do đó, người *Aztec* phải dùng người để tế thần.

Người dùng để tế thường được các tu sĩ mua của các cha mẹ nghèo, sẵn sàng dâng hiến con, nhưng đôi khi cũng do sự tự nguyện bởi quan niệm đây là một cái chết vinh quang, máu được rải lên bàn thờ (3), có thể đưa

(1) Eric R. Wolf, *Pre-Columbian Civilizations in America*, trong *Man before history* Englewoods Cliffs, N.T. : Prentice Hall, Inc trang 130.

(2) Bài phỏng vấn đăng tuần san Pháp. *L'Express* số 1144, trang 80-86

(3) William H. Prescott, *The Conquest of Mexico* New York : Bantam Matrix Edition, tr. 59.

người chịu chết lên thiên đàng.

Người *Aztec* tin ở thần *Quetzalcoatl*, một vị thần khi còn trên trần thế, đã dạy người da đỏ cách sử dụng kim khí, làm nghề nông và trị nước an dân. Khi rời bỏ lãnh địa da đỏ mà đi, Thần *Quetzalcoatl* hẹn sẽ tái hiện vào một ngày tương ứng với 25 tháng Giêng năm 1519 tây lịch.

Và chính vào ngày 22 tháng 4 năm 1519, người *Y-pha-nho* đã xuất hiện nên đa số người *Aztec* đã cho rằng người *Y-pha-nho* chính là thần linh ứng hiện như họ đã tin tưởng lâu nay.

Khi mà sự đối chọi xảy ra giữa một đàng là một nền văn-hóa dựa vào các quan-niệm thần-thoại hoang đường về cuộc đời, về lịch sử và đàng khác là những nền văn hóa vừa tìm được lối thoát ở con người, của thời Phục hưng châu Âu sống động, dĩ nhiên là sự trùng hợp kể trên phải đem đến thất bại cho người *Inca* rồi.

Khi quân xâm lăng xuất hiện, Vua Mexico thay vì đưa quân đội ra chống đỡ thì lại phái những tay phù thủy tài giỏi nhứt đến quan sát tại chỗ, bởi lẽ người ta không chủ trương diệt địch bằng phương tiện vật chất. Đến chừng biết được sự thật thì các cơ sở đều đã bị tràn ngập và quá trễ rồi, vả lại muốn xuất quân nhà Vua còn phải thỉnh ý các nhà phù thủy, tính toán ngày giờ thích hợp.

Tại Peru, thì người *Inca* nổi

tiếng là một dân tộc gan dạ và không kém hiểu chiến đàng đời thần linh *Wiracocha* tái hiện và theo huyền thoại, thần linh này da trắng, có bộ râu và sẽ báo hiệu sự tận thế. Do đó, khi quân *Y-pha-nho* xuất hiện, rầm rộ với ngựa và thuốc súng, hình dạng lại giống thần linh, thì mọi người đều tin rằng ngày cuối cùng đã đến nơi rồi.

Và chính trong tâm trạng bi quan kỳ lạ phó thác cho định mệnh kể trên, người *thổ dân* da đỏ châu Mỹ la-tinh đã chịu thảm bại, tự hủy diệt về vật-chất lẫn tinh-thần trên bình-diện văn-hóa.

Có một điều ít được ghi nhận là cả người *Maya*, và người *Inca*, cũng như các dân tộc cò-sơ khác, không bao giờ tưởng tượng rằng dưới trần thế này, còn có những dân-tộc khác có thể có một lẽ lối sống khác lẽ lối sống của họ đang có.

Ngược lại, người *Y-pha-nho*, người *Bồ-đào-nha*, thực hiện cuộc xâm chiếm đất mới với dụng đích dựa vào những quan-niệm luận-lý rõ rệt, đồng thời mang theo một chánh nghĩa tôn giáo. Trước những điều-kiện này, và trong hoàn cảnh hỗn độn của những cuộc xung đột giữa 2 nền văn-hóa có quá nhiều cách biệt, người ta không hi vọng có một người *Y-pha-nho* hay *Bồ-đào-nha* nào còn nghĩ đến việc tìm hiểu hệ-thống giá-trị cò-sơ của xã-hội *Inca* hoặc *Maya* được :

Chỉ sau khi người *thổ dân* da đỏ

đã lùi bước, người da trắng đã an vị tại các địa điểm định cư mới, các nhà nghiên cứu Y-pha-nho và Bồ-đào-nha mới bắt đầu đề tâm tìm hiểu và trước những sự trạng kỳ lạ xảy ra, những nhà thần học Y-pha-nho đã phải mất nhiều năm bàn cãi xem người *thờ dân* da đỏ châu Mỹ la-tinh có hay không có một linh hồn!

Theo chiều hướng này, lẽ lối sống, cả vật chất lẫn tinh thần, tại các thành phố đô thị mới thiết lập, phải theo khuôn mẫu của lẽ lối sống châu Âu được áp đặt lên. Còn cái phần quan trọng nhất của người *thờ dân* da đỏ, đáng lý là phần cao đẹp nhất cần được khai triển và duy trì, vì bao gồm những cái gì cao đẹp nhất, cang cường nhất, có tình nghĩa anh em nhất thì lại bị bỏ quên và khinh bỉ. Nhiều nhà nghiên cứu khách quan đã hoa mắt khi còn tìm ra trong lẽ lối sống người *thờ dân* da đỏ, dấu vết của sanh hoạt dân chủ, một sự đoàn kết nhứt trí, dành cả quyền đầu phiếu chẳng những cho đàn bà mà cho cả trẻ em nữa. Và chính trên căn bản những giá trị xã-hội này, các tập-thể *thờ dân* da đỏ đã tồn tại và tiếp tục cuộc đấu tranh bảo vệ con người da đỏ.

Tuy dưới một bề ngoài thô sơ, người *thờ dân* da đỏ đôi khi chứng tỏ còn biết nhiều việc mà nhiều người không còn nhớ đến nữa. Người ta kể chuyện tại Venezuela, có con sông lớn tên là Orénoque, mực nước lên xuống đã được nghiên cứu và đo đạc cẩn thận. Gần đó, có một tập thể

tôn giáo đã định cư ở ngoài vùng có thể ngập lụt. Một năm có một người da đỏ đã đến nói với vị linh-mục: « Ông có thấy ngọn núi cao trên kia không? Năm nay, ông phải lên trên đó, vì năm nay nước sẽ ngập đến vùng ông ở ». Vị linh-mục cho là người da đỏ nói điên vì ông đã định cư tại đó hai mươi năm rồi có bao giờ nước lụt đâu?

Nhưng năm đó nước lụt lên đến làng thật và vị linh-mục đã suýt bị chết chìm.

Vài tháng sau gặp người da đỏ liên hệ, vị linh-mục hỏi làm sao anh ta biết nước lụt thì anh ta trả lời: « Giản dị: bởi vì các con rắn đã đẻ trứng trên cây. Và tôi, tôi có thể nói chuyện với rắn! »

Bạo động xảy ra tại châu Mỹ la-tinh, theo nhà văn Scorza, chỉ h là do sự nhục mạ chà đạp hệ thống giá-trị da đỏ. Tại Guatemala chẳng hạn, nhà độc tài Estrada Cabrera đã cho thiết lập một đền thờ kiến trúc theo lối Hy-lạp, chỉ cách đền thờ Maya cổ vài cây số và đã buộc những người dự lễ ăn mặc theo lối Hy-lạp cổ.

Tại Salvador, nhà độc tài Martinez được nôi danh vì đã giết 30.000 nông dân trong một tuần đã buộc những người xin việc phải kê khai lý-lịch ngược trở lại thời gian vào khoảng Chúa giáng-sanh! Nếu đương sự không thể ghi về khoảng thời-kỳ các Đạo quân-thập-tự giá hoặc thời Christophe Colomb thì chắc chắn là sẽ không được thuê nhận.

Những sự kiện này giải thích tại

sao người *thổ dân* da đỏ châu Mỹ Latinh lại chỉ thích có rừng già và núi cao vì chỉ tại những địa thế này họ mới sống yên ổn. Thịnh thoàng lại có tin một vài người lạc vào lãnh địa của người *thổ dân* da đỏ bị giết và đề đổi phỏ, tại nhiều vàng, người *thổ dân* da đỏ bị săn bắn như người ta săn thú rừng. Nguyên nhân những vụ giết chóc này dường như không bao giờ được tìm hiểu từ chính trong lòng xã hội da đỏ.

Tại Brazil, chánh phủ có thiết lập tổ chức mệnh danh là FUNAI (do danh từ Bồ-đào-nha) mục đích :

— Bình định người *thổ dân* da đỏ thù nghịch để có thể khai thác tài nguyên phong phú các vùng đất hoang.

— Bảo vệ *thổ dân* da đỏ được bình định chống lại những nguy cơ do xã-hội văn-minh mang đến và họ không đổi phỏ được (1).

Với mục đích thứ nhứt, hiện người ta đang thực hiện những sự thăm dò tiếp xúc với những phương pháp tiến bộ hơn những phương pháp do một số người Pháp (như Henri Maitre, Marquis de Barthelemy v.v.) áp dụng và đã gục ngã tại Cao-nguyên miền Nam Việt Nam, mấy mươi năm trước đây. Tiến bộ này là do những khám phá mới của ngành nhân chủng học, bắt đầu bằng những cuộc trao đổi tặng vật diễn ra trong những điều kiện gay go, nghi kỵ lẫn nhau trước khi đặt tín nhiệm. Chính qua những cuộc tiếp xúc này, người ta đã tìm ra khám phá ra một số chi tiết

rất đặc biệt về triết lý sống của người *thổ dân* da đỏ sơ khai, chẳng hạn như triết lý ; « người đến với tiếng động là đến với hòa bình, » có nghĩa là khi đến gần chỗ hẹn, phải la, phải hét, gây tiếng động, thì mới mong gặp được họ.

Ngoài ra, người *thổ dân* da đỏ rất ghét nắp đậy các thùng bằng nhôm. Cầm được trong tay họ phá hủy ngay và liệng bỏ.

Sự tiếp xúc với người *thổ dân* da đỏ, do đó, đòi hỏi nhiều thời gian kiên nhẫn và nhứt là sự hiểu biết của người đến với họ, những hiểu biết chuyên môn cần thiết của các nhà nhân-chủng-học.

Tuy nhiên, tại các công trường khai hoang, người ta phải áp dụng kỹ thuật cơ giới, với máy cày ủi phá rất nhanh chóng, theo đúng nguyên tắc hữu hiệu trong một khung cảnh mà thời gian dường như không ý nghĩa. Vì vậy, thường thì người ta không giữ được tất cả kiên nhẫn tối cần, người ta ồ ạt xông tới, xung đột phải bùng nổ và dĩ nhiên, người da đỏ thù nghịch phải chịu hậu quả tai hại nhiều hơn cả.

Không có gì bức bối hơn, khiêu khích hơn đối với người da đỏ quanh năm sống cuộc sống an lành, nay bỗng một buổi sáng đẹp trời nào đó, lại thấy vằn vũ ngay trên đầu họ những « con chim sắt » không lồ với tiếng động như ngạo mạn đe dọa họ. Tờ

(1) Wesco và Von Puttkamer, Brazil protects her Cinta Largas, Tạp chí *National Geographic* vol. 140, số 3, trang 420-444.

Paris Match ngày 9-12-72 có đăng một bức ảnh biểu lộ sự nổi giận trong tuyệt vọng của người thổ dân da đỏ : một số người mình trần, đôi mắt căm hờn nhìn lên trời, tay tập trung toàn lực vươn cây cung bắn lên. Một vài mũi tên, về sau, được tìm thấy ghim vào cánh bằng vải của máy bay chở phóng viên !

Với thời gian, người của xã-hội văn minh lần lần tiến vào rừng sâu, người da đỏ cỡ sơ sẽ hết nơi ẩn trốn để bảo toàn cuộc sống cô lập nhưng tự lập và an lành. Họ lùi bước như vậy đã hơn bốn trăm năm rồi, trải qua bốn năm thế hệ, chống chọi với thiên nhiên phần lớn bằng 2 bàn tay, nên nếu họ không còn nhớ đến quá khứ huy hoàng của tổ tiên họ thì cũng là điều dễ hiểu : họ chỉ có thể giữ được những gì cần thiết cho sự sanh tồn thường nhật, để phải chịu tiêu mòn dần vì thời khí, vì bệnh đậu mùa, vì bệnh hủi đáng ghê sợ.

Còn những người da đỏ đồng loại chấp nhận cuộc sống mới, hợp tác với người Y-pha-nho, người Bồ-đào-nha, thì hòa mình dần và lai giống, đa số lam lũ tại các miền thôn dã, nhất là tại các đồn điền cà-phê, đồn điền mía, đồn điền cao-su... mà chủ nhân là những người của đô-thị, có cơ-sở hoạt động cả tại Madrid, Paris, New-York vv...

Tại các đồn điền kể trên của châu Mỹ la-tinh, người ta từng chứng kiến những sự lạm dụng quá đáng và ghê rợn. Chẳng hạn như để lau chùi những lò nung, người da đỏ bị

bắt buộc phải vắn mình trong bao ướt và phải làm thật nhanh. Người nào không tính kịp thời giờ cho phép thì phải bị phỏng nặng và chết trong một tình trạng bị dạt. Do đó người da đỏ có đôi lần đã nổi dậy và giết chủ nhân, điển hình là cuộc nổi dậy ở Peru năm 1960, do việc Công-ty La Cerro de Pasco đã rào giây kẽm gai nguyên một ngọn đồi bao quanh làng mạc, đô thị, cản đường đi lấy nước uống, gián tiếp đuổi người da đỏ ra khỏi nhà cửa họ dưới con mắt "không-nhìn-thấy-gi-cả" của giới chức hữu trách đã được đút lót tại địa phương. Một cuộc tàn sát đã man sảy ra tiếp theo, không một tờ báo địa phương nào dám loan tin và nhân chứng tại chỗ hầu hết đều đã bị giết hoặc còn lại chỉ là những người mù chữ không biết tiếng Y-pha-nho, không thể truyền thông với bên ngoài được.

Tất cả những khổ đau chông chất này của người da đỏ, hiện đã có một số nhà văn mang giòng máu da đỏ nói lên với thế-giới bên ngoài. Nó cũng là nguyên động lực thúc đẩy việc cấu tạo một khuynh hướng chánh trị mới dựa vào màu sắc da đỏ chủ trương *Indo-America*, (1) phục hưng ý thức da đỏ và một hệ thống kinh tế xã hội da đỏ, sau khi châu Mỹ la-tinh, trong quá khứ, đã là môi trường của sự tùy thuộc mẫu quốc Y-pha-nho, của chánh sách *Pan-America* khuynh hướng Hoa-kỳ.

(1) Victor Raúl Haya de Latorre, *Indo-America*, trong *The ideologies of the Developing Nations* New York : Frederick A. Praeger Publishers, tr. 283.

Trong sanh hoạt các ngành, người ta đang thấy tiềm tàng tại châu Mỹ la-tinh một khuynh hướng quay về bản chất da đỏ, trong khi đó ai cũng đồng ý là văn hóa da đỏ đang tàn dần và biến mất cũng như đang biến mất dần dần trên thế giới kỹ nghệ những nền văn minh nông nghiệp.

Đây chỉ là vấn đề màu sắc.

Nên thực tế, đa số người da đỏ châu Mỹ la-tinh đã và đang phải chịu quá nhiều khắc khổ, như một thứ đá nhuhn gọi phong sương, một thứ cây cỏ tiêu cực sống bên lề. Người da đỏ châu Mỹ la-tinh không gục ngã, nhưng đã phải giả vờ gục ngã để có thể tự tồn thuận lợi hơn. Họ đi chậm, làm việc chậm, vì nếu họ đi nhanh, làm nhanh theo lẽ lối Âu Châu, họ càng nhanh tan biến, càng nhanh tự tiêu diệt.

Ngày nay, tại Peru chẳng hạn, người gốc da đỏ đã chọn thủng thành lũy quý tộc da trắng len lỏi vào Quân đội, Nhà thờ, Trường Đại-học. Mấy

năm gần đây, các quân nhân gốc da đỏ hoặc lai da đỏ đã lần lần bò lên trên thang cấp bậc và đa số Tướng lãnh Peru hiện giờ là người da đỏ hoặc có mang giòng máu da đỏ. Mấy mươi năm qua đã có trường hợp cả Trung đoàn quân thay vì xông vào vào tàn sát người da đỏ thì lại chạy về phía họ.

Xã hội châu Mỹ la-tinh, qua biến chuyển của thời cuộc, đang dần dần thanh toán tàn tích các chế độ phong kiến bóc lột, bắt công, mở đường cho chiều hướng vươn lên của người da đỏ trong thời đại mới.

Qua những tác động ào ạt hào nháng tại đô thị, không ai có thể quên được những gương mặt sần chai đá của người da đỏ châu Mỹ la-tinh, làm chậm chạp, đi chậm chạp, hướng về tương lai, từ bỏ dĩ vãng, để làm đảo lộn lại chiều hướng phát triển từ trước đã được áp đặt từ bên ngoài.

DOHAMIDE

PHÂN ƯU

Được tin trẻ:

THÂN MÀU

Ô. NGUYỄN HÙNG TRƯƠNG, Giám đốc Nhà sách Khai Trí và Chủ nhiệm tuần báo Thiếu Nhi, đã thất lạc tại Saigon ngày 11-7-1973, hưởng thọ 74 tuổi,

Xin trân trọng phân ưu cùng Ô. Nguyễn Hùng Trương và tang quyến. Xin cầu nguyện hương hồn Cụ Bà sớm tiêu điều miền Cực Lạc.

Lê Ngộ Châu, Vũ Hạnh, Lê Thanh Thái, Lê Tất Điều, Trần Phong Giao, Hoàng Oanh, Nguyễn Tuấn Phát.

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÁNH : 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh Cholon : 47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
— Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
— Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
— Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
— BanMêThuột : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
— Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
— Sađéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
— Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
— Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
— Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
— Vĩnh Long, 49 : Phan Thanh Gián V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỶ VÀ ĐỊNH-KỶ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xđ-số
- 13% mỗi năm : nếu có dự xđ-số
- 4% mỗi năm : để xđ-số
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.



Francisco Franco

độc tài về già

Không có nhà độc tài nào mà có thể cầm quyền lâu dài được bằng Tướng Franco, lãnh tụ Tây-ban-nha hiện thời. Lên nắm chính quyền năm 1939 sau một cuộc nội chiến đẫm máu kéo dài trên 3 năm, Tướng Franco vẫn tiếp tục cai trị nước ông với bàn tay sắt. Ngày nay chính thể của ông vẫn vững vàng hơn bao giờ hết và hiện thời chỉ có tuổi già của ông là mối đe dọa duy nhất cho ông mà thôi.

Chính thể Franco là một hiện tượng đặc biệt trong đời sống chính trị thế giới. Là một chính thể độc tài cực hữu đồng thời với các chính thể phát-xít ở Ý và quốc-xã ở

Đức, chính thể Franco vẫn vững như bàn thạch sau khi cả Hitler lẫn Mussolini nhào đổ đã trên 1/4 thế kỷ. Vì thật ra nền độc tài của Franco đáp ứng với nhu cầu của Tây-ban-nha, nơi mà dân quê nổi loạn không ngừng, quân đội đảo chính liên miên và dân chúng địa phương đòi ly-khai liên-tục.

Sự vững bền và tính cách cồ lỗ của chế-độ của Franco làm cho người ta thường coi ông là một nhà độc tài trái mùa. Nhưng năm nay Franco đã 80 tuổi, vấn đề kế nghiệp ông lại rất khó khăn, nên người ta tự hỏi sau Franco rồi đây xứ Tây-ban-nha sẽ ra sao?

1. ĐỘC TÀI TRÁI MÙA

Muốn hiểu rõ chế-độ Franco Tây-ban-nha người ta cần phải nhìn lại lịch-sử nước này từ đầu thế-kỷ thứ 20. Tại đây, hồi đó các cơ-cấu chính-trị không được dân chúng tín nhiệm. Trên thượng-đỉnh của xã-hội, người ta thấy một nền quân-chủ bị dân chúng khinh

thường. Hoàng-gia Tây-ban-nha thuộc dòng dõi Bourbon của Pháp. Vào thế-kỷ thứ 17 Pháp - hoàng Louis 14 đã cho cậu cháu nội là Quận-công Anjou sang làm vua tại nước láng giềng phía Nam để bảo đảm biên-giới của Pháp ở núi Pyrénées. Dòng họ Bourbon

của Pháp đã mất ngôi từ năm 1830, trong khi dòng họ Bourbon tại Tây-ban-nha vẫn còn nhấp nhòem đòi lại ngai vàng ở xứ này. Hoàng-gia Tây-ban-nha lại còn bị dân chúng khinh rẻ từ khi cha con Charles IV đánh nhau trước mặt Napoléon để lấy lòng vị Hoàng-đế Pháp hầu giữ ngai vàng. Sau đó Charles IV lại còn bằng lòng nhường ngôi cho Joseph Bonaparte, anh của Napoléon, để lấy một số lợi tức hàng năm. Đến khi chế độ Napoléon sụp đổ ở Pháp thì gia-đình Bourbon lại trở về giữ lấy ngai vàng, đàn áp thẳng tay các phần-tử cách-mạng.

Do đó, vào đầu thế-kỷ 20, nền quân chủ tại Tây-ban-nha đã bị dân chúng khinh ghét vô cùng. Dưới triều đình thì các lãnh chúa (cacique) làm mưa làm gió. Bởi thế dân chúng luôn luôn ở trong một tình trạng hỗn loạn vô chính-phủ.

Chán nản trước tình trạng vô chính phủ đó quân đội đưa ra một ông Tướng bị lưu đày thất sủng ra làm đầu nậu để nổi loạn từ một hải-cảng chẳng hạn. Nếu các trại lính trên toàn quốc hưởng ứng thì cuộc nổi loạn trở thành một cuộc đảo chính thành công và ông Tướng cầm đầu, đang bị thất sủng, sẽ được nhà vua phong cho làm Thủ-tướng.

Ở trên thì quân đội thỉnh thoảng lại đảo chính như vậy để tái lập trật-tự, ở dưới thì người ta thấy dân vùng Catalogne đòi ly khai để thành lập một vùng tự-trị. Ngoài ra giới vô-sản tập trung quanh các mỏ than

trong vùng Catalogne, Asturias, Biscaye cũng thành lập những phong trào vô-chính-phủ (anarchistes).

Các cuộc đảo chính, chính lý quân sự tại Tây-ban-nha thường được gọi là «pronunciamento» đã trở thành một định-chế chính-trị cổ truyền của nước này. Cho tới năm 1936 không một cuộc đảo-chính nào đưa Tây-ban-nha tới nội chiến.

Trong hoàn-cảnh chính-trị và xã-hội này, Tướng Primo de Rivera, vào tháng 9-1923, đã ra một tuyên-ngôn lên án chính-thể đại-nghị là đã đưa Tây-ban-nha tới vực thẳm. Các quân-đoàn tuyên bố ủng-hô Primo de Rivera và Quốc-vương Alphonse 13 vội vàng trao quyền Thủ-tướng cho ông ta. Primo de Rivera đã ổn định được tình thế trong 7 năm.

Năm 1930 bao nhiêu công lao của Primo de Rivera bỗng chốc bị sụp đổ vì cuộc khủng-hoảng kinh-tế thế-giới. Ông phải rút lui khỏi chính quyền. Trong cuộc bầu cử đô tỉnh thị liên sau đó, phe Cộng-hòa thắng cử và đòi hủy bỏ chế độ quân chủ nên quốc-vương Alphonse 13 đã kín đáo thoái vị. Nền Cộng-hòa được thành lập nhưng chế-độ mới cũng lại gặp những khó khăn do cuộc khủng-hoảng kinh-tế gây ra, nên cả phe tả lẫn phe hữu đều chống lại chính quyền.

Năm 1936 tả phái thắng cử, Mặt trận Bình-dân gồm hai đảng Cộng sản và Xã-hội ra lập chính-phủ. Một loạt các tướng lãnh bị giam giữ. Tướng Godel bị đày ra đảo Canaries

và tướng Franco bị ra đảo Baléares. Nhưng Mặt-trận Bình-dân đã làm một điều sai lầm là ám sát hay dính líu tới vụ ám sát lãnh tụ đối-lập Calvo Sotelo, nên vào tháng 7-1936 quân đội đã nổi dậy chống chính quyền.

Lúc đầu cuộc nổi dậy của quân đội chỉ là một thứ pronunciamiento theo đúng truyền thống Tây-ban-nha. Nhưng vì sức kháng cự của phe Cộng-hòa mạnh hơn là sức kháng cự thường lệ của Triều-đình nên một cuộc nội chiến đã bùng nổ. Tướng Franco từ đảo Baléares trở về đi theo phe nổi loạn và bắt đầu cuộc đời lãnh-tụ của ông.

Francisco Paulino Hermenegildo Teóduo Franco y Bahamonde sinh năm 1892 tại hải cảng El Ferrol thuộc vùng Galicia. Là con của một nhân viên phát lương trong hải-quân, thuở thiếu thời Francisco chỉ mơ ước được trở thành một sĩ quan hải-quân mà thôi. Nhưng khi lớn lên người ta lại thấy Franco phục vụ trong ngành bộ binh. Có người cho rằng vì Francisco thấp quá (cao 1m 60) nên không được trường Hải-quân thu nhận. Nhưng tại Tây-ban-nha giờ đây mà nói tới bề cao của Francisco là cả một sự phạm thượng, cho nên các sĩ-gia đã cho rằng Francisco «chê» Hải-quân, là vì binh-chúng này năm 1898 đã chiến đấu «bết» đến nỗi mất cho Hoa-kỳ một lúc cả Cuba lẫn Phi-luật-tân.

Nhưng cuộc đời lính chiến của cậu Francisco thấp bé cũng đã không

kém hào hùng. Vì ngay từ khi tốt nghiệp trường Võ-bị Hoàng-gia, Francisco đã luôn luôn tỏ ra là một sĩ-quan ưu tú đầy nhiệt huyết. Dồn mọi nỗ-lực để phục vụ, Francisco đã không màng tới rượu ngon, gái đẹp hay bè bạn. Khi Tây-ban-nha xâm lăng Maroc vị sĩ-quan trẻ tuổi và khắc khổ Francisco Franco đã được dịp thi-thố tài năng và do đó lên lon rất mau. Vì vậy mới 34 tuổi Franco đã lên Tướng và trở thành một vị Tướng lãnh trẻ nhất của quân đội Tây-ban-nha.

Năm 1926 khi cuộc nội chiến bùng nổ, Franco đã từ đảo Baléares, nơi ông bị chính phủ Cộng-hòa lưu đày, tới Maroc để thu thập đạo quân «Lê dương» của ông và trở về Tây-ban-nha tham chiến. Lúc đầu Franco chỉ là một nhân vật số 3 trong phong-trào phản-loạn, nhưng may mắn đặc biệt là chỉ vài tháng sau hai ông «xếp» của Franco đã bị tử thương, nên ông nghiêm nhiên trở thành lãnh-tụ phe phản loạn. Trong cuộc nội chiến này, Franco đã được cả Hitler lẫn Mussolini gửi quân tình-nguyện và súng đạn sang giúp đỡ nên phe của ông trở nên hết sức mạnh mẽ. Ngược lại phe chính-phủ thì lại được Nga yểm trợ nên cuộc nội chiến đã kéo dài tới 3 năm với những cuộc tàn sát rất dã man. Người ta thấy có những cảnh các tu-sĩ ban phép lành cho quân đội của Franco rồi các phần-tử nông-dân thân Cộng lại rượt bắt các tu-sĩ để sát hại.

Đến năm 1939 thì Franco hoàn toàn chiến thắng và nắm được chính quyền tại Thủ-đô Madrid. Ông khôi phục lại chế độ Quân-chủ và tự phong cho mình làm Phụ-chính. Nhưng ông lại cấm Thái-tử Don Juan, con trai trưởng của cựu Hoàng Alphonse 13, trở về ngai vàng. Nhân danh chiếc ngai vàng bỏ trống, Phụ-chính đại-thần Franco phân phát các tước vị Quân công, Hầu-tước, Bá-tước cho các người trong gia-đình ông.

Lên cầm quyền nhờ sự trợ giúp của Hitler và Mussolini, nhưng Franco đã cố gắng tách xa cả hai nhà độc-tài này. Tại quốc nội, ông cố gắng duy trì các định-chế cổ-điển Tây-ban-nha. Theo đúng truyền-thống quân-chủ thần quyền, ông siết chặt sự liên-hệ giữa Ngai vàng và Giáo-hội và dùng Giáo-hội như một lực lượng đề hậu-thuần cho chế-độ. Ông củng cố quân đội để tạo ra một rường cột thứ hai của chế độ. Ngoài ra ông còn tổ chức một lực lượng nửa quân sự nửa chính-trị gọi là « Phalange » để làm công cụ cho chính quyền. Và ông tìm cách làm cho cả 3 lực-lượng này tranh chấp lẫn nhau hầu áp dụng chính sách chia để trị.

Tuy được Hitler và Mussolini ủng hộ nhưng Franco đã thành công trong việc đặt nước ông ra khỏi vòng chiến khi cuộc Đệ-nhị thế-chiến bùng nổ. Năm 1940, Hitler sang gặp Franco, yêu cầu ông cho mượn lãnh-thò Tây-ban-nha để quân Đức dùng tấn công Gibraltar của Anh. Sau 9 giờ đồng hồ gặp gỡ, Franco nhất định

từ chối và sau cùng Hitler phải nổi sùng lên mà nói rằng : «Thằng cha này không xứng đáng làm một lãnh-tụ». Tuy vậy Hitler cũng chịu thua luôn không thể lôi kéo Tây-ban-nha vào vòng chiến được nữa.

Khi Đệ-nhị thế-chiến chấm dứt, các nước Tây-phương chiến thắng tìm cách tầy chay Tây-ban-nha vì cho rằng Franco là một tay độc-tài phát-xít trái mùa. Pháp đóng cửa biên giới không chịu giao-thương với Tây-ban-nha. Bỉ, Hòa-lan, Lục-xâm-bảo từ chối không cho Tây-ban-nha gia nhập Thị-trường chung. Trong một thời-gian rất lâu người ta đã cấm cửa không cho Tây-ban-nha gia nhập Liên-Hiệp-Quốc.

Nhưng năm 1948, khi Nga phong tỏa Bá-ling, Mỹ nhận thấy Tây-ban-nha cần-thiết cho an-ninh Âu-châu nên Tây-ban-nha đã được gia nhập Minh-ước Bắc Đại-tây-dương. Do đó Mỹ đã được đặt các căn-cứ quân-sự tại Tây-ban-nha và viện trợ đều đều cho nước này. Franco lớn tiếng khoe khoang : «Tây phương phải cần chúng ta để chống Cộng ».

Sau 34 năm cầm quyền, chính-thề của Franco vẫn đứng vững. Các trí thức khuynh tả phản đối thì ông bắt giam. Các phong trào ly khai có rục rịch đòi hỏi thì ông xử tử lãnh tụ. Quân đội vẫn trung thành với ông và các phần tử bảo hoàng vẫn ủng-hộ ông vì họ hy vọng ông sẽ sớm qua đời để tái lập nền quân chủ. Mối đe dọa duy nhất của Franco là tuổi già của ông. Năm nay ông đã 80 tuổi,

Franco chỉ lo chết đi mà không có vấn-đề số một của nhà độc tài già xứ người kế nghiệp. Vấn đề này hiện là Tây-ban-nha.

II. KẾ NGHIỆP KHÓ KHĂN

Thật ra thì Franco đã nghĩ tới vấn đề kế-nghiệp từ lâu rồi.

Vì không muốn rằng sau khi ông chết Thái-tử Don Juan trở về ngai vàng nên ông đã tìm đủ mọi cách để loại Thái tử. Don Juan là con trưởng của Cựu-hoàng Alphonse 13. Đáng lý ra thì vị Hoàng-tử này phải được nối ngôi. Nhưng Franco không ưa Thái-tử vì Thái tử bướng bỉnh và có những tư tưởng mà Franco cho là quá cấp-tiến. Vì vậy mà Franco và Don Juan thi đua xem ai sống lâu hơn. Năm nay Franco đã 80 tuổi mà Thái-tử mới có 60. Biết rằng mình sẽ thua cuộc, Franco đã từ 20 năm về trước đưa con trai của Thái-tử Don Juan là Don Juan-Carlos về nuôi nấng. Để cho Don Juan-Carlos có những tư tưởng bảo-thủ như mình, Franco đã cử các vị tướng lãnh trung thành với ông làm Thái-phó để dạy dỗ Juan Carlos. Từ trên 20 năm nay, Juan Carlos đã sống một cuộc đời cá chậu chim lồng trong hoàng cung, nhất cử nhất động đều phải xin phép « El Caudillo » (Lãnh tụ, tước hiệu mà Franco tự đặt cho mình). Trong các lễ-nghi chính thức người ta luôn luôn thấy một ông hoàng Juan Carlos trẻ đẹp, cao lớn, lụp chụp đi theo El Caudillo. Năm Juan Carlos 25 tuổi, Franco lại cưới vợ cho chàng, và vợ Juan Carlos là Công chúa Sophie, con gái của

Quốc-Vương Paul, xứ Hy-lạp.

Cách đây 6 năm, thấy Juan Carlos đã có vợ con đề huề, Franco ban hành một Hiến-pháp mới ấn-định rằng sau khi ông chết Juan Carlos sẽ lên ngôi Quốc-vương Tây-ban-Nha. Quyết-định này đã tạo ra một tấn bi-kịch cho Hoàng-gia Tây-ban-nha. Thái-tử Don Juan đã ra Thông-cáo tuyên - bố rằng ông là người duy nhất được quyền lên ngôi và kêu gọi cậu con Juan Carlos của ông hãy nghĩ tới đạo hiếu mà từ chối ngai vàng của Franco.

Juan Carlos, sau nhiều ngày đắn đo suy tính, đã trả lời rằng hiếu thì vẫn hiếu, nhưng cậu nhận thấy không có quyền đi ngược lại nguyện vọng của thần dân bằng cách từ bỏ chiếc ngai vàng mà Franco đã kê sẵn cho cậu. Thế là hai cha con giận không nhìn mặt nhau. Tấn tuồng cha con Charles IV tranh nhau lấy lòng Napoléon để chiếm ngai vàng lại một lần nữa tái diễn.

Tuy thấy Juan Carlos để bảo nhưng vốn tính đa nghi Franco vẫn chưa yên trí về việc kế-nghiệp. Để bảo đảm tương lai hơn nữa ông lại gả cháu nội gái Carmencita của ông cho một vị Hoàng-thân khác tên là Don Alphonso de Bourbon y Dampierre. Cuộc hôn nhân này mang lại cho Franco hai lợi điểm. Lợi điểm thứ

nhất là làm cho Juan Carlos đỡ làm tàng và Alphonso, cháu rề Franco, không những cũng là cháu nội của Cựu-hoàng Alphonse 13, mà lại còn thuộc ngành trưởng. Cha của Alphonso, tức là anh của Thái-tử Don Juan, sở dĩ bị loại khỏi ngai vàng là vì ông bị câm. Như vậy Alphonso có đủ quyền, nếu không hơn Juan Carlos, để nối ngôi. Lợi điểm thứ hai là cuộc hôn nhân này đã cho phép Franco trở thành « anh sui » của hoàng gia Tây-ban-nha.

Đề nhấn mạnh tính cách chính thống của cô cháu Carmencita và cậu cháu rề Alphonso, Franco đã phong cho hai người tước vị Quận-công và Nữ Quận-công Cadix.

Nếu Juan Carlos bướng bỉnh, thì Franco sẽ đưa Alphonso lên thay.

Nhưng như vậy El Caudillo vẫn chưa đủ yên tâm. Năm ngoái ông lại còn quyết định là sau khi ông chết đi thì không những Quốc vương chi-định sẽ là Juan Carlos mà Thủ tướng chi-định sẽ là Đô-đốc Carrero Blanco.

Trong khi chờ đợi, Carrero Blanco được cử làm Phó Thủ-tướng, nắm chính quyền thay thế Franco. Cách đây ít lâu, Franco đã trao hết quyền hành cho Carrero Blanco và chỉ còn ngồi làm vì để chờ ngày về nơi an nghỉ đời đời.

Đề chuẩn bị cho sự an nghỉ vĩnh viễn của mình được chu đáo, Franco đã ra lệnh cho xây một cái lăng uy nghi tráng lệ, cách lâu đài Pardo,

nơi ông ở, 2 cây số. Tại đây đước bóng một cây cỏ-thụ sum xuê, người ta thiết lập một giáo-đường xinh xắn. Trong lòng giáo-đường, một ngôi mộ đước xây sẵn bằng đá cẩm-thạch xanh biếc.

Ngôi mộ của Franco đước đặt trong khung cảnh vĩ-đại huy hoàng của Đài Chiến-sĩ trận vong. Đài này đã đước thiết-lập đề kỷ niệm những chiến sĩ của ông bị tử trận trong cuộc nội chiến 1936-1939. Các tù binh thuộc phe Công-hòa đã đước huy động để xây cất đền đài nguy nga này. Năm ngoái Franco đã cùng với bà vợ Donã Carmen, 72 tuổi, bí mật tới thăm ngôi mộ của ông để chuẩn bị tư-tưởng cho ngày định-mệnh sau này.

Tuy Franco giờ đây đã hết sức yếu đuối, chân tay run rẩy, và luôn luôn bị đấng trí, nhưng tuổi già của El Caudillo là một điều cấm kỵ, không ai đước nói tới. Năm ngoái khi tờ báo «Madrid» đoán rằng Franco có thể bắt chước De Gaulle rời bỏ chính quyền thì lập tức tờ báo này bị đóng cửa 6 tháng và sau đó bị đình bản luôn.

Mặc dầu công cuộc thừa kế đã đước chuẩn-bị kỹ càng nhưng người ta vẫn ngại rằng sau khi Franco qua đời chế độ của ông sẽ gặp khủng-hoảng lớn. Trước hết, Juan Carlos tuy đã đước huấn luyện kỹ càng, nhưng giới bảo thủ vẫn « chê » là còn vương vấn những tư tưởng cấp-tiến, mà Đô-đốc Carrero Blanco thì tính tình lại hoàn toàn thủ cựu.

Như vậy tránh sao khỏi những tranh chấp giữa Quốc - vương và Thủ-tướng sau này. Ngoài ra Đô-đốc Carrero Blanco lại là đại diện của Hải-quân nên Bộ-binh có thể không chịu thần phục. Hơn nữa tổ chức Phalange tuy có tới 300.000 đoàn viên, nhưng hầu hết đều là những bạn đồng hành của Franco trong cuộc nội chiến nghĩa là đều già nua như Franco. Giáo-hội cũng không còn là một cột trụ vững chắc của chính-quyền vì giờ đây Giáo-hội lại có khuynh hướng tiến bộ hơn El Caudillo nhiều. Tổ chức « Opus Dei », một tổ chức Công-giáo gồm có các giáo-sĩ và các người thế-tục, đang đòi hỏi chế-độ phải dân-chủ-hóa. Chính tổ chức Opus Dei lại là nơi tập trung các chuyên-viên ưu-tú nhất, các kỹ-thuật-gia nổi tiếng nhất của Tây-ban-nha hiện thời. Cái chết của Franco sẽ mở đường cho một phong trào dân-chủ-hóa chế-độ với sự tham gia của quân đội vì quân-đội Tây-ban-nha sau trên một phần ba thế-kỷ không chiến đấu đã ý-thức được trào-lưu dân-chủ của các dân-tộc khác trên thế-giới.

oOo

Khi tham gia phe phiến loạn, Tướng Franco không làm gì khác hơn là hành động theo truyền thống « pronunciamiento » của Tây-ban-nha. Các nền độc-tài ở xứ này có tính cách « cải lương » của một cuộc đấu bò rùng rợn hơn là phản-ảnh của một ý-thức-hệ. Nhưng vì có sự tham dự của ngoại-bang, cuộc đảo-chính của Franco đã trở thành một cuộc nội chiến đẫm máu. Trong 34 năm qua Franco đã cố gắng duy trì một trật tự cũ và ổn định đời sống quốc-gia. Tuy vậy Tây-ban-nha vẫn tiến triển theo đà tiến-hóa của thế giới. Vì vậy mà ngay cả Giáo-hội cũng bắt đầu tách rời chính quyền. Tuy tiến chậm nhưng Tây-ban-nha cũng đã bắt đầu có một bộ mặt mới. Giai-cấp lao-động bắt đầu có điện-thoại và máy truyền-hình. Ở các đô-thị lớn người ta cũng thấy có nạn kẹt xe và các thiếu nữ Tây-ban-nha giờ đây đã được quyền mặc minijupe đi ra phố một mình mà không cần phải có vú bô (duennas) đi theo. Trong một xã-hội Tây-ban-nha đời mới này các luật-lệ của Franco rõ ràng là đã cò xưa không còn hợp thời được nữa.

TỪ-MINH

Tháng 9-1973

PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC :

SÔNG SƯƠNG MÙ

Tập truyện của LỮ-QUỲNH

Những khổ đau, thơ mộng của con người trên ranh giới sống và chết.

TIẾNG VIỆT xuất bản

BNP

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Sách do An Tiêm xuất bản trong tháng 6 và 7-73

- * THỰC HIỆN TOÀN MÃN Sadhana
của Tagore, Nguyễn ngọc Thơ dịch
- * KẼ LẠ Ở THIÊN ĐƯỜNG của Simone Weil
Phùng Thăng dịch, tác phẩm của một nữ sĩ thần bí.
- * TẶNG VẬT của Tagore
Đỗ Khánh Hoan dịch
- * TÔI VÀ EM truyện dài của Hoàng Ngọc Tuấn
- * TÌNH KHẨU thơ Nguyễn Đức Sơn
- * DU SĨ CA thơ Nguyễn Đức Sơn
- * HIẾN CHƯƠNG GIÁO DỤC
sách của Kim Định
- * THIÊN LUẬN III của Suzuki
Tuệ Sỹ dịch

Sách đang in :

- * TỔ NHƯ THI trích dịch
thơ Nguyễn Du, Quách Tấn dịch
- * HUYỀN NGHĨA KINH LĂNG GIÀ
của Suzuki, Tuệ Sỹ dịch
- * SỰ HỦY DIỆT CỦA MỘT TRÀO LƯU
TU TƯỞNG
sách của Tuệ Sỹ
- * CÁT BỤI MỆT MỎI
truyện của Nguyễn Đức Sơn (tái bản)
- * MƯA NGUỒN, LÁ HOA CỒN thơ Bùi Giáng
*(chỉ in duy nhất 500 bản trên toàn giấy tốt,
đóng bìa vải, 400 trang, giá 1.600\$).*
- * VĂN HỌC THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
Bừu Ý dịch

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

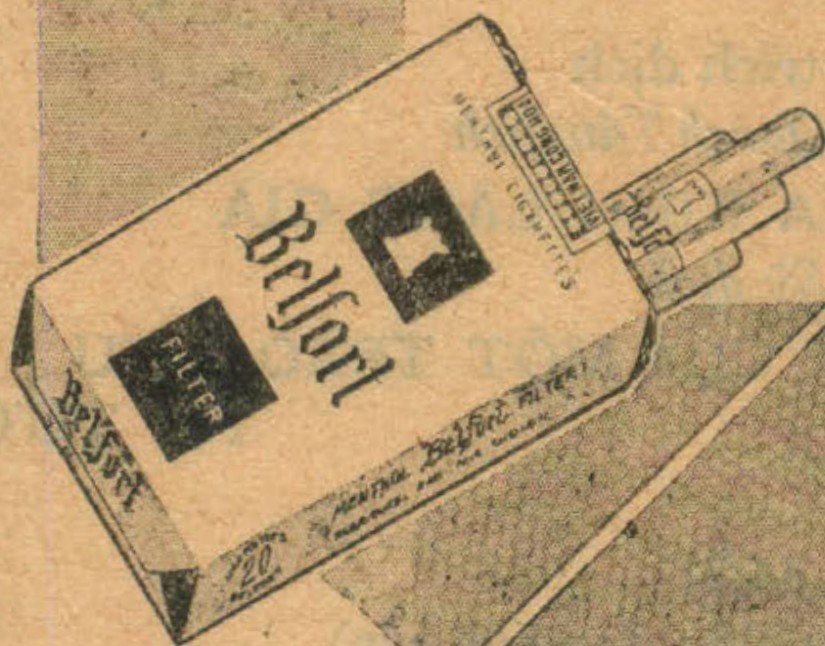
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

AIP

Belfort ĐỎ

- THUỐC THƠM HƯƠNG VỊ ĐẬM ĐÀ
- BẠC HÀ RẤT MÁT



Belfort XANH

- THUỐC THƠM HƯƠNG VỊ DỊU DÀNG HƠN
- BẠC HÀ RẤT NHẸ

MIC-CHOLON

Đàm thoại với NGUYỄN VĂN HẦU, tác giả cuốn «*Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang*»



LTS.— Ông Nguyễn Văn Hầu sinh năm 1922 tại làng Bình-Phước-Xuân, tỉnh Long-Xuyên. Làm thơ, viết truyện ngắn đăng báo *Tiến-Bộ* của Hồ Văn Sao ở Sa-Đéc từ khi còn đi học. Nhưng về sau, bỏ thơ, truyện, đi vào con đường biên khảo một cách say mê.

Dạy Trung-học rồi Đại-học, diễn thuyết nhiều, du khảo cũng khá nhiều. Chủ-trương Nguyệt san *Đuốc Từ Bi* xuất bản đều đặn từ 1965 đến 1968 với con số phát hành 20.000 tập mỗi kì. Gây dựng và phát triển một phong trào học tập cho những

người lớn tuổi thất học với hằng trăm cơ sở, hằng vạn học viên tại nông thôn thuộc các tỉnh miền Hậu Giang khởi đầu từ 1954 và liên tục vươn lên đến một độ cao từ 1964 đến nay. Được giải Văn-chương toàn-quốc 1966 với quyển *Chí sĩ Nguyễn-Quang-Diêu*.

Đã viết cho các báo *Bách Khoa*, *Văn Hóa Nguyệt san*, *Văn Đàn*, *Phổ Thông*, *Sử Địa*, *Phương Đông*... Đã xuất bản được nhiều sách, như : *Việt Nam Tam giáo sử đại cương*, *Nửa tháng trong miền Thất Sơn*, *Tiếng quyên*, *Cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa*, *Bản ngã người Việt*, *Việt sử kinh nghiệm*, *Thuật viết văn*, *Nhận thức Phật Giáo Hòa Hảo*, *Tu rèn tâm trí*, *Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh*, *5 cuộc đối thoại về Phật Giáo Hòa Hảo*... Cuốn sách được phát hành mới đây của tác giả là cuốn *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang*.

«Chỉ có những người học thức, sanh trưởng tại miền Nam Lục tỉnh, tận tình góp công vào công cuộc xây dựng miền Nam, mới khai thác được nhiều những tiềm ẩn chưa khám phá được ở đây. Chúng ta đừng vội trách các tác giả Dương Quảng Hàm, Nghiêm Toàn không ghi được bao nhiêu sáng tạo của miền Nam, mà chúng ta hãy quay về tự trách. Một Lê Thở Xuân, một Đông Hồ, một Sơn Nam, một Thuần Phong, một Bình Nguyên Lộc một Vương Hồng Sển, một Hồ Hữu Tường, làm sao đào bới được cả một kho tàng văn hóa mênh mông đó...»

Đó là lời tuyên bố của tác giả «*Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá*

miền Hậu Giang» tại hội trường tỉnh lỵ Kiến-Phong, trong một buổi diễn thuyết của ông, ngày 16-5-1973, trước một số đông thính giả gồm các giới chức chánh quyền, các giáo sư Đại học, Trung học, các thân hào nhân sĩ và sinh viên, học sinh. Lời tuyên bố này bộc lộ một hoài bão và chính do hoài bão đó mà tác giả đã tích cực trong nhiều công tác khai thác văn hóa miền Nam từ bấy lâu nay.

BÁCH KHOA *Ngoài hoài bão khai thác kho tàng văn hóa miền Nam, còn động lực gì đã thúc đẩy Anh trường kì theo đuổi để hoàn tất quyển Thoại Ngọc Hầu? Phải chăng Anh cùng một họ Nguyễn với Nguyễn Văn Thoại là con cháu của Người, nên mới dốc tâm làm như vậy, theo như nghi vấn của một thính giả đã nêu ra đề hỏi Anh trong một buổi diễn thuyết của Anh tại Long Xuyên năm ngoái?*

NGUYỄN VĂN HẦU Tôi không hề là miêu-duệ gần xa gì của Thoại Ngọc-Hầu Nguyễn-Văn-Thoại. Câu thành ngữ «Lê trào Nguyễn chúa» đã tràn lan đều khắp tại miền Nam này hình như đề nói lên rằng ở đây có rất nhiều họ Lê và họ Nguyễn, vậy chuyện trùng họ chỉ là việc tự nhiên.

Theo như Anh đã đọc thấy trong lời Tựa sách, tính từ năm 1952 là năm tôi bắt đầu sưu tập tài liệu, cho đến hôm nay, khi sách được in xong, là trên 20 năm. Trong thời gian đó, tôi đã không ngại nhọc nhằn, cũng không nề nguy hiểm, đề lục lợi các tài liệu sống, chết, mà viết thành sách này, tất nhiên phải có một động lực thúc đẩy. Động lực đó là lòng thiết tha nghĩ đến văn hóa Việt-nam còn một lũng trống khá to — Sự khiếm khuyết của văn hóa miền Lục-tỉnh —

cộng với sự ham học và muốn hiểu của riêng tôi.

Trên căn bản suy tư đó, tôi cảm thấy thích thú vô cùng khi bắt gặp một tài liệu hi hữu, cảm thấy vui mừng khó tả khi học được những điều hay lạ. Đâm lao rồi phải theo lao, tôi không ngờ mà phải đeo mãi công trình này đến một thời gian dài dằng dặc như vậy!

— Anh vừa nói đến các tài liệu sống, chết, các nguy hiểm nhọc nhằn; vậy xin anh cho độc giả Bách Khoa biết sơ lược các điều ấy trong công cuộc sưu khảo lâu dài của anh.

— Có hai nguồn tài liệu mà tôi phải tích cực sưu tầm: Nguồn tài liệu thứ nhất là các sách sử cũ, các mảnh tài liệu lẳng lẳng nằm trong các thư viện trong và ngoài nước; khi cần nó, ta cứ đến các Viện Khảo-cổ Viện Bảo-tàng, Viện Văn-hóa, im lìm và âm thầm như con mọt, gặm nhấm từng chữ, từng câu, từng trang hoặc từng quyển. Nguồn tài liệu thứ hai là những mẩu chuyện truyền khẩu trong dân gian; những ngôi mộ nằm lì dưới đất, những tấm bia bề vùi trong ruộng; những bằng sắc, chiếu dụ, gia phả, thần chủ mà người ta kính cẩn tôn thờ trên trang gác hoặc trên bàn thờ. Muốn có được những thứ này, ta phải chịu khó lặn

lội khắp nơi để dò la, hỏi han sao chép, chụp ảnh. Nguồn tài liệu thứ nhất là tài liệu chết vì nó như nằm tro xương được tàng trữ trong một cỗ tháp lâu bền, như một thứ cồ-tích được liệt hạng, kê khai tỏ rõ ; còn nguồn tài liệu thứ hai là tài liệu sống, bởi phải nhờ nhiều người biết chuyện cung cấp cho ta, phải lặn lội sưu tầm dò hỏi, mới có thể bắt gặp nó và với một thời gian hữu hạn nào đó, nó dễ dàng bị tiêu mòn, mai một.

Công việc của tôi, trước hết là thu thập các sử-kIỆN trong các chính sử, rồi kê đó, tìm đọc rộng rãi những sử-thư liên-hệ. Một điều gây khó cho tôi là cuộc hành trình vào con đường sử, có những bộ sách cần thiết nhưng lại thiếu vắng trong các thư viện Sài-gòn. Trong trường hợp đó tôi phải nhờ sự giúp đỡ của các thư viện ngoại Huế hoặc bên Pháp. Các Ông Maurice Durand (lúc sinh tiền) Bửu Kế, Bùi Quang Tung, Lê Ngọc Trụ, đều mất nhiều công đáng kể với tôi trong công tác sưu tầm sử liệu tại các thư viện.

Khi đã có được một mớ tài liệu chính xác thu thập được từ các thư viện, tôi hướng về các địa phương. Không một tỉnh, một xã nào, khi nghe biết còn có tài liệu liên hệ đến Thoại Ngọc Hầu mà tôi không tìm tới. Tôi không hề sợ nhọc và có khi cũng quên cả hiểm nguy. Không sợ nhọc vì kỳ hè nào tôi cũng vào ngồi lì tại thư viện của Viện Khảo-Cổ nhiều ngày. Không sợ hiểm nguy vì tôi

thường xông xáo vào lăm chỗ kém an ninh để đọc bìa, tìm sách. Sự say mê học hiểu đã lắm lúc làm tôi quên cực khổ và quên lo sợ.

— *Như vậy thì đối với các tài liệu sống, chắc Anh phải nhờ đến nhiều người, thứ nhất là dân chúng miền Hậu Giang ?*

— Đúng như vậy, tôi làm sao mà kê hết được cái ân nghĩa của những người tốt bụng đã giúp tôi hoàn thành tác phẩm. Người ta đã dẫn đường cho tôi đi vào những thôn ấp quanh hâu, người ta đã mách bảo cho tôi những nơi còn mang vết chân khai phá ; người ta đã ủng hộ mọi tiện nghi xê dịch, ăn ở, để tôi yên trí làm việc. Thí dụ như không có Cụ Đồ già Bùi-Nhứt-Uởng ở Kiến-Phong mách bảo và dẫn đường, thì tôi làm sao tìm lại được bài bia Vinh-Tế-Sơn ! Nếu như thiếu sự thông cảm và lòng quảng đại của cụ Nguyễn-Khắc-Cường ở Châu-Đốc thì tôi làm sao sao chép, chụp ảnh được một số di tích còn lại của Thoại-Ngọc-Hầu ! Nếu không có sự sốt sắng hào sảng của cụ Châu-Vinh-Kiệt ở xã Quới-Thiên, tỉnh Vĩnh-Long thì tôi làm sao tìm thêm được nhiều chi tiết lạ ! Biết bao là cái « nếu » nói về mặt nhân dân. Còn về chánh quyền các địa phương cũng vậy. Riêng tại Châu Đốc, qua ba vị Tỉnh Trưởng luân lưu đảo nhiệm kể từ Đại-tá Lý-Bá-Phàm, Trung-tá Nguyễn-Thời-Rê rồi đến Đại-tá Nguyễn-Đặng-Phương, các vị này đều đã tận tình giúp tất cả phương tiện cần thiết để tôi đào

được các bia, chụp được các thần sắc, xê dịch đến các chỗ liên hệ để quan sát, khám phá các cớ tích suýt mai một. Đại-tá Dương-Hiếu-Nghĩa, Tỉnh trưởng Vinh-Long, cũng vậy, ông đã bảo vệ an ninh cho tôi sang được Cù lao Dài hầu khảo cứu tình trạng hai khu lăng mộ tại đây hồi cuối năm 1970. Những điều tôi vừa nói, chỉ là vài ba trường hợp điển hình thôi. Những ân nhân văn hóa đó, đến nay có nhiều kẻ đã chết; nhắc đến họ, tôi thực bùi ngùi

— Trong sách có nhiều hình ảnh thần sắc. Theo tục lệ và tín ngưỡng của dân chúng miền Nam thì việc mở sắc ra xem là điều tối hệ trọng. Vậy Anh đã làm cách nào mà có được các hình ảnh như vậy? Trong sách có đến năm tờ sắc, dụ!

— Sở dĩ được vậy là tôi nhờ ở cảm tình. Không thể đem một thực lực quyền hành, hoặc một thế lực tiền bạc nào xen vào được trong phạm vi tín ngưỡng địa phương. Phép vua thua lệ làng. Mỗi lần xin mở sắc là mỗi lần phải chịu nhọc nhằn. Tôi dẫn thí dụ về một trong những thần sắc mà tôi đã phải theo đuổi nhiều năm. Đó là tờ sắc vua Khải-Định phong thần cho Thoại-Ngọc-Hầu, đền thờ tại đình Vinh-Tế, quận Châu-Phú.

Từ tháng 11 năm 1952, tôi đã có ý muốn xin xem thần sắc này. Nó được đề trong hòm sắc sơn son thếp vàng, chung quanh chạm trổ hình rồng thật khéo, trên phủ một lớp nhiễu đỏ. Nhưng giới hữu trách

hồi đó tỏ ý e dè, sợ trách nhiệm, không ai dám mở ra. Họ bảo rằng từ xưa nay sắc được đóng kín trong hòm, chưa hề được mở ra một lần nào. Nếu cần phơi phóng để tránh ẩm ướt, thì vài cụ Chánh bái, Đại bái, lễ phục chỉnh tề, phò hòm sắc ra hong nắng trong khi đó các cụ đều có trách nhiệm canh giữ cẩn mật, không cho bất cứ ai đến xem bên ngoài hòm sắc!

Theo lời của Đại-lão Hòa thượng Nguyễn-Thế-Mật, trụ trì chùa Tây-An bên cạnh sơn lăng Thoại-Ngọc-Hầu, thì nghe truyền rằng bên trong hòm sắc chỉ là ba bản sao ba đạo sắc dụ của vua Minh-Mạng mà tôi đã có chụp ảnh được. Bản sao này có chữ duyệt phê của vua Bảo-Đại. Sở dĩ có bản sao như vậy, cũng theo lời truyền miệng mà Hòa-thượng đã nghe được, là vì làng Vinh-Tế có đền thờ Thoại-Ngọc-Hầu mà không có sắc phong trong khi làng Châu-Phú có sắc phong do miếu-duệ Thoại-Ngọc-Hầu cất làm gla-bào mà không có đền thờ. Khiến cho nên mỗi khi cúng thần, thì làng Vinh-Tế phải đi thỉnh nhờ sắc thần của một làng lân cận, quả là lời thôi bất tiện.

Để tránh thổ ngộ, tôi đã không nệ mất công, vào ngày 15-10-1970, một lần nữa trở lại triệu tập Ban Tế-Tự và chánh quyền địa phương đến đình thần để xin phép được đọc và được sao chép những gì trong hòm sắc. Ban Tế-Tự và chính quyền sở-tại hội họp khá đông đủ, rất tán thành công việc của tôi làm và hoan

hỉ ứng theo lời xin của tôi. Nhưng để tránh trách nhiệm nặng nề của họ trước nhân dân (vì đa số dân chúng tin rằng mỗi lần mở sắc là mỗi lần quan hệ cho làng, có thể sẽ đưa đến sự an nguy cho dân chúng cả làng), nên họ yêu cầu tôi cho được xin xâm đã. Và lá lay thay, theo lời của người bàn xâm, thì xâm đã không cho. Tôi đành về không lần thứ hai.

Tuy nhiên, đề tỏ ra không bỏ bụng tôi, Ban Tế Tự đã an ủi tôi rằng họ sẽ cầu cơ giáng bút đề thành tâm thỉnh nguyện cho tôi được xem sắc. Tôi lại chờ.

Nhưng sau đó, đàn cơ đã cầu được thần về, thần mách rằng: «Sắc ấy là của một bậc hậu tiến cấp cho, nên không thừa nhận». Và tôi được phúc đáp rằng hãy chờ xem. Việc «cầu cơ và chờ xem» đã đưa đến lâu lắc lòng vòng trôi theo thời gian giải đãi đi qua.

Mãi đến giữa năm 1972, tôi vẫn chưa rõ được thực hư bên trong hòm sắc. Tôi thấy việc xin mở sắc quá khó, kéo lê thê hằng chục năm trường, nên có lúc thoáng có ý nghĩ tạm tin theo lời Hòa-thượng Thế Mật đề bỏ qua đi cho đỡ thắc mắc trong lòng. Nhưng mỗi lần cái tâm địa lười biếng thoáng nghĩ như vậy, thì đầu óc ham học ham hiểu chính xác lại xua đuổi đi ngay. Cho nên tôi lại phải dốc hết cố gắng làm mọi cách còn hi vọng có thể làm đề cho việc khảo sát đi đến kết quả thiết thực.

Và lần này là một yêu cầu thứ tư.

Trung Tá Hùng, Quận trưởng Châu Phú, Ông Đoàn Minh Triết, Phó quận hành chánh sở tại và Ông Phạm Minh Quang, một đại diện Giáo hội PGHH địa phương cũng như thật đông đủ các giới chức hữu trách thuộc Ban Tế-Tự lăng miếu đình thần đã được triệu thỉnh đến đình Vinh-Tế. Tôi đã làm một cuộc thuyết trình và trình bày đầy đủ những gì đã sưu tầm được về cuộc khai hoang đề yêu cầu được xem hòm sắc tại đây.

Nhờ có sự hiện diện đông đủ, nhờ các tài liệu của tôi trình bày sống thực, vấn đề trách nhiệm cá nhân không còn nữa, vấn đề bảo tồn cổ tích và hiền dương tiền nhân cũng nổi bật, cho nên toàn thể đồng thanh chấp nhận thiết lễ cầu nguyện mở sắc.

Ba hồi chiêng cồng trời lên, hương đăng, lễ phục chỉnh tề, tất cả đồng đánh lễ Thành hoàng bốn cảnh, rồi hòm sắc mới được phò ra, trải qua năm lớp bao bọc: nhiều đỏ, hòm sắc thếp vàng, ống đựng sắc, lụa gói sắc, giấy bọc sắc; rồi mới tới sắc.

Hôm ấy là ngày 29-9-1972 lúc 11 giờ sáng, tôi đã được phép đọc, chép và chụp ảnh thần sắc. Thì ra đó là sắc phong của vua Khải Định chứ không phải bản sao!

Tất cả những người hiện diện hôm đó đều hân hoan vì nhờ dịp này mà họ đã hân hạnh mục kích được một «bảo vật thiêng liêng».

Tờ sắc vàng tươi, làm bằng một thứ giấy hơi dày, hơi cứng, bởi rất

thẳng và có vẻ rắn chắc, bền bỉ. Trên nền vàng có bông hoa màu trắng bạc, chung quanh chạy hồi văn đen, ấn vua còn đồ chói, chữ mực viết tay, nét Hán tự ngời ngời; ngang 5 tấc, dài trên thước rưỡi. Sắc ban xuống ngày 25 tháng 7 năm Khải Định thứ 9. Theo đó thì nhân lễ tứ tuần khánh thọ, vua Khải Định phong cho Thoại Ngọc Hầu chức «Đoan Túc Dực Bảo, Trung Hưng Tôn Thần». Người viết sắc đã viết sót một chữ. Thần sắc này tôi đã cho in bản chụp ảnh vào sách và có phiên âm, dịch nghĩa đầy đủ.

Chỉ cách ngăn trong gang tấc mà đã sai lạc đến muôn vàn nếu ta chỉ căn cứ theo lời đồn! Cho hay nếu muốn tìm ra đến mức khảo học cho tinh, thật là phải phí nhiều thời gian và công tác.

— Theo nhan sách thì đây không phải chỉ là một quyền tiêu sử của một công thần, mà còn là một quyền viết về công cuộc khai hoang vĩ đại nơi miền Hậu Giang nữa, vậy anh cho biết một vài nét đặc biệt về công cuộc khai hoang ấy.

— Công cuộc khai hoang thời Thoại Ngọc Hầu thật là trọng đại. Đặc biệt nhất là việc đào kinh. Con kinh Đông Xuyên Kiên Giang mà sau khi đào xong được, vua lấy tên Thoại Ngọc Hầu để đặt cho sông và cho núi là con kinh đào tay đầu tiên ở miền Nam. Đó là một đặc điểm. Con kinh sau đó cũng do Thoại Ngọc Hầu đào là kinh Châu Đốc — Hà Tiên mà sau này được vua lấy tên của vợ

Thoại Ngọc Hầu để đặt cho sông và cho núi là một công tác kì vĩ. Trước khi đào kinh, triều đình phải chuẩn bị dự luận quần chúng, chuẩn bị ngoại giao với các nước láng giềng Miên, Xiêm, và khi bắt đầu đào, công tác kéo dài hàng 5 năm trường, phải dùng đến gần một trăm ngàn nhân công và kinh dài gần tròn 100 cây số. Đó là đặc điểm thứ hai. Đặc điểm thứ ba là gót chân Thoại Ngọc Hầu in dấu tới đâu thì ông tích cực khai phá rừng hoang tới đó: di dân, lập làng, bắc cầu, đắp đê, làm đường. Hai con đường dài nhất biên giới từ Châu Đốc lên Lò Gò và Châu Đốc đi Sóc Vinh là những khai phá nổi bật của đương thời. Các làng xã còn mang dấu vết do ông khai phá và thiết lập nhan nhản đây nơi tại Cù Lao Dài, tại quận Huệ Đức, tại các quận Châu Phú, An Phú, cho tới ngày nay. Đặc điểm thứ tư là tài kiến trúc của ông. Các khu lăng mộ tại Châu Đốc, Vĩnh Long, cũng như các từ miếu, tượng cốt ở Long Xuyên, Châu Phú, Quới Thiện hiện còn, đã chứng minh xác đáng. Cái cao đình còn ở trước nhà Thế miếu tại Đại-nội Huế có chạm hình kinh Vĩnh Tế và nhiều đền thờ Ông còn hỉnh hương tại miền Nam, đã như thường nhật tuyên dương sự nghiệp đặc biệt ấy của ông.

— Quyền Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang, sau khi phát hành đợt đầu, chắc anh đã lấy được vốn rồi chứ? Anh ở xa thủ đô, làm cách nào cho trôi chảy công việc ăn loát và phát hành trên đây mà vẫn thấy sách Anh ra đều đều?

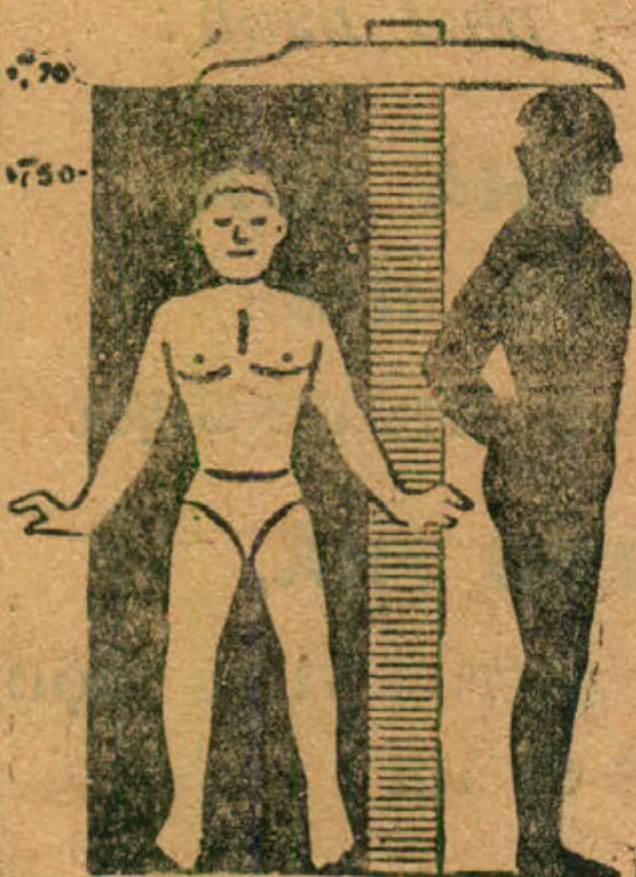
— Các quyền phát hành gần đây như *Nửa tháng trong miền Thất Sơn, Thuật viết văn, Thất Sơn màu nhiệm, 5 cuộc đối thoại về Phật Giáo Hòa Hảo*, quyền nào cũng lấy ngay được tiền vốn qua đợt đầu và có quyền còn có dư nữa. Nhưng đến quyền này thì vì công việc ấn loát khá bề bộn, nhiều hình ảnh và chữ Hán, chi phí các việc lên đến trên triệu bạc, cho nên việc theo đuổi coi sóc

khá bận rộn. Do vậy mà tôi đã giao tất cho nhà Nam Cường lo. Còn việc trông nom về kỹ thuật ấn loát, chúng tôi đã phải nhờ đến sự giúp đỡ tận tình của Anh Trần Phong Giao. Hiện tôi đang tái bản quyền *Chi sĩ Nguyễn-Quang-Điều* và đang tích cực đề đi đến hoàn tất bản thảo cuốn *Văn Học miền Nam Kỳ Lục Tỉnh*.

BÁCH KHOA ghi lại

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



• CON NÍT MAU
• BIẾT ĐI
• CỨNG XƯƠNG
• MẠNH KHỎE
• NGƯỜI LỚN
• CỨNG RĂNG
• ÍT ĐAU RĂNG
• YẾU PHỔI
• MỆT MỎI

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

- Dù bạn đang giảng dạy hay đang học hỏi về Văn chương Việt Nam hiện đại ;
- Dù bạn tìm hiểu Văn học Nghệ thuật hay về con người, về xã hội, về cuộc sống Việt Nam hiện tại ;
- Dù bạn làm gì, quan tâm đến vấn đề gì, miễn bạn sống ở Việt Nam vào lúc này, bạn đều thấy nó là cần thiết và thích thú. « Nó », tức là cuốn :

**CHÚNG TA,
QUA CÁCH VIẾT**
của **VÕ PHIẾN**

do **GIAO ĐIỂM** xuất bản
LÁ BỐI Tổng phát hành

Cadao mới phát hành :

ĐÂU MÁI NHÀ XƯA

của HERMANN HESSE

NGƯỜI VIỄN THƯƠNG *dịch.*

TÔ ĐÔNG PHA,

Những phương trời viễn mộng

PUỆ SĨ *viết*

Đây là tác phẩm đầu tiên trong *Tủ sách Nhà thơ và Tiếng thơ* ra đời giữa lúc TVA, không hiểu *Tiếng thơ* có được bạn đọc đoái tưởng chăng.

Lá thư nước ngoài

● MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Paris 16-6-73

Anh Ch.

Hôm nay viết thư đề khoe với anh cái máy chữ mới, ngày nào mang về xứ sẽ đưa đến tòa soạn khoe thêm một lần nữa cho anh mê luôn. Từ mấy tháng nay toàn phải viết tay khổ ghê. Vừa khổ thầy cò, khổ thợ sắp chữ, mà khổ cho cả cái thân «tui». Không có bản đề lại, lắm khi chẳng biết mình đã viết những gì. Kỳ này thú quá, tôi vác về một cái máy chữ nhỏ đề mang đi tới đi lui. Và tương lai còn có một cái máy điện lớn đề nằm nhà. Báo trước là sẽ không cho mượn, vì máy chữ cũng như bút máy, như đàn, như vợ. Chẳng bao giờ nên hỏi mượn, cũng như đưa đi cho mượn, trừ phi mình không thêm thương nó nữa.

Xong vấn đề khoe khoang, bây giờ xin nói chuyện đứng đắn, đề rồi có kể lại phê bình là viết lãng nhãng.

Kề gì bây giờ? Hôm qua đi họp báo. Đáng lẽ là không đi vì tưởng rằng các ông không họp. Sự thật thì vừa ở Đức về đang định lười, nằm đọc các thứ sách báo nhận được trong mấy hôm vắng nhà, trong ấy có cả Bách Khoa và một vài bức thư của các bạn. Nhưng cái số vất vả nên có điện-thoại gọi, bắt đi họp. Thế là, anh biết không, vừa đặt cái soong cơm bé xiu lên bếp, nước vừa sôi, thì phải tắt lò đề mặc áo chạy xuống đường. Thật đáng ghét, muốn lười một hôm cũng không yên.

Từ nhà tôi đến phòng họp Kléber phải đi hai lần métro, sợ muộn nên phải chạy như bay. Thế mà đến nơi chỉ đọc nghe lại những gì mình đã nghe mãi từ mấy năm nay rồi.

Tôi đang viết thư về cho mấy cô ký ở nhà, xem có cô nào muốn sang làm cái nghề của tôi thì tôi sẽ xin

hoan nghênh triệt đề. Tôi sẽ tổ chức một buổi tiệc trà mời tất cả các bạn bè nhà ký- giả ngoại quốc, cả một vài ông lớn, coi về báo chí của xứ Pháp đề giới thiệu. Có như vậy thì người sau mới dễ làm việc. Anh liếc quanh xem có ai không thì giới thiệu. Nhưng có một điều là sống ở đây thì phải biết tự túc, nếu báo nhà không thể nào đài thọ đủ thì phải đi kiếm báo ngoại quốc mà làm thêm. Điềm này tôi thấy chẳng có gì đáng xấu hổ, tuy cũng là một thứ «bán mình chuộc cha» nhưng trót sinh làm dân một nước nghèo thì phải chịu chứ biết sao. Ngay đến những xứ giàu hơn xứ ta gặp mấy lần lại không bị chiến tranh, mà có mấy ông ký cũng chạy đi bán mình bên Đông bên Tây như điên thì sao. Đàn ông lại còn tốn hơn đàn bà, phải làm việc gặt hơn đề cho đủ tiền mua thuốc lá thơm mời người đẹp.

Anh biết tôi đi sang Đức làm gì không? Điều thứ nhất là vì một cái máy chữ, thứ hai nữa là ngày

lẽ Gláng Lâm mọi người đều đi, nên tôi cũng bắt chước đi luôn. Cái điểm hấp dẫn nhất là đi chẳng mất tiền. Vì năm ngoái và cả năm nay, đi làm về còn dư vé máy bay. Không phải là thứ có thể đổi thành tiền gạo mà chỉ đổi được thành một cái vé khác. Nếu để quá hạn là mất toi. Như vậy mới đi chơi được, chứ chẳng phải tự nhiên điên gì vác tiền đi mua vé máy bay để đi chơi đâu.

Nói cho rõ, sợ có người ganh và có người rầy.

Ngoài cái mục đích sang xem cái máy chữ xong chưa mà ôm về, lại còn một điểm quan trọng nữa là độ này đang vào mùa hòa nhạc. Tính lại trong hơn một tháng nay tôi đi nghe đến bảy buổi hòa nhạc. Đặc biệt nhất là tối hôm kia đi nghe cái Messie của Händel ở nhà thờ Notre-Dame. Buổi hòa nhạc kéo dài ba tiếng đồng hồ luôn, nhạc trưởng là một Linh mục. Ông có thói quen vung những nhịp tay mạnh bạo nên sau khi kết thúc ông gần muốn xỉu. Ngồi nghe thôi mà có người than mệt, huống hồ là ông nhạc trưởng điều khiển, đứng suốt ba tiếng đồng hồ.

Tiếc rằng xứ mình chưa đi được tới cái trình độ có thường xuyên những buổi hòa nhạc cho người dân có thể đi nghe mỗi ngày, mỗi tuần, hay mỗi tháng.

Bên này có những người mua vé bao quanh năm. Lúc nào có hòa nhạc mà họ xem chương trình hợp ý là họ đến, nếu không thì họ điện thoại

cho chủ rạp, và lúc ấy mới có thừa chỗ cho người khác.

Những người mua vé bao đó không phải là nhà giàu cả đâu, toàn là những người mê nhạc. Mong rằng xong chiến tranh rồi thì Việt-Nam cũng sẽ có một nơi dành cho các ban hòa tấu ngoại quốc và trong nước trình diễn thường xuyên như thế.

Tôi vẫn nghe những nhà ngoại giao hoặc những ký giả ngoại quốc phàn nàn cái điểm thiếu thốn ấy. Họ bảo rằng xứ Việt-Nam rất đẹp, cái gì cũng đáng say mê, chỉ trừ cái điểm thiếu những buổi hòa nhạc mà thôi. Vì vậy, thỉnh thoảng ông nào có dịp trở về xứ họ, việc thứ nhất là đi tìm nhạc để nghe.

Anh đừng nghĩ rằng tôi hay tính chuyện xa vời không thiết thực. Hiện giờ người Việt-Nam có tài về âm nhạc không thiếu, cả trong nước và ngoài nước, chỉ tại chưa đủ điều kiện. Nhắc điểm này cho máy ông kinh-tế nhớ, để khi họ có thảo chương-trình lôi cuốn du khách, họ đừng bỏ quên cái sân-khấu và một thính-đường thật tốt, như vậy mới mong tăng thêm du khách.

Kể chuyện gì nữa cho anh nghe. Hôm nọ tôi đi vào «La Bourse» để nhìn thiên hạ mua bán. Mấy năm trước, người ta cấm không cho đàn bà vào đấy, sợ phá rối, sợ ngất xỉu, làm phiền các đảng nam nhi. Mới vài năm nay thì người ta cho đàn bà vào, nhưng cô nào váy ngắn quá, trang điểm dữ dội quá người ta cũng sợ.

Phải vào đấy mới thấy rõ ràng câu:

“Đồng tiền liền khúc ruột», của xứ Việt. Chỉ trong vòng hai tiếng đồng hồ mà người ta mua bán với nhau cả triệu triệu.

Tôi cố ý đứng suốt từ đầu đề quan sát, thấy các ông cau mặt, nhíu mày, giống hệt người đánh bạc ở xứ mình. Họ la, hét, gào lên còn hơn ngoài chợ cá một trăm lần... Ông này kêu ! “Tôi có... Tôi có” (tên một cỡ phần gi đó) Và giọng ông khác trả lời cũng gào lên: “Tôi mua, tôi mua...” Cứ chừng ấy mà đủ thứ âm điệu.

Mặt ai cũng lo ngược lên mấy cái bản ghi sổ tiền tăng giảm của từng món hàng. Một tin tức gì mới cũng có thể làm cho hàng sụt giá. Chẳng hạn các báo mới loan tin Tổng Thống Pompidou se mình, bãi bỏ mọi cuộc tiếp tân. Thế là trưa hôm ấy một số hàng hoá Pháp xuống giá ở trong Bourse.

Có người giàu lên một cách mau chóng, cũng như có nhiều người vốn liếng gần sạch. Ngày nay đỡ hơn, vì người ta có biện pháp để chặn bớt những món hàng nào đang vùn vụt tăng giá một cách vô lý.

Anh có nghĩ rằng tôi tò mò không? Tại trời sinh ra thế, mấy năm trước tôi cứ đòi giả làm đàn ông để vào đây; may quá, khỏi phải mất thì giờ.

Một nơi nữa tôi muốn đi đến mà người ta còn cấm đàn bà là đất Thánh của Hồi-giáo. Tôi chưa tìm ra cách nào nhưng báo trước với anh là tương lai sẽ có lần tôi đến đấy. Bằng phương tiện gì chưa biết, nhưng chắc

tôi sẽ làm được như ý muốn.

Năm ngoái tôi có dịp đi đến viếng mấy trại định cư ở Gaza, vùng Do-thái chiếm, ở với họ mấy ngày và mỗi ngày phải nghe kinh bốn lần. Họ có giọng đọc kinh rất thê thảm, năm giờ sáng là họ bắt đầu lên giọng kinh lần thứ nhất trong ngày.

Bây giờ xa, mỗi khi tôi bắt được giọng cầu kinh trong mấy đài Ả-rập, tôi thấy nhớ họ ghê, tuy độ ấy không chịu nổi phải trốn đi. Mấy hôm thôi, sau thì quen, và cũng thích nghe như ai.

Paris bắt đầu nóng, người ta bảo nóng sớm thì rồi sẽ lạnh sớm. Có người đổ thừa khí tiết trời đất thay đổi là tại loài người bay lên mặt trăng mà phá quấy cho đã, rồi lại chui xuống lòng đất mà moi móc. Những cuộc thử bom trong lòng đất chẳng hạn.

Mấy hôm nay báo chí nói nhiều đến cái dự định thử bom nguyên tử của Pháp. Trái bom sắp thử nay mai này chỉ là một thứ bom mà Hoa-kỳ đã làm cách đây hai chục năm, và các nước khác như Anh quốc đã mua từ lâu của Hoa-kỳ, khỏi phải làm. Nhưng Pháp không chịu bỏ cuộc mặc dầu đã bị đưa ra thưa trước tòa án quốc tế La Haye. Hôm nọ trong một bữa cơm của Hội ký giả tổ chức mời một ông Tổng-trưởng, các anh em cũng cố tình moi ra, nhưng ông chẳng chịu trả lời chỉ bảo rằng: “Đừng lo, không có gì nguy hiểm. Các nhà thông thái khoa học đã tính toán kỹ rồi”.

Bên phía Úc và Tân-tân-lan trả lời : "Không nguy hiểm sao các ông không mang ra đảo Corse mà thử!"

Vấn minh thật là lắm trò. Tôi vẫn thích chiến tranh theo lối của tổ tiên ta ngày xưa hơn, đi đánh nhau còn có nghĩa lý.

Ngày nay cứ giết và khủng bố tinh thần thật dữ là ăn tiền. Kỳ chủ nhật vừa rồi tôi đi xem mấy nơi đổ bộ của quân Anh Mỹ ở Normandie hồi Đệ nhị thế chiến. Những cái bloc-khaus mà ta vẫn gọi là lô-cốt, có nhiều cái vẫn còn sừng sững; nó vững chắc quá không ai muốn phá vỡ. Nghe một cựu quân nhân Hoa-kỳ có dự trong thời đổ bộ ấy kể lại rằng, trong một ngày lính Hoa-kỳ chết đến 4.000 người.

Một nhà chuyên môn khảo cứu về lịch sử còn bảo, cách mấy trăm năm trước có những trận chiến tranh mà cũng chỉ trong một ngày chết đến 80.000 người. Lúc ấy chưa có bom súng như thời bây giờ mà sao người ta cũng giết được lắm thế nhỉ.

Sau đó, tôi đi viếng cái nghĩa-trang Hoa-kỳ. Rộng mênh mông và cổ nhiên là do chính phủ Hoa-kỳ chịu phí tổn về sự trông nom chăm sóc. Có lẽ vì họ chịu tổn tiền nên cái nghĩa-trang đã trở thành một vườn cảnh cho người dân trong vùng đến dạo mát. Hương ra bề hăng mấy cây số, cả xứ Pháp không có nơi nào sạch sẽ bằng.

Viết đến đây thấy bên ngoài trời đẹp quá, chắc phải hạ sơn đi lang thang chơi một lúc. Hoặc là đi nhìn sách trên

bờ sông Seine, hoặc ra cà-phê ngồi nhìn thiên hạ lảng quăng đi tới đi lui. Nhưng trước hết là phải gọi điện thoại hỏi thăm xem hôm nay mấy ông có họp không đã. May quá không họp, như thế tức là tôi có thể ngừng thư đề đi chơi. Kề cũng buồn. Ở đây chẳng biết đi đâu ngoài sự lang thang không mục đích. Giá được ở quê nhà thì đã bỏ đến Tòa-soạn Bách Khoa hoặc Thời Nay, hoặc một Tòa-soạn nào khác để nói dóc, vui biết mấy.

Đang sửa soạn định xuống đường (vì nhà ở tuốt trên tầng thứ sáu) thì có người điện-thoại đến khoe rằng ở bên nhà mới sang. Được nghe kể chuyện bên nhà cũng vui, và chỉ làm nhớ nhung thêm.

Một tin mừng nói cho anh nghe. Bảo rằng tin mừng thì hơi quá đáng nhưng cũng đáng mừng là người Việt ở đây bắt đầu biết cho con học tiếng Việt. Có người đã nhờ bạn bè ở quê nhà gửi cho một số sách đánh vần của tiếng Việt. Vì trẻ con đầu ngày bé có nói được tiếng Việt thì đến lúc đi học cũng quen dần, nếu cha mẹ không cố gắng nói tiếng Việt với con.

Nói đến tiếng Việt thì phải nói đến sách báo, chúng tôi ở đây kêu gào mãi mà chẳng có ai nghĩ đến mở một hiệu sách để bán các thứ sách báo ở quê nhà.

Ngày tôi về xứ có hỏi một vài người. Họ trả lời rằng chẳng ai muốn bận rộn thêm cho nó mất thì giờ. Đây là những ông chủ hiệu sách, còn

người thường thì không biết đường lối, không trách làm gì. Hiệu ăn mở rất nhiều mỗi ngày. Nói mỗi thì quá đáng nhưng có lẽ là mỗi tháng mọc thêm một hiệu ăn Việt, thế mà hiệu sách, cung cấp món ăn tinh thần, thì không có.

Tôi không tin rằng chính phủ không nghĩ đến. Hay là có những sự phá rối gì ở bên trong chăng? Thí dụ như tờ báo Bách-Khoa của anh, nếu gửi sang đây chắc sẽ được ủng hộ nhiều, vì bên trong ít có bài dịch. Bên này ai cũng kỵ bài dịch, vì họ có đủ hoàn cảnh để đọc tất cả tài liệu ngoại quốc. Nếu ra một ý kiến vậy thôi chứ chắc chẳng đi đến đâu. Nhưng khi nào anh có hoàn cảnh đặt vấn đề, xin thử đặt với bất cứ ai có thẩm quyền. Nếu năm nay không làm được thì năm sau hoặc năm sau nữa.

Thứ sáu này tôi được mời đi sang Barcelone, đi và về trong ngày, với một số ký giả để xem sự hoạt động của một nhà đại tư-bản nước Pháp,

Máy bay riêng sẽ đón chúng tôi ở Bourget, rồi đưa xuống Nice, xong qua Barcelone ăn cơm trưa, chất vấn sự làm giàu của ông tư bản. Cố nhiên là ông ta sẽ bắt phải đi dự một vài tổ chức của ông, sau đó máy bay sẽ đưa về lại Paris khoảng 7 giờ tối.

Nghe có hấp dẫn không, tuy hơi mệt vì sẽ phải đi bằng máy bay nhỏ. Nếu có gì vui tôi sẽ kể anh nghe trong thư sau.

Năm ngoái có một lần tôi đi dọn dẹp trên nguồn của con sông Danube vui lắm. Con sông dài 2850 cây số mà khi lên tận nguồn thì nó chỉ là một cái khe nhỏ xiu, nước từ trong núi róc rách chảy ra.

Du khách nào thật tò mò mới tìm đến, phần đông là người ngoại quốc, chứ người Á-đông, và nhất là người Việt ta, thì không thích mất thì giờ.

Tôi thấy rêu rong hơi nhiều mới cho cánh tay vào moi móc ra, các bạn hỏi: Làm gì vậy? Tôi bảo là tôi dọn dẹp cho cái sông Danube. Họ dọa, nếu vì tôi mà nước sông tràn thì họ sẽ đi thưa. May quá nước sông đâu có tràn. Chắc là con sông hài lòng lắm, chứ bần thiêu quá ai mà chịu nổi. Cố nhiên là tôi nhặt được một mẫu đá trong nguồn mang về nhà. Mỗi lần nhìn mẫu đá lại nhớ đến chuyện trên đây.

Thôi, phải ngừng, hẹn anh thư sau. Còn nhiều việc làm mà chỉ muốn đi chơi. Nhưng sẽ đi bỏ thư nếu không lười. Cái nạn ở nhà tuốt trên cao là thế. Không có thang máy, anh nhớ cho, và đây là một điểm rất quý. Vì nó lọc bạn bè, nó làm cho con người bớt mỡ, vì sự đi lên đi xuống mỗi ngày, và cố nhiên là giá rẻ. Mỗi tháng trả tiền quét dọn thuê má cũng rẻ hơn người sống ở tầng dưới

Thăm anh và cả tòa soạn

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

thơ vũ hoàng chương

BA KIẾP LANG THANG

Chúng ta đánh mất cả rồi sao ?
Mất cả âm thanh một thuở nào...
Da trắng, tơ đàn, ôi trúc phách !
Đều khô như tiếng hát gãy hao.

Đàn mang tên Đáy mà không đáy,
Rút hết rồi chẳng sợi nhớ thương ?
Hay phách, từ lâu rồi lạc phách,
Không còn dựng nổi bến Tâm-dương ?

Hơi ca hồng đã tan thành huyết
Đề tiếp vào cho má đỏ xanh ?...
Bạc mệnh, hơi ơi, hoàn mệnh bạc ;
Đâu còn ấm nữa rượu tàn canh !

Hay là đêm ấy Ngưu là Chức,
Xé nát da mình lau mắt ai ?
Còn được gì đâu cho mặt trắng,
Đập lên, hoang vắng đến ghê người !

Âm thanh trống rỗng, còn chi nữa ;
Gắng gương chi cho hồn Nhạc đau.
Ba kiếp lang thang ngồi chụm lại ;
Chúng ta mất hết, chỉ còn nhau !

TRẦM TU

Thơ TƯỜNG LINH

Sau cuộc biển dâu này
Ta thấy ta còn đây
Mượn hồn loài gặm nhấm
Thừa dư vị đắng cay.

Tiền thân là hạt cát
Cũng vương kiếp bèo mây
Con chim hiền trốn nắng
Tàn tạ bóng trưa ngày
Thề xưa cam xi xóa
Nát theo cùng cỏ cây
Lỡ tay ly rượu vô
Đời thay chung lệ đầy
Lê chân về khởi điểm
Tìm đâu dấu mây bay !
Em quên lời thân ái
Ta quên thuở đọa đày
Đầu giờ băng tuyết rã
Nên chăng một lần say ?
Ta chờ ai trở lại
Sau cuộc biển dâu này ?
Ta đòi ai phải trả
Cái - không - còn hôm nay ?
Gã cuồng ca mệt lả
Gục bên tiệc sum vầy
Mùa chưa xanh bóng lá
Ta ngại giờ chia tay

Còn lời chi để thốt
Sau cuộc biển dâu này !

LỬA THIÊNG

442 Thiệu Trị — Saigon 6

Điện thoại : 94.494

Sách mới phát hành :

1. KHOÁNG SẢN MIỀN NAM

của TRẦN KIM THẠCH

Tác phẩm thứ 10 của tác giả, ấn hành lần thứ hai, cống hiến bạn đọc một tài liệu về kho tàng khoáng sản vô giá của miền Nam nhất là trong giai đoạn phát triển kỹ nghệ tiến tới sự độc lập kinh tế của nước nhà.

2. ĐẠI CƯƠNG LUẬN LÝ HỌC

HÌNH THỨC *của* NGUYỄN VŨ UYÊN

Tài liệu giáo khoa dành cho sinh viên ban Triết các Đại Học Văn Khoa gồm các mục : đại cương, phân loại và phân tích 3 phần chính của luận lý học hình thức cổ điển (khái niệm, phán đoán và suy luận).

3. LỊCH SỬ ĐỊA CẦU

của TRẦN KIM THẠCH

Quyển sách phổ thông đầu tiên về địa sử học đem những khám phá mới mẻ nhất của khoa học và địa sử học trả lời những câu hỏi then chốt về Triết học. Sách in lần thứ hai và được cập nhật hóa với những thành quả không gian của năm 1972.

4. CHIẾN LƯỢC VÀ CHIẾN THUẬT ĐỆ NHẤT VÀ ĐỆ NHỊ THỂ CHIẾN

của HOÀNG NGỌC THÀNH

Quyển sách bổ túc cho Bộ Lịch Sử Chánh Trị và Bang Giao Quốc Tế Thế Giới Hiện Đại từ 1914 — 1918 đến nay của cùng một tác giả, nhằm giúp bạn đọc dễ dàng theo dõi những biến động lịch sử cùng tình hình chính trị trước và sau hai trận thế chiến.

Độc giả cần Thư mục Lửa Thiêng xin vui lòng biên thư về nhà xuất bản, chúng tôi sẽ gửi biểu miễn phí.

Tự truyện giữa mùa Hè

Qui Nhơn, tháng Sáu, 1973.

Tôi mất tự do vào đầu mùa xuân 73, kể từ ngày mười một Tết. Đến tháng tư, trước ngưỡng cửa mùa hè, tôi bị đưa ra Diêu Trì một nơi cách thành phố Qui Nhơn khoảng mười lăm cây số.

Qui Nhơn, đâu phải là nơi xa lạ. Đây là chốn cũ, trước đây tôi đã sống hơn hai năm ở thị trấn ven duyên hải miền Trung này. Thôi, âu cũng là một dịp về thăm lại một phố phường mang nhiều kỷ niệm êm đẹp ngày xưa, dầu dĩ nhiên là chẳng bao giờ sống lại những tình cảm vô tư trẻ dại như ngày xưa được nữa.

Tôi về chốn cũ. Đất đai, núi đồi, biển cả là những « cổ nhân » duy nhất còn đây mãi mãi không hề thay đổi, còn tất cả những thứ khác, tất cả những người thân quen cũ, giờ đây đã hoàn toàn biệt bóng hay nhạt nhẽo lạ lùng.

Trở lại Qui Nhơn. Sống thế nào đây, thấy gì đây, biết làm gì đây? Vài hàng trong lá thư của Trịnh Công Sơn an ủi: « ... Có điều rất an tâm là thấy Tuấn gần như có thể làm việc trong bất cứ hoàn cảnh nào và mọi nơi. Về lại Qui Nhơn coi như về lại trong câu chuyện tình nào đó của Tuấn đã viết mà thôi. Cách đến chỉ có khác một chút... »

Ông Sơn ơi, lần này « cách đến » khác những lần về trước nhiều lắm chứ. Lần trước, về bằng máy bay Air VN, xách va-ly rộn rã ra khỏi phi trường ở trung tâm thành phố, leo lên một chiếc xích-lô đạp bảo chạy vòng vòng chậm rãi khắp nơi trước khi về nhà để bồi hồi nhia ngắm những lễ đường cũ, tăng thêm thú vị cho chuyến trở về. Lần này, lạc quan mà suy nghĩ, đỡ tốn tiền hơn vì đi bằng máy bay quân sự,

Không lạc quan và cũng không bi quan, suy nghĩ một cách thành thật và sáng suốt, thì sự khác biệt giữa những lần trở về này đủ làm rúng động đau buốt tâm hồn, đủ thôi thúc dẫn vật đề có thể viết một cuốn tiểu thuyết trong tương lai, một tác phẩm phân biệt nơi đâu là quê nhà yêu thương, nơi đâu là vùng đất lưu đày khổ ải, nơi đâu là thung lũng cội nguồn của hạnh phúc, nơi đâu là hỏa diệm sơn đốt cháy thiêu hủy nhân tính và tình người...

Nhưng đó là chuyện về sau, không sớm thì muộn cũng sẽ đến.

Bây giờ, vì hoàn cảnh khó khăn tù túng đè nặng trên người tôi chỉ có thể viết ra vài chuyện nhỏ nhỏ và vụn vặt, ôn lại một vài kỷ niệm riêng tư, những ý nghĩ lộn xộn không đầu không đuôi, những điều cảm nhận vội vàng thiếu sót chưa đủ chân tay... Đó là những lời phát ra từ một trái tim quá lớn mạnh chứa đựng trong một thân thể quá yếu mệt, bị nhốt trong một thời đại quá khô cạn.

Tóm lại, *Tự Truyện Giữa Mùa Hè* bắt đầu mà chưa biết dần dần sẽ đi đến đâu, chưa biết đến đoạn cuối sẽ kết luận như thế nào. Như một chuyến đi lang bang không biết chỗ dừng chân tạm nghỉ và đích đến. Và cũng không mang theo đủ hành trang, thực phẩm, tất cả đều lượm lặt trên đường.

Biển không còn đẹp nữa

Xe chạy từ Diêu Trì vào thành phố Qui Nhơn, đường gập ghềnh đầy bụi đỏ vì ổ gà, trời nắng gắt, những ngọn núi chạy dọc hai bên đường. Ở đây, tôi thấy đủ tất cả bầu khí của một vùng đất chiến tranh. Đầy xe nhà binh vội vã, đầy những người mặc đồ lính mệt mỏi, và súng đạn nặng nề đeo lê thê trên người. Ruộng đất khô cằn, hương lúa chỉ thoang thoảng mơ hồ, cầu gãy, màu xanh của đồng ruộng không bao la chạy đến mút chân trời, chung quanh là núi núi chập chùng ngăn cản, chặn lối.

Tôi cảm thấy nao nao hồi hộp khi xe bắt đầu vào trung tâm thị xã Qui Nhơn. Mười năm nay tôi đã không nhìn thấy thị trấn này. Khoảng vào năm 63, tôi đã rời Qui Nhơn ra đi và lúc ấy chẳng bao giờ nghĩ đến có ngày mình trở lại. Vì gia đình tôi không còn ở đây nữa, miền biển này cũng chẳng phải là nơi du lịch

lý tưởng như Đà-Lạt, Nha-Trang hay Vũng-tàu. Một mối tình bỗng bột của tôi cũng đã vỡ nát trong thuở làm học trò lang thang ven biển. Nghĩa là Qui-nhơn chẳng còn một người quen thân nào chờ đợi tôi trở về. Không ai còn biết tôi, tất cả đều đã quên tôi đâu tôi vẫn còn giữ mãi trong tâm trí rất nhiều hình ảnh đẹp lẫn xấu, thơ mộng lẫn thô kịch của thành phố này. Tôi vẫn còn nhớ mãi những người bạn thân hoặc sơ, những người con gái đến gần hay thoáng vội trong đời tôi ở đây. Mấy năm nay, những ngọn cát nóng của biển Qui-Nhơn vẫn còn vương vấn lấm tẩm trong người tôi, như những vết mực đã loang trên áo trắng một lần là không bao giờ xóa sạch, từ đó những chữ được viết ra vẫn còn vằng vặc, bị níu kéo trong vùng ký ức, nháy múa những kỷ niệm xinh đẹp và buồn rầu về phố cũ (*Dấu chân người về ; Có bao nhiêu cánh bướm*

trên biển ; Canh bạc của một vài người, Tuổi trẻ Tuổi trẻ...

Mười năm qua, từ một cậu học trò lơ đãng trong lớp Đệ Tam B₃ Trường Cường Đê, tôi trở thành một người đàn ông vẫn còn đang trí ngơ ngác giữa đời, một thanh niên kéo dài sự học của mình trên những con đường trắc trở gian nan, vĩnh biệt học đường đề học... ngoài đường không thầy cô dẫn dắt. Và không có một năm học nào mang nhiều kỷ niệm vui buồn học trò bằng năm Đệ Tam trường Cường Đê, bởi vì sang năm Đệ Nhị, tôi vào Sài Gòn học và ở thủ đô này không còn tình thầy trò, tình bạn bè thú vị đẹp đẽ như các lớp học tỉnh nhỏ nữa.

Khi xe đã vào thành phố, ngôi nhà đầu tiên mà tôi mong muốn được thấy lại là trường Cường Đê. Vẫn không khác trước mấy, dĩ nhiên là được xây cất thêm vài lớp mới, cát trắng và những tàn lá nhỏ dương liễu vẫn còn vương vãi đầy trên sân trường. Đề xem, tôi còn nhớ được những gì, những thằng bạn nào đã cùng tôi đùa phá trong phòng lớp nhỏ trên lầu một : Khoa ở gần nhà thường rủ đi học, Thiều cận thị đá bóng chạy góc trái, Hùng cận thị, Xuân bán trái, Khánh gảy đàn guitar rất nghề, Dũng đen con nhà bán sách, Bửu-nhỏ cùng tôi đứng ở sạp báo mần mẽ tờ báo Văn số 1 mới ra lò với một tâm trạng « hiểu học, ưa suy nghĩ », Bửu-lớn có võ Bình Định gia truyền, Sơn cao giữ « gôn » thay tôi sau một pha tôi làm thủ môn ôm bóng bay luôn

vào trong lưới, Chanh học giỏi nhất lớp, Strong chuyên hô hào xuống đường biểu tình, Cừ chuyên rủ tôi đánh bi-da và đi chọc gái... Nữ sinh trong lớp chỉ có lèo tèo vài mạng, tôi không nhớ rõ lắm vì hồi đó tôi chọc phá con gái thì tài chứ chưa bao giờ dám nói chuyện đàng hoàng và nhìn ngay mặt một đứa con gái, tôi chỉ còn nhớ một nàng vì có cái tên đặc biệt : Mai Lâm Tuyết Hườn, mảnh khảnh, mắt ướt, cười chúm chím rất điệu, con nhà làm thầu khoán gạch bông, bây giờ nghe đâu vẫn chưa chồng (nhưng dĩ nhiên là không phải chờ tôi đâu).

Và hồi đó, tôi chơi thân với tất cả bọn trong lớp, tôi là một người bạn nhỏ được mọi người khoái. Tôi chơi với tất cả những « phe nhóm » đối nghịch nhau. Bọn học gạo có cảm tình với tôi vì tôi học không tệ lắm và thỉnh thoảng cũng đứng Nhất vài môn. Bọn « nhất quý nhì ma... » cũng kéo tôi làm đồng chí trong những vụ cúp cua đi tắm biển hay la cà ở mấy quán bi-da, quán nước. Bọn thể thao gia cho tôi ở trong đội bóng chuyền, bóng tròn ; tôi chơi tệ nhất nhưng lại hăng hái mang chanh tươi, đá lạnh theo ủng hộ gà nhà. Bọn có « tâm hồn văn nghệ » cũng nể tôi vì tôi thường « sơ mi » môn luận văn, và học thuộc lòng được vài cái tên cỡ lớn như Albert Camus, Jean Paul Sartre. v.v., năm này tôi cũng đã bắt đầu có làm thơ, có gửi bài đăng báo với nhiều bút hiệu thay đổi hàng

tháng (nhưng chẳng có báo nào thêm đăng thơ tôi cả). Tóm lại, năm theo học lớp Đề Tam trường Cường Đền là năm học vui tươi, thích thú, sống động, đáng ghi nhớ nhất trong đời học sinh của tôi.

Mười năm qua, Qui Nhơn đã thay đổi nhiều. Tôi, bạn đồng học của tôi, chúng tôi cũng đã thay đổi nhiều. 1963 — 1973, chúng tôi lớn lên, trưởng thành, vào đời trong một giai đoạn tàn bạo gay go nhất của thời chiến. Phần lớn chúng tôi đều đã đi lạc ra ngoài đường bay lý tưởng mộng mơ thời nhỏ. Mười năm qua, ngày nay còn lại mấy kẻ ngày xưa từng ngồi bên nhau miệt mài sách đèn dưới một mái trường. Một số đông đều đi lính, giờ mang cấp bậc Trung úy, Đại úy hay đã chết. Một số trở thành phế nhân. Một số trốn lính hay đào ngũ. Một số ít may mắn và xuất sắc hơn, ăn học thành tài, ngày nay có những địa vị vững vàng trong xã hội. Một vài người mất tích. Đó là một vài điều tôi được biết một cách thiếu sót và mơ hồ do một người bạn cùng lớp tình cờ gặp lại, búi ngùi ôn những chuyện xưa dưới một quán cà phê trong trại lính (Tr/úy Thiệu, cận thị, đá bóng bằng chân trái).

Còn tôi, mười năm qua, đã có gì mới lạ. Có lẽ ngày nay, so với những bạn học cũ, tôi là kẻ đã sống trong những hoàn cảnh đột ngột biến đổi không ngừng nhiều nhất. Ngay cả trong lúc tôi viết những dòng này, tôi cũng chưa biết được

trong mười ngày tới, tôi sẽ ở đâu, bị đưa đi đến đâu, bị làm gì và được làm gì, chỉ chắc chắn một điều là sắp thêm những thay đổi trong đời sống. Mười năm nay, tôi không có một công việc, một nghề nghiệp gì lâu bền, không một nơi ăn chốn ở nào lâu bền, không có một người bạn hay người tình nào gắn bó lâu bền, không có một thú vui nào lâu bền. Tôi sống trác trở, khó khăn, trôi nổi, tham muốn, thất bại, hoang phí, đói khổ. Tôi sống bồng bột say sưa lẫn tỉnh táo một cách chán chường lạnh nhạt. Mười năm trước, không bao giờ tôi nghĩ rằng tôi có thể sống một mình xa lánh gia đình và tất cả bà con dòng họ đông đảo. Không bao giờ tôi nghĩ rằng phải bỏ học nửa chừng, không bao giờ tôi nghĩ rằng phải nợ nần ai từng đồng để kiếm một bữa cơm hay thuốc hút. Không bao giờ tôi nghĩ rằng mình có thể bị một người nào đó giận ghét. Không bao giờ tôi nghĩ rằng mình lại đi nhờ cậy chịu ơn một ai. Không bao giờ tôi nghĩ rằng mình lại sống bất hợp lệ, trốn tránh luật pháp hay bị cầm tù... Thế mà, mười năm qua, tôi đã lần lượt sống hết với tất cả những tình cảnh bất ngờ ngoài ý muốn đó. Chỉ còn một điều duy nhất an ủi, một điều không đi ra ngoài «chương trình», không «lạc đề» là hơn mười năm trước, tôi đã từng say mê viết nên những bài thơ bài văn vớ vẩn, đến ngày nay, trong tôi vẫn còn nguyên vẹn và lớn mạnh hơn nữa niềm say mê đó, và tôi thà chết còn hơn là đánh mất khả năng và ước vọng viết thiêng liêng kỳ diệu này.

Sau mười năm chịu đựng lẫn giang rộng tay nhận lấy làn sóng vật chất do những người lính Mỹ viễn chinh đổ vào, thành phố Qui Nhơn đã đồ sộ hơn về một vài phương diện, và cũng đã tàn tạ hơn về những khía cạnh khác. Những người ít tiền đều lần lượt bỏ thành phố này mà đi trước tình trạng vật giá đắt đỏ nháy vọt theo lối tiêu xài của người ngoại quốc. Còn lại chen chúc trong thị trấn một giai cấp mới tranh sống làm giàu mau lẹ: gái điếm, ma cô, cò gian bạc bịp, chủ bar, khách sạn, những người chạy «áp phe» buôn đồ Mỹ... Sống nhẩn nhục thiếu thốn trong bóng tối là những người công chức, giáo sư, quân nhân bị ràng buộc ở mảnh đất cát nóng hỗn loạn này. Ngày nay lính ngoại quốc đã ò ạt kéo nhau ra đi, sau khi đã ò ạt đến, bỏ lại sau lưng cả một tỉnh lỵ xơ xác trần trụi, những tòa *building* xây dở dang, những quán bar ế khách, những ô nhện xuống giá bắt đầu chào đón vui vẻ khách chơi bán xứ, những bóng tối sa đọa trong góc quán với những cô cậu học trò phi «si-ke», những đứa con hoang hai giòng máu đồng minh thân hữu...

Qui Nhơn, giờ đây tôi về lại thất vọng vì không tìm thấy những vẻ đẹp như ngày xưa tôi đã từng quen thuộc. Những con đường phố vắng người đứng đưng buồn tẻ, bụi bặm, nóng bức mùa hè, nhạc thời trang kịch cỡm trong những quán kem, lẻ tẻ vài Hippy cốp nhật mẫu Saigon... Đáng tiếc bây giờ là mùa nghỉ hè, thiếu vắng những tà áo tha thướt của

mấy cô học trò trường Sư phạm, trường Nữ Trung học và trường Trưng Vương... Vắng mặt những thiếu nữ này là một thiệt thòi rất lớn cho Qui Nhơn, họ thuộc về một đạo binh dũn cảm, cứu vãn nét son của tỉnh nhỏ âu sầu.

Tôi và một vài người bạn, chúng tôi ngồi uống bia trên bãi biển. Một quán nước xập xệ, tầm thường, áo quần giặt treo bừa bãi trên sân. Nhưng nhờ có chút b'ia lạnh và những ngọn gió biển mẫn mẫn từ ngoài khơi thổi vào, cộng thêm với một vài câu chuyện «trà dư tửu hậu» thân mật giữa bạn bè, tôi cảm thấy khoan khoái đôi chút. Năm chiếc ghế thấp vây quanh chiếc bàn lỏng chỏng vỏ chai và tàn thuốc. Năm người ngồi nhâm nhi nói chuyện vặt. Chúng tôi giống nhau ở một điểm là đều lần lượt đi qua những chặng đường ngoài ý muốn lẫn đúng theo ý muốn: học hành, đi lính, viết văn, làm thơ v.v. Bốn người trên đều xuất thân từ nghề dạy học, hiện đã có vợ và từ một con trở lên. Tôi chưa bao giờ đi dạy học, chưa bao giờ có vợ. Đó là điểm khác biệt đầu tiên.

Tôi nhìn ra biển. Thuyền phơi ngồn ngang trên cát. Mặt nước màu xanh. Xa xa những cánh buồm, rặng núi và hải đảo, ngọn hải đăng trên đỉnh núi phía tay trái, Ghềnh Ráng với năm mồ của Hàn Mặc Tử phía tay phải.

Biển như hẹp lại, cạn khô và đờ đẫn. Trước kia, tôi dẫm những dấu chân lỗ chỗ trên bãi cát ướt và lạnh

người nhận thấy biển cả bao la bát ngát, chuyền động mãnh liệt, sóng sóng tung tăng bọt trắng kiêu diễm biết bao nhiêu. Ngày nay, biển Qui Nhơn trước mắt tôi không còn đẹp nữa. Thời gian hay sự già cỗi đã gây nên điều tai hại đó? Giữa tôi và biển, ai là kẻ đã thay đổi trong mười

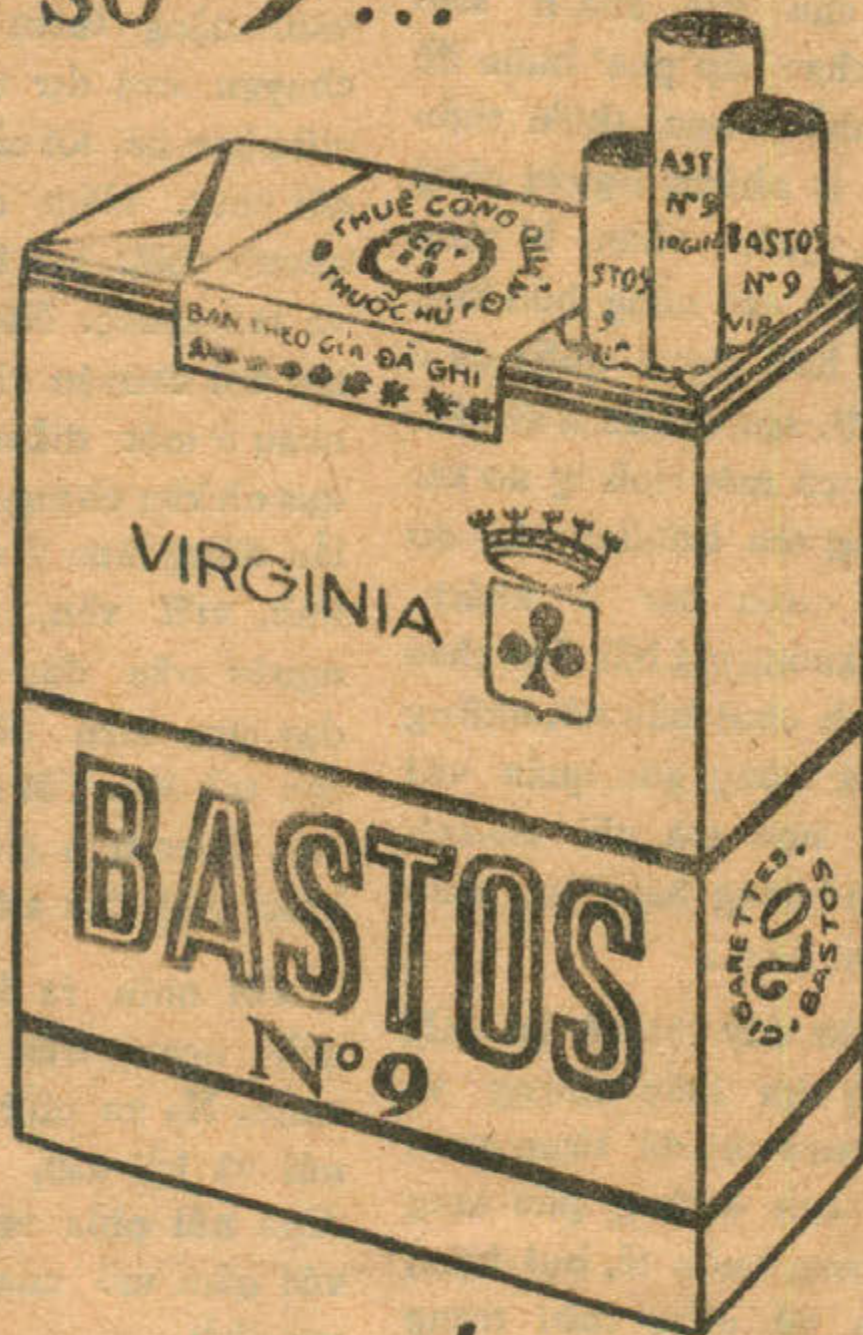
năm qua?

Tôi hoang mang không biết rõ. Tôi hút thuốc, uống bia, hít gió, nhớ lại những ngày qua cực khổ mệt mỏi của mình, tôi buồn quá đỗi...

HOÀNG NGỌC TUẤN

Kỳ tới: Sáng tác

số 9...



... LÃ THUỐC THƠM
CỦA BẠN

Tình yêu là một đề tài muôn thuở, là một đề tài thật cũ.

Ở đây không có người đẹp nào, không có tình cảm thiết tha, không có say mê đắm đuối, không có thân xác nóng bỏng, ánh mắt nụ cười cũng không.

Làm sao có thể tưởng tượng nổi một thế giới yêu đương... hoang tàn như vậy ?

Đọc trong :

NHỮNG NGÀY RẤT THÔNG THẢ

Truyện của TRẦN THỊ NGH.

TRÍ ĐĂNG xuất bản.

Phát hành trong tháng tám

Một tác phẩm được kể là có giá trị khi phản ánh được thực trạng xã hội mà người viết mô tả. MUU SINH chính là cuộc sống thực của tác giả lúc thiếu thời. Bằng những hình ảnh trung thực, không chút ngụy tạo, tác giả đã ghi lại tất cả những bất công trong xã hội Nga thời bấy giờ.

Một tác phẩm được coi là giá trị khi ảnh hưởng của nó làm đảo lộn xã hội. MUU SINH, tác phẩm của Maxime Gorki ra đời, xã hội Nga đã thay đổi hẳn.

Đọc Gorki rồi mới thấy bất cứ ở nơi nào trên trái đất này : nghèo đói, cướp bóc, bạo tàn đều giống nhau. Muốn rõ hơn bạn nên đọc :

MUU SINH

của MAXIME GORKI

Trương Đình Cử dịch

TRÍ ĐĂNG xuất bản

Cơ Sở Xuất Bản NHÂN-CHỦ

ĐÃ PHÁT HÀNH

CÁC NHÀ VĂN NỮ VIỆT-NAM

1900 - 1970

của UYÊN THAO

• Tác phẩm biên khảo công phu được thực hiện bởi ngòi bút phê bình vô cùng sâu sắc và bén nhọn
UYÊN THAO

• Với đầy đủ hình ảnh và Tiểu sử của
THỤY-AN — MỘNG-SƠN — NGUYỄN-
THỊ-VINH — LINH-BẢO — NHÃ-CA —
TÚY-HỒNG — NGUYỄN-THỊ-HOÀNG —
NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ — TRÙNG-DƯƠNG.

• Và phần PHỤ-LỤC tóm tắt tất cả các tác phẩm của các nữ tác giả liên hệ.

410 trang — Giá 720\$

SẼ PHÁT HÀNH

TRĂM NĂM HIU QUẠNH

Truyện Gabriel Garcia MARQUÉZ

HOÀNG-HẢI-THỦY dịch — 632 trang — Giá 950\$

MƯỜI HAI SỬ Cuốn I

Dân Tộc Chiến Đấu Sử Tiểu-Thuyết

của VŨ NGỌC ĐỈNH

320 trang — Giá 550\$

SINH HOẠT

Nhơn một bài thơ

Trong Bách Khoa kỳ rồi (tháng sáu 73) có bài của bạn tôi, Ngu-Í, nói về một bài thơ liên quan đến cụ Đồ Chiểu. Trước đó Ngu-Í có bảo tôi lên tiếng trước. Tôi đã từ chối viện lý rằng việc lên tiếng ấy, là việc của người khác. Tôi sẽ nói sau. Tôi không dè. Người lên tiếng trước chính là Ngu-Í. Vậy tôi xin kể đầu đuôi (có hơi xa trong thời gian)

Năm 1941, trong tù ở Côn Nôn, tôi có nghe một thầy thuốc bắc, gốc ở Ba Tri, bị nhốt chung với tôi cùng phòng, đọc một lần. Lời thì tôi không nhớ trọn, nhưng ý là như vậy. Vị thầy thuốc này kể lại rằng là chính thầy của mình, đã nghe người trước đọc cho nghe mà thôi, chớ không biết chi tiết nào khác.

Cánh đó đến 25 năm, tức là năm 1966, tình cờ tôi lại đọc được trong tạp chí *Đồng Nai* (do giáo sư An Cư chủ trương), nơi số 7 trang 39, bài thơ nọ, do Nguyễn Văn Y sưu tầm, dưới có chua rằng «trích báo *Bình Dân*», mà không nói tác giả là ai, số báo này xuất bản năm nào, tháng nào...

Lần thứ ba, vào tháng 10 năm 1972, hơn đi sưu tầm về Cụ Đồ tại Thanh Ba, tôi có gặp tại Cần Giuộc một thi sĩ lật tập thơ của Bút Trà mà đọc bài thơ nọ.

Như vậy thì tôi đã biết rằng Bút Trà đã tự cho mình là tác giả của bài thơ.

Một tháng sau, khi đến gia đình con cháu cụ Đồ lần thứ hai, đề phòng vấn, tức là vào tháng 11, tại nhà của bà Nguyễn Thoại Long, và có mặt bà Nguyễn Kim Phụng, tôi có hỏi :

— Thưa hai bà, sau khi quan tham biện Pháp đến viếng cụ Đồ, cụ có cảm tưởng nào mà không ? Và có để lại tờ di chúc nào cho con cháu không ?

Tôi không hề nhắc đến bài thơ nọ, vì sợ ảnh hưởng đến trí nhớ của hai bà. Nhưng hai bà, người đọc người bỏ tức khi có ngấp ngừng, đọc chính là bài thơ nọ. Kể ngạc nhiên hơn cả là tôi, vì chẳng bao lâu tôi đã đọc mực đen trên giấy trắng kia. Song tôi điềm tĩnh hỏi gặng

— Thưa hai bà, bài thơ này của ai ?

Hai bà cùng đồng thanh đáp :

— Của ông chúng tôi.

Trên đường về, tôi có ghé lại Bến Tre mà đọc lại bài thơ nọ cho thi sĩ Trúc Phong ghi.

Riêng tôi tin rằng hai bà không lầm. Bởi vì từ năm 1945 đến 1954, nhà hai bà ở trong khu Việt Minh, chẳng hề đọc được sách báo nào nhất là tờ *Bình Dân*. Sau 1954 thì hai bà ở chốn khi họ có gáy ít có sách báo đến. Và tự tôi lục tủ sách của hai bà, hầu hết là sách chữ nho, chữ nôm, còn sách quốc ngữ thì lèo tèo vài cuốn giáo khoa của mấy đứa cháu nội dùng.

Tôi tin rằng hai bà không đọc được bài thơ ở nơi nào khác hơn là trong gia đình. Tôi cũng tin rằng năm 1941, tại Côn Nôn, vị thầy thuốc bạn tù tôi cũng không đặt ra bài thơ nọ.

Và tôi cũng tin rằng Bút Trà làm thơ hay. Như vậy bất cứ ai làm thơ hay, lấy đời sống của chí sĩ Nguyễn Đình Chiểu, đều có thể vịnh na ná như vậy cả, cũng như trong khoa học, lăm phát minh lại do nhiều người khám phá ra.

Nhưng mà tôi dựa vào yếu tố thời gian mà cho rằng quyền của tác giả là của cụ Đồ. Và có tài làm thơ như Bút Trà còn có thể làm hàng trăm bài như vậy, thì sá gì một bài mà tranh giành cho rộn chuyện? Tôi khen Bút Trà nơi cử chỉ đó mà không lên tiếng. Sau lời khen đó, tôi khuyên Bút Trà, nếu cho tái bản thơ thì vịnh một bài khác cho hay hơn, thay vào đó.

Đẹp cả mọi bề.

Tái bút: Nghề chơi cũng lăm công phu

Bản thảo của bài trên đã giao cho *Bách Khoa*, thì khá lâu sau đó tôi có dịp được đi Bến Tre, đề dự lễ sinh nhật của đức thân sinh ra một người bạn quá cố của tôi, là bác sĩ Nguyễn Ngọc Bích. Từ Bến Tre đến Ba Tri không bao xa, tôi nhân cơ hội đề hỏi thêm chi tiết về bài thơ đang bị tranh chấp.

Bà Nguyễn Kim Phụng (sinh năm 1907) đã nói:

— Sau khi tôi có chồng (tức là vào năm 1924) độ hơn mười năm (suy ra, là vào năm 1935 hay 1936 gì đó, bởi vì cụ Nguyễn Đình Chiểu đã tạ thế rồi) tôi có dịp đi Ba Tri, ghé viếng chùa *Hóc Tra*. Nơi chùa này, tôi có gặp một bà vãi già đọc cho tôi chép bài thơ «Sống thời khói lửa khắp non sông». Bà vãi này ít chữ. Hán học không bao nhiêu. Quốc ngữ vừa đọc xuôi. Tôi có hỏi bà vãi ấy thì bà đáp một cách quả quyết rằng: «Bài thơ ấy do ông nội của Cô (tức là Cụ Đồ Chiểu) làm ra».

Lời xác định trên đây của bà Nguyễn Kim Phụng cho tôi thêm một cái mốc thời gian rõ rệt: ấy là năm 1935 (hay 1936), tức là trước cái mốc thời gian 1942 mà tôi đã nêu trong bài (khi tôi đã nghe một ông tù chánh trị đọc cho tôi nghe ở Côn Lôn)...

Trên đường về, tôi có gặp một giáo sư Việt văn tại Bến Tre hỏi tôi về lý do của chuyến đi Ba Tri này. Sau khi kể xong, tôi tính sỏ, thấy đã mất năm ngày đi đường vất vả, tốn vài ngàn đồng bạc tiền phí. Vị giáo sư nhìn tôi với cặp mắt kinh ngạc, có lẽ tự hỏi rằng, công lao ấy sẽ được thù lao bằng cách nào? Đề chặn câu hỏi đừng thốt ra lời, tôi tự ví như nàng Kiều, trót đã có tên vào sỏ đoạn trường (của người đi tìm sự thật), thì âu là phải vâng lệnh dạy của «mụ tú bà» rằng: «nghề chơi cũng lăm công phu»...

Tôi tưởng chừng sự «lăm công phu» ấy cũng đủ khuyên bạn Ngu-Í thâm yêu của tôi nên xếp hồ sơ của bài thơ này lại.

HỒ HỮU TƯỜNG

Lễ kỷ-niệm Tuyên Trưng Hậu Nguyễn-văn-Tuyên tại Mỹ-An-Hưng, Sa-Đéc.

Ngày 27 và 28-6-1973, tại ấp Thái-Ninh-Bình, và Mỹ-An-Hưng (Sa-Đéc) có tổ chức một cuộc lễ vô cùng trọng thể để kỷ niệm lần thứ 142 ngày về thân của Thống chế Tuyên Trưng Hậu Nguyễn văn Tuyên.

Trước khung cảnh tôn nghiêm thần thánh, được đặt tại khuôn viên ngôi tôn lẫm đang còn xây cất dở dang sau cuộc bốc mộ từ ngày 15-5-1971, Giáo sư Nguyễn Văn Hầu, Đại học Văn khoa và Sư phạm Viện Đại học Hòa-Hảo An-Giang, một học giả chuyên khảo về miền Nam, đã được Ban Tổ-chức yêu cầu đến nói chuyện về Tuyên Trưng Hậu.

Trước một số rất đông đảo quan khách, gồm đủ các thành phần, đại diện chánh quyền Trung ương và các Tỉnh trưởng, Quận trưởng các địa phương lân cận, đại diện các tôn giáo Thiên Chúa, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, các Giáo chức Đại học, Trung học, và Tiểu học, sinh viên học sinh và các Dân biểu, Nghị viên..., Giáo sư Nguyễn Văn Hầu, sau phần trình bày công nghiệp 42 năm công vụ của Tuyên Trưng Hậu, đã nói lên một bất công lịch sử.

Ông so sánh công đức của Thống chế Biên Bình Tuyên Trưng Hậu với các Hậu tước đồng thời ngang cấp như Thống chế Thoại Ngọc Hầu và Thống chế Nguyễn Văn Tồn, đề kêu

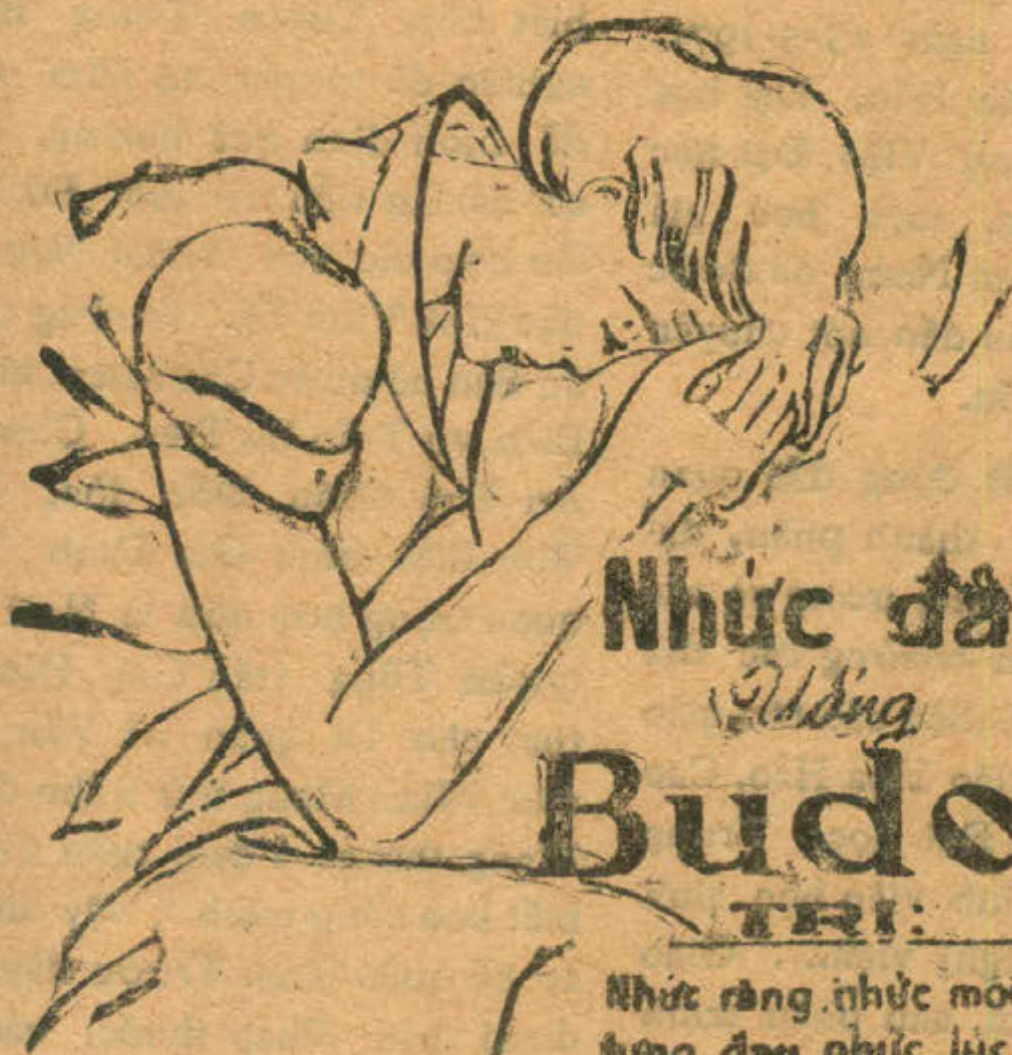
gọi đồng bào các giới, các đảng phái tôn giáo, đặc biệt là chánh quyền Trung ương và địa phương, nên tích cực chú ý đến việc góp phần với Ban Trưng tu Lăng miếu Tuyên Trưng Hậu để cho nơi thờ phượng Ngài được tăng thêm vẻ nguy nga long trọng.

Học giả Nguyễn Văn Hầu cho biết tiếp, Tuyên Trưng Hậu công nghiệp đã to qua 14 năm đánh giặc để bình định quê hương, Ngài còn có hai lần tiêu trừ mọi Đá Vách, hai lần hợp tác với Thoại Ngọc Hầu để đào kinh Vĩnh Tế, Chưởng quản quốc ấn Bảo hộ nước Cao Miên, kiêm quản Biên vụ Trấn Hà Tiên, Chưởng lãnh An Thủ Châu Đốc đồn, lại Quản lãnh Biên binh Gia Định Thành và quan trọng hơn nữa là Ngài đã nhiếp quyền Tổng trấn Gia Định Thành thay cho Tả quân Lê Văn Duyệt từ năm Minh Mạng thứ 8 cho đến Minh Mạng thứ 9, « đem thân dựng nước biết bao công trình », vậy mà lịch sử cơ hồ quên lãng. Trước đây, nhất là dưới thời Pháp thuộc, các tài liệu sử học bằng quốc văn không có lấy một câu nói đến Ngài, mặc dù *Đại Nam Chánh Biên Liệt Truyện*, *Đại Nam Nhất Thống Chí*, hằng chục bằng, sắc, chế, chiếu, nói đến Ngài (Hán văn) và *Histoire et description de la Basse Cochinchine* (Pháp văn) có ghi chép về Ngài.

Nếu đem so với Thống chế Nguyễn Văn Tôn, một nhân vật Cao Miên, tên là Duồn hay Diên, xuất thân đầu quân với Nguyễn Ánh, được vào hàng «Dịch đình nô», được vua Gia Long tin dùng và khi mất, mộ chôn tại Trà Ôn, đến nay còn tôn thờ trọng thờ, hàng năm quý tế linh đình, thì đối với Tuyên Trưng Hầu, trong 142 năm âm thầm, khói hương lặng ngắt, thật quả là một bất công

lịch sử, một hối tiếc lớn và là một trách nhiệm nặng nề của toàn thể chúng ta.

Suốt hai ngày đại lễ, có triển lãm các di tích của Tuyên Trưng Hầu, có sự tham gia ca vũ của Đoàn sinh viên văn nghệ Viện Đại-học Hòa-Hảo, của các đoàn long mã, các đoàn kỳ lân và Ban nhạc cổ tiếp giá của các địa phương sở tại và lân cận.
B.T.C.



Nhức đầu

Đông

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
tụng, đau nhức, lúc có
Kính Ká



(Mở ở 121/191/1907)

CÔNG CHỨC, CÁN BỘ LÀ BẠN DÂN,
LÀM VIỆC VÌ DÂN VÀ CHO DÂN

Thời sự thế giới

Trong những ngày qua dư luận quốc tế đã đặc biệt chú trọng tới cuộc hội đàm thượng đỉnh giữa hai ông Nixon và Brejnev tại Hoa-kỳ. Cuộc hội đàm này thân hữu đến nỗi các quốc gia Âu-châu đã tỏ ý ngạc nhiên rằng đây là một hội nghị Yalta thứ hai.

Mặt sự kiện nữa được người ta bàn tán đến nhiều là việc Tướng Péron sửa soạn nắm chính quyền trở lại. Đồng thời tại Chili và Ba-tây, hai quốc gia lân cận của Á-căn-đinh, nhiều sự rối ren đã xảy ra trên chính trường.

Hội nghị thượng đỉnh Nga-Mỹ

Vào tháng 5 vừa qua, khi vụ Watergate bùng nổ, người ta đã có cảm tưởng rằng Tổng Bí-thư Brejnev sẽ không tới Hoa-kỳ vì ông không muốn thương thuyết với một vị Tổng-Thống Hoa-kỳ suy yếu vì một vụ tai tiếng xảy ra tại quốc nội.

Nhưng vào cuối tháng 6 người ta rất ngạc nhiên khi thấy ông Brejnev nhất định ra đi. Người ta còn ngạc nhiên hơn nữa là suốt trong 9 ngày viếng thăm Hoa-kỳ ông Brejnev đã tỏ ra hết sức mềm mỏng. Ông lại tái diễn cái màn cười ngả nghiêng để đồ ly rượu sâm banh ra quần. Tuy trong bữa tiệc do Tổng-Thống Nixon khoản đãi tại Bạch Cung ông Brejnev nhất định không chịu mặc dạ phục của giới tư-bản, nhưng khi tới nơi nghỉ mát của ông Nixon ở Camp David, ông đã mặc cái áo blouson của ông Nixon

tặng, mang dấu hiệu của Tổng-Thống Hoa-kỳ trên ngực. Ông còn cố gắng lấy lòng ông Nixon đến nỗi sờ tiêng Anh ra nói với ông Nixon.

Sau hai ngày yến tiệc tại thủ-đô Hoa-thịnh-đốn, ông Nixon đã đưa ông Brejnev tới Camp David và sau đó lại đưa ông này tới tòa Bạch-ốc miền Tây ở San Clemente để bàn cãi các vấn-đề quốc-tế trong một khung cảnh yên-tĩnh hơn.

Tại San Clemente, bên bờ hồ tắm hai vị lãnh tụ vừa bàn chuyện đại sự vừa đùa rởn với mấy cô đào màn bạc Hollywood. Người ta tính cả hai ông đã thủ thỉ chuyện trò tới 26 tiếng đồng hồ.

Sự hợp tác Nga-Mỹ được thể hiện với một loạt 5 thỏa-ước được hai vị lãnh-tụ ký kết trong thời gian ông Brejnev lưu tại Hoa-kỳ. Các thỏa-ước này đã ấn định sự cộng tác Nga-Mỹ từ lãnh vực Hải-học, tới lãnh vực Canh-nông, Nguyên tử, Văn hóa và Hàng không dân sự. Một thỏa-hiệp đặc biệt đã được mọi người xôn xao bàn tán là thỏa hiệp giữa hai bên, để tránh mọi cuộc đụng độ võ trang có thể làm nguy hại tới hòa-bình thế giới.

Là hội-viên của hai Liên-minh phòng-thủ đối nghịch mà lại ký với nhau một thỏa-ước "cam kết không dùng võ lực", đó là một sự-kiện tương đương với một sự đảo lộn liên-minh (renversement des alliances). Vì vậy mà các quốc gia Âu-châu đã tỏ vẻ e ngại. Họ tự hỏi phải chăng đây một hội nghị Yalta

thứ hai. Năm 1945 khi Nga, Anh, và Mỹ họp nhau tại Yalta, ba đại cường này đã vẽ lại bản đồ thế-giới để chia nhau ảnh-hưởng. Liệu giờ đây Nga và Mỹ còn muốn làm lại một Yalta thứ hai không ?

Có lẽ để trấn an các nước này mà ngay khi từ Hoa-thịnh-đốn trở về ông Brejnev đã vội đến thăm Tổng-Thống Pháp Pompidou. Cuộc viếng thăm này làm ông Pompidou rất hãnh diện vì như vậy Nga và Mỹ đã coi Ông như là lãnh tụ của lực lượng thứ tư cùng với Nga, Mỹ và Trung Cộng.

Tướng Péron trở lại chính quyền

Sau khi ông Campora đắc cử Tổng-Thống Á-căn-đỉnh và nhậm chức, việc đầu tiên của ông là đón Tướng Péron lưu vong trở về. Ngày trở về của Péron đã được đánh dấu bằng một cuộc đụng độ đổ máu giữa đám chân tay của chính ông. Người ta biết rằng Péron quy tụ những bộ hạ từ phe cực tả thân Cộng tới phe cực hữu. Ai ai cũng muốn được hưởng độc quyền về Péron. Vì vậy, mà ngay khi về ông đã phải chứng kiến cảnh xung đột của các đàn em.

Hai tuần lễ sau khi Péron trở về, Tổng Thống Á-căn-đỉnh Campora, Phó Tổng Thống Vincente Solano Lima và toàn thể nội các tuyên bố từ chức để cho vị lãnh tụ đảng Công-lý được tự do ra ứng cử và lãnh đạo quốc dân.

Dân chúng trông đợi ở Peron để cải tổ guồng máy chính quyền, lành mạnh hóa nền kinh tế trong nước và thực hiện hòa giải dân tộc. Nhưng liệu Péron có làm chu toàn được nhiệm vụ này không ? Năm nay ông đã 77 tuổi, sức đã yếu, giọng nói run rẩy. Ông lại không còn được sự trợ giúp của bà vợ hiếu động Evita nên người ta e rằng sự tái xuất của ông chỉ đưa lại một tình trạng rối ren tại nước ông mà thôi.

Tình trạng rối ren không phải chỉ xảy ra ở Á-căn-đỉnh. Hiện thời Ba-tây và Chí-lợi cũng đang phải đối phó với tình trạng này.

Tại Ba-tây, 9 năm về trước, khi lật đổ chính-thề dân cử của Tổng Thống Joao Goulart, các tướng lãnh đã hứa là sẽ khôi phục lại chính quyền dân sự. Nhưng vừa rồi khi vị Tổng Thống mãn nhiệm là Tướng Medici rời chính quyền thì các quân nhân lại không tôn trọng lời hứa này và cử Tướng Ernesto Geisel lên làm Tổng Thống. Tuy Tướng Geisel là một nhân vật hòa nhã nhưng dân chúng vẫn tỏ vẻ bất bình vì quân đội không giữ lời hứa. Và người ta ngại rằng với tính nhu nhược, Tướng Geisel sẽ không đủ mạnh để ngăn cản phe đối lập nổi dậy phản đối.

Tại Chí-lợi, Tổng Thống Mác-xít Allende cũng đang gặp nhiều khó khăn. Công cuộc Mác-xít-hóa quốc gia bằng đường lối ôn hòa của ông đang vấp phải nhiều trở ngại. Các sáng kiến của ông đã đưa nước

Chí-lợi tới một tình hình kinh tế khủng hoảng trầm trọng. Nạn lạm phát càng ngày càng gia tăng. Trong một năm qua giá cả đã tăng gấp đôi. Các biện pháp cải cách điền địa của ông Allende đã khiến cho Chí-lợi từ trước xuất cảng lúa mì, giờ đây phải nhập cảng nhu yếu phẩm này.

Nguy hại hơn cả là cuộc đình công của thợ mỏ đồng ở El Teniente. Các công nhân đóng cửa mỏ đòi tăng lương 41%. Trong khi Tối cao Pháp

viện tuyên bố các biện pháp của ông Allende đưa ra để đối phó với tình trạng mới là vi hiến. Quốc hội chuẩn bị lật đổ Tổng Thống mà không được chỉ vì chưa kiểm đủ đa số 2/3.

Tuy thuộc khuynh hướng Mác-xít, Tổng Thống Allende đã bị chính thợ thuyền chống đối, nên hiện giờ ông đang ở bên bờ vực thẳm của hất bại.

TỪ MINH

Sách hay vẫn quảng cáo

Bạn thử soát lại trong tủ sách bạn đã có 3 quyển sách này chưa ???

1. Bóng tối đi qua

(1, 2, 3 trọn bộ)

2. Những nhà văn tiền chiến Hà-nội hôm nay

3. Về R.

Nếu chưa, xin mời bạn nên tìm mua ngay kẻo hết. Vì vật giá cao nên số lượng in có hạn.

Bạn chỉ cần đọc :

- Một tác phẩm bằng đọc ngàn tác phẩm
- Một tác phẩm đề thấu triết ngàn việc cần thiết liên hệ.
- Một tác phẩm không cần đọc thêm tác phẩm nào khác trong vòng một năm.
- Một tác phẩm mất một ngày để được nhớ ngàn ngày v.v...

Cả ba tác phẩm trên do nhà văn KIM NHẬT viết, HOA ĐĂNG xuất bản và phát hành. Đề tạ tình tri ngộ cùng bạn đọc bốn phương, chúng tôi dành riêng một số sách có chữ ký và triện son của tác giả cho các bạn chơi sách để lưu niệm.

Sách đã có bày bán khắp nơi trên toàn quốc và tại 164 Cống Quỳnh, Sài Gòn 2.

CÁCH MẠNG HÀNH CHÍNH ĐỂ PHỤC VỤ NHÂN DÂN

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-VTDP.Đ.

Nhà xuất bản Lá Bối

Lô O, 121, Chung cư Minh Mạng Saigon 10

Giám đốc sáng lập : Nhất Hạnh

Những tác phẩm tăng giá trị của tủ sách

- SỬ KÍ CỦA TƯ MÃ GIẢN CHI và Nguyễn Hiến
THIÊN Lê giới thiệu dịch và chú thích
- CHIẾN QUỐC SÁCH GIẢN CHI và Nguyễn Hiến
Lê giới thiệu dịch và chú thích
- TÌNH NGƯỜI Tâm Quán
- GÓP NHẬT CÁT ĐÁ Thiên sư Muju, Đỗ Đình
Đồng dịch
- BÀI HỌC CỦA WILL DURANT, Nguyễn Hiến
LỊCH SỬ Lê dịch
- LIỆT TỬ VÀ NGUYỄN HIẾN Lê dịch giới
DƯƠNG TỬ thiệu và chú thích
- NÓI VỚI TUỔI NHẤT HẠNH
HAI MƯƠI (tái bản kỳ 7)

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Nghề buôn bán chữ nghĩa

Giới bán sách ở Pháp đang dấy chết. Đó không phải là một lời nguyền rủa của ai cả, mà chính là sự nhận xét của đại hội các chủ thư quán, họp lần thứ 39 tại Poitiers.

Đại hội trừ liệu qui tụ 400 vị, thực sự chỉ có độ trăm vị tới dự: thưa thớt như lá mùa thu. Ấy là một dấu hiệu suy tàn của ngành bán sách.

Từ suy tàn đến sụp đổ, không xa. Đối với giới chủ thư quán ở Ba-lê thì ngày "tận thế" ở vào tháng 2 năm 1974: chừng đó sẽ mọc lên Trung tâm bán sách Fnac, tại đường Rennes, chiếm một diện tích nghìn thước vuông... Tại Trung tâm vĩ đại ấy, giá sách sẽ hạ bớt 20%. Thế là 30% trong tổng số các thư quán, đang ngắc ngoải hiện giờ tại Ba-lê, chừng đó sẽ tịch luôn.

Fnac xuất hiện thì nguy; thế nhưng Fnac chưa xuất hiện, tại sao cũng khốn đốn? — Giới bán sách đổ lỗi cho giới giáo sư: ở Pháp, người ta dạy văn chương cách nào mà học sinh thấy sách đâm chán. Ra đời, người Pháp ít đọc sách hơn người Anh, người Mỹ, người Đức v.v...

Trong cuốn *Ecrivains d'aujourd'hui* xuất bản năm 1960, F. Nourissier cho biết mỗi tác phẩm trúng giải Goncourt thường thường được ấn hành từ 100 đến 350 nghìn cuốn, giải Femina từ 60 đến 150 nghìn cuốn, giải Renaudot và giải Interallié vào khoảng 75 nghìn cuốn. Từ đó đến nay, sau 13 năm, chắc chắn là tình

hình phải khá hơn nữa.

Ở một quốc gia mà con số ấn hành các tác phẩm lên đến chừng đó, giới bán sách còn lo sợ một tương lai nguy ngập. Ở xứ ta, tác phẩm ăn khách nhất cũng không in quá 5 nghìn cuốn, vậy vấn đề tương lai của nghề phổ biến sách đáng được giới hữu trách về văn hóa nghiên cứu lắm.

Và giả sử giới hữu trách về thuế vụ muốn cùng nghiên cứu, tất nhiên càng hay hơn nhiều.

Một ông đại sứ cho giới xuất bản

Muốn in và bán một cuốn sách, nhà xuất bản ở bên Pháp phải tiếp xúc với bộ Nội vụ, bộ Văn hóa, bộ Tài chính v.v... tính ra tất cả là sáu bộ trong chính quyền.

Vừa rồi ông Maurice Druon đã có sáng kiến thành lập một Trung tâm Sách (Centre du Livre) đề lo liệu mọi việc liên hệ đến sách, một mình giải quyết công việc của sáu bộ.

Như thế đã là một tiến bộ cho nghề xuất bản ở Pháp.

Mới đây, nghiệp đoàn xuất bản lại còn có sáng kiến đề cử một nhân vật lỗi lạc đề phụ trách tiếp xúc với chính quyền. Đó là ông Roger Seydoux, cựu Đại sứ của Pháp tại Nga xô, với ba mươi năm kinh nghiệm trong ngành Ngoại giao.

Thì ra, ở bên Pháp, giữa giới xuất bản với nhà nước cũng có nhiều vấn đề cần thương thuyết gay go dữ

« Những điều tôi biết... »

Pierre Daix là bạn thân của văn hào Louis Aragon, niềm hãnh diện của đảng Cộng sản Pháp. Pierre Daix viết một cuốn sách về văn hào Nga-xô A. Soljenitsyne, nhan đề là « *Ce que je sais de Soljenitsyne* ».

Những điều Pierre Daix biết về Soljenitsyne không lấy gì làm nhiều, cũng không có gì lý thú. Nhưng cuốn sách gây xúc động là vì những điều P. Daix biết về các người khác (không phải Soljenitsyne).

Người khác ? Những ai vậy ?

— Là Elsa Triolet chẳng hạn, vợ của Louis Aragon. Hai ông bà vẫn song ca những bản tán dương Nga-xô. Ai có ngờ... Pierre Daix kể rằng Elsa Triolet không lạ gì các tội ác trên đất Nga, hàng triệu nạn nhân hàng triệu kia nạn nhân dưới thời Staline v.v... « Ở cái xứ ấy, chuyện gì cũng có thể ra », bà nói thế.

— Là Pierre Courtade chẳng hạn lúc nào cũng bênh vực Nga xô chằm chập. Chính ông P. Courtade ấy đã có lần thổ lộ riêng với P. Daix : « Nga xô, đó là một nước Congo có hỏa tiễn. »

Thành thử các đảng trí thức nạn đều là những con người hai mặt. Trước công chúng họ nói một đường, trong chỗ thân mật họ nói một nẻo ; công khai, họ nói khác, trong thâm tâm, họ nghĩ khác ! Người ta hi vọng những Aragon, Triolet ngây thơ, không hề hay biết về các tội ác ở Nga. Hóa ra họ không ngây thơ : họ thành đồng lõa !

TRĂNG THIÊN

Người có công với lịch sử
miền Hậu Giang

Trong hai chục năm nay, người có công nhất với lịch sử miền Hậu Giang là Giáo sư Nguyễn Văn Hầu

Năm 1959 ông cho ra một cuốn về cuộc *Khởi nghĩa Bảy Thưa* ở miền Châu Đốc, Long Xuyên mà sử chép trong mười hàng, và rất ít người biết ; năm 1961 ông viết tiểu sử chị sĩ Nguyễn Quang Diệu, một nhà cách mạng trong tiền bán thế kỉ này, quê ở Cao Lãnh ; năm 1970 ông in một tập về Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, một vị anh hùng có công dẹp Miền và khai phá miền Nam ; năm nay ông lại công bố cuốn *Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang* mà ông mất công khảo cứu tìm kiếm trong sách báo và nhất là tại chỗ trong hai chục năm mới xong.

Sách dày 428 trang, gồm 17 chương với 44 tấm hình và 8 phụ lục. Tài liệu rất dồi dào hơn hẳn mấy cuốn trước, lối suy diễn thận trọng, cách ghi chép rành rọt kĩ càng. Những chương *Đào Thoại Hà, Đào Vĩnh Tế Hà, Khai cương thác địa* viết công phu, đọc hứng thú, người sau khó mà viết hơn ông được. Ông lại có công khai quật được nửa tấm bia, sửa vài chỗ sai lầm của người trước.

Tôi nghĩ người có học thức nào ở Hậu Giang cũng nên có cuốn đó trong tủ sách để biết công tổ tiên đã bảo vệ và khai thác miền mình hiện đang sống, một miền phì nhiêu nhất của non sông.

NGUYỄN HIỂN LÊ

Triển lãm Tranh sơn dầu tại Qui Nhơn

Hai họa sĩ Nguyễn Phan và Đặng Mậu Tựu có mở một cuộc triển lãm tranh sơn dầu tại Qui Nhơn từ 22-7 đến 29-7, dưới sự bảo trợ của Sở Học Chánh Bình Định và Qui Nhơn.

Điểm đặc biệt — như nhà văn Nguyễn Mộng Giác giới thiệu — là tranh của 2 người «có 2 thể giới màu sắc riêng», có lẽ vì 2 họa sĩ thuộc 2 lớp tuổi, 2 thể hệ khác biệt. Đặng Mậu Tựu, «người họa sĩ của thế hệ 20, lớn lên giữa lửa đạn», «ừ chối thiên nhiên và mài miết đi tìm nguồn ánh sáng bí nhiệm của nội tâm», «vì vậy nhìn toàn bộ tranh sơn dầu của Tựu ta thấy niềm mơ ước tươi thắm của tuổi trẻ, ta thấy nét quẩn quại của cuộc

dời và ta cũng thấy cả 2 hình ảnh đối nghịch nhau ấy kề cận bên nhau, mâu thuẫn một cách tự nhiên như tâm hồn kẻ đứng ở đầu đường». Ngược lại, tranh của Nguyễn Phan — người họa sĩ của thế hệ 30 — chỉ có hòa điệu. «Hoà điệu của lòng người và màu sắc vũ trụ, đề mỗi dãy núi, mỗi dòng sông, mỗi cánh lá, mỗi nét người đều tràn ngập êm ả, thanh bình». (Cũng xin ghi thêm: Họa sĩ Đặng Mậu Tựu hiện là sinh viên năm thứ 5 Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế và họa sĩ Nguyễn Phan cũng tốt nghiệp tại trường trên đây từ năm 1960 và hiện dạy học tại Đà Nẵng) Cuộc triển lãm tuy không mấy thành công về tài chánh, nhưng đã gây nhiều hào hứng cho lớp người trẻ ở Qui Nhơn.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTREME ORIENT

(S . O . A . E . O .)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Cùng các thân hữu của Bách Khoa

Các anh em thân hữu của Bách Khoa có thể tới Tòa soạn (160 Phan đình Phùng) mua những sách liệt kê dưới đây với một giá đặc biệt :

— Văn đài loại ngữ (Lê Quý Đôn), Chiến quốc sách, Sử ký Tư Mã Thiên, Tinh người (Tâm quán). Ngoài ra các sách của ông Vương Hồng Sên : Cuốn sổ tay của người chơi cờ ngoạn, khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa, Cảnh Đức Trấn Đào Lục đều bán với giá nhất định 1500đ mỗi cuốn.

Bạn cần 1 nghề chuyên môn để tìm việc làm ?

Mời bạn đến trung-tâm giáo dục tráng-niên CẤP TIẾN ghi tên học lớp

KẾ TOÁN - TỐC KÝ NGHIỆP - VỤ NGÂN - HÀNG

mỗi tháng đều có khai giảng lớp mới tại 2 trường

— NGÔ-TÙNG-CHÂU 93 Ngô-tùng-Châu quận 2 Sài gòn

— HÙNG-VƯƠNG : 124 Hùng-Vương quận 5 Chợ lớn

LƯU Ý : Mời các học viên đã ghi tên thực tập tại ngân hàng liên lạc gấp với văn phòng.

— Các hồ sơ xin học bổng phải nộp đầy đủ

— các sách KẾ TOÁN và NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG mua tại trường được hưởng giá đặc biệt.

Quản-đọc : G.S. TRẦN-MINH XUÂN

AN TIÊM tái bản

MƯA NGUỒN

và

LÁ HOA CỒN

(thơ Bùi Giáng)

có thêm phần MƯA NGUỒN HÒA ÂM

sẽ tái bản

NGÀN HOA RỐT HỘT

MÀU HOA TRÊN NGÀN

sẽ in thi phẩm mới

CỔ THÁNG BA

Sách Trí Dǎng

— Dịch cǎt tập truyện của Nguyễn văn Xuân, dày 170 trang, gồm 8 truyện ngắn đặc sắc của tác giả từ 1955 đến nay. Giá 280đ.

— Mưu sinh nguyên tác của Maxime Gorki, Trương Đình Cử dịch theo bản tiếng Pháp: « En gagnant mon pain », dày 592 trang. Giá 850đ.

— Xác suất thống kê mô tả Lớp 12 A, của Phan Lưu Biên, Lê Văn Dǎng và Trần Thành Minh, trong bộ sách: « Giáo khoa và Trắc nghiệm Toán 12 A », gồm 7 chương, mỗi chương đều có phần Trắc nghiệm và phần bài tập. Giá 320đ.

Sách « Lửa Thiêng »

— Phạm Thái và Sơ Kinh Tân Trang của Nguyễn văn Xung. Sách dày 248 trang gồm 4 phần: Lược khảo về Phạm Thái, Lược khảo về Sơ Kinh Tân Trang, Toàn bản Sơ Kinh Tân Trang, Phụ lục: toàn bộ thi văn của Phạm Thái. Giá 460đ.

— Đại cương Luận lý học hình thức của Nguyễn Vũ Uyên (Tập I) dày trên 200 trang gồm 3 phần: Đại cương về Luận lý học, Đại cương về Luận lý học hình thức, và Luận lý học hình thức cũ. Giá 520đ.

— Đại cương về Địa lý học thực vật lục địa (quyển II) của Liêu Kim Sanh, dày 536 trang, nhiều hình ảnh, dành cho sinh viên các trường Đại học Văn khoa, Đại học Khoa học, Cao đẳng Nông nghiệp, Đại học Sư phạm. Giá 450đ.

— Khoáng sản Miền Nam của Trần Kim Thạch dày 180 trang, in lần thứ hai, gồm 8 chương, nhiều hình ảnh, trình bày các thứ đá và tinh khoáng hữu ích, ngọc và quý kim, than và quặng kim khí. Giá 350đ.

— Lịch sử địa cầu của Trần Kim Thạch dày 130 trang, in lần thứ 2, có sửa chữa nhiều từ tài liệu, hình ảnh đến danh từ chuyên môn, trình bày Địa cầu từ lúc chào đời đến nguồn gốc sự sống qua thời kỳ của cá và ếch nhái, của rỗng, của đại bàng và ngựa và sự xuất hiện của con người cùng tương lai của quả đất. Giá 280đ.

— Chiến lược và chiến thuật trong Đệ nhất và Đệ nhị Thế chiến của Hoàng Ngọc Thành Quyền I (Đệ nhất thế chiến 1914—1918) dày 122 trang gồm 2 phần: Giai đoạn chuẩn bị và Diễn tiến của đệ nhất thế chiến. Giá 220đ.

Sách Tuổi Hoa

— Ánh nắng nhiệm màu của Chân Phương, loại Hoa đỏ dày trên 120 trang. Giá 120đ.

— Phiến đá hoa cương của Nam Quân, loại Hoa đỏ dày trên 190 trang giá 120đ.

— Như nắng xuân phai của Thùy An, loại Hoa tím, dày 124 trang, giá 120đ.

— Trăng 30 của Lý Thụy Ý, loại Hoa tím, dày 114 trang, giá 120đ.

Các sách trên đây, nội dung rất hợp với tuổi trẻ và các em nhỏ tuổi, trình bày đẹp.

HỘP THƯ

— *Bách Khoa đã nhận được bài của quý bạn sau đây :*

— **THƠ** : Bùi Khánh Thôn, Hồ Thủy Ngữ, Lâm Hảo Dũng, Nguyễn Thanh Tịnh, Nguyễn Văn Lạc, Xuân Đường, Hoàng Dũng, Nguyễn Dạ Linh, Nguyễn Đình Diễm, Huỳnh Uyên Trang, Mai Quế Phương, Võ Duy Chung, Tường Hoài, Nguyễn Ngọc Hoàng, Du Uyên, Trần Ngọc Kim, Huỳnh Kim Sơn, Nước Biền, Nguyễn Ngọc Nghĩa, Nguyễn Yên Nghi, Lành Nhân, Phương Linh, Nguyễn Dũ Ngụy, Mạc Tùy Phái, Trần Chử Ngự, Thủy Triều, Trần Vạn Giã, Tây Phong, Thu Hoàng Sa, Vũ Phan Long, Hàn Dã Thảo, Nguyễn Vũ Phúc, Xuân Đường, Lê Phước dạ đăng, Tô Hưng Ba, Uyên Hà, Trần Hữu Nghiễm, Hoàng Lộc, Xuân Hữu, Hoàng Đình Thao, Cao Trường Huy, Dã Châu, Cao Man Di, Nguyễn Kim Ngân, Võ Văn Lê, Đông Trinh, Hà Đức Thông, Mộc Tùng, Nguyễn Tiến Cung, Nguyễn Tấn Phú, Sơn Ca, Nguyễn Thị Thanh Nguyệt, Cao Chung Kiện, Phạm Đình Luang-Prabang, Võ Chân Cửu, Phạm Cao Hoàng, Trần Văn Nhơn, Phan Hy, Vũ Hoàng Tuấn, Nguyễn Lê Văn, Trần Huệ Ân, Lâm Dạ Hoài, Hải Châu, Thái Tiên Trần, Trần Hoàng Vy, Lan Huệ Em, Trần Văn Hồ, Lê Nguyên Ngữ, Luân Hoán, Thu Đan, Phạm Tường Bá, Phạm Tường Bá, Hồ Thế Phát, Phạm Nhuận, Huy Uyên, Lương Trọng Minh, Diễm Cang.

— **TRUYỆN** : Huỳnh Uyên Trang (Như khúc nhạc buồn), Huyền Hoa

Tử (Yêu muôn), Hồ Nguyễn (Về Đổng Đa), Đỗ Chu Thăng (Thiếp báo hi), Trần Phước Đại (Buổi chiều ở trường Trần Trung Tiên), Lê Văn Thiện (Tâm sự), Mang Viên Long (Không được như cánh chim), Nguyễn Lê Văn (Lỗi lầm của chàng hiệp sĩ), Nguyễn Hoài (Ngôi trường cũ những ngày hồng nhuộm tuổi thơ), Trần Việt Tuấn (Dư âm của người ký thác).

— **BIÊN KHẢO** : Vĩnh Quyền (Một vài nhận xét về đời sống của từ Hán Việt); Trần Lệ Tài (Hannibal...); Diễm Cang (Ngược dòng lịch sử, Cự Võ Hoán, Cuộc khởi nghĩa của Hồng Bào, Hôn nhân Bộ Mện...)

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp Thư này. Bởi vậy các bài gửi đến, ngoài bút hiệu, xin quý bạn nhớ đề thêm tên thực và ghi lại cho địa chỉ hiện tại để tiện liên lạc.

— *Phan Hồng Hoa* : Bách Khoa không có mục « Giải đáp thắc mắc. »

— *Vương đình Trị* : (Căn Thơ) Bách Khoa E và F (385 — 86) là số Tết Quý Sửu giá 180đ, hiện vẫn còn ở Tòa soạn. Việc mua báo năm, ở Căn Thơ không phải gửi thêm cước phí. Truyện « vào đời » của Nguyễn Mộng Giác phần sau đăng chưa thuận tiện và do đó cũng chưa xuất bản được. Chúng tôi sẽ chuyển lời của em tới tác giả. Việc đổi hình thức của Bách Khoa nhằm làm cho tờ báo tươi trẻ hơn mà thôi.

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt



Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chúc "HÒA TIỀN"!

AIP

Belfort ĐỎ

- THUỐC THƠM HƯƠNG VỊ ĐẬM ĐÀ
- BẠC HÀ RẤT MÁT



Belfort XANH

- THUỐC THƠM HƯƠNG VỊ DỊU DÀNG HƠN
- BẠC HÀ RẤT NHẸ

MIC-CHOLON